

<i>quách thoại</i>	1	hồi các lực lượng dân chủ
<i>nguyễn hữu đông</i>	4	tinh thần thế giới văn học hôm nay
<i>nguyễn nghiệp nhượng</i>	17	con đường sắt cũ
<i>trần đức uyển</i>	35	thơ da đen
<i>dương nghiêm mậu</i>	44	đầy tuổi tòi
<i>ihsan abd al kouddous</i>	56	đảng christ miền dichna
<i>lê huy oanh</i>	60	thi ca siêu thực pháp
<i>viên linh</i>	73	bài kim xuyên bis
<i>đoàn ngọc quỳnh</i>	75	tìm ở chi lăng
<i>vương tân</i>	76	II
<i>trần thý nhã ca</i>	77	thơ tình nhã ca
<i>đỗ quý toàn</i>	78	hành khúc trên trái đất
<i>sao trên rừng</i>	79	định mệnh
<i>trần dạ từ</i>	81	những điều thú thật với saigon
<i>đỗ quý toàn</i>	87	vẽ buồn bã
<i>nguyễn trung</i>	91	mấy người bạn

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

tạp chí tranh đấu văn học
nghệ thuật mới

chủ nhiệm :
lý hoàng phong

thư ký tòa soạn :
ngọc dững

số 4

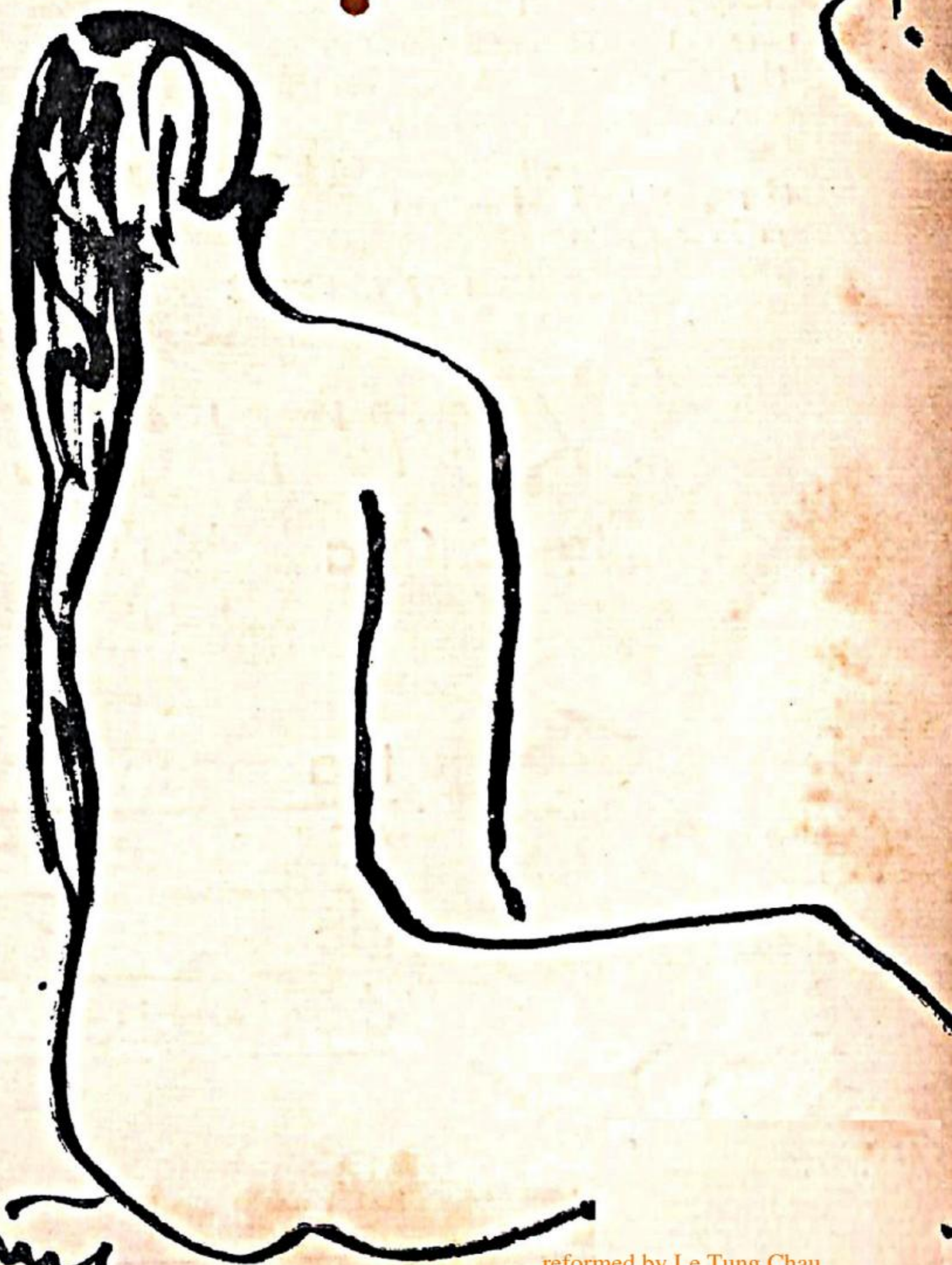
tòa soạn và trị sự

554, trương minh

giảng, saigon

điện thoại : sg. 060

VAN NGHỆ 4



III
n. Tung

háng 5-1961

quách thoại	1	hỡi các lực lượng dân chủ
nguyễn hữu đồng	4	tinh thần thể giới văn học hôm nay
nguyễn nghiệp nhượng	17	con đường sắt cũ
trần đức uyên	35	thơ da đen
dương nghiêm mật	44	dây tuổi tôi
ihsan abd al kouddous	56	đảng christ miền diehna
lê huy oanh	60	thi ca siêu thực pháp
viên linh	73	bài kim xuyên bis
đoàn ngọc quỳnh	75	tìm ở chi lăng
vương tân	76	II
trần thý nhĩ ca	77	thơ tình nhĩ ca
đỗ quý toàn	78	hành khúc trên trái đất
sao trên rừng	79	định mệnh
trần dạ từ	81	những điều thú thật với saigon
đỗ quý toàn	87	vẽ buồn bã
nguyễn trung	91	mấy người bạn

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

tạp chí tranh đấu văn học
nghệ thuật mới

ủ nhiệm :
hoàng phong

tr ký tòa soạn :
lộc đông

ố 4

tòa soạn và trị sự
554, trương minh
giảng, saigon
điện thoại : sg. 060

hỡi các lực lượng dân chủ

Đến lúc phải tỉnh thức
 Không còn được mê ngủ
 Đến lúc phải đứng dậy
 Phải đứng dậy đầy đủ
 Hỡi các lực lượng dân chủ
 Chúng ta phải gây lại sức mạnh hùng cường
 Vì độc tài thì vô lượng
 Âm mưu, lý thuyết, tổ chức, thủ đoạn
 Hành động thì dã man vô lường
 Ôi chao! đau thương không thể tưởng
 Hỡi các dân chủ lực lượng
 Hãy thận trọng đoàn kết và dũng mãnh bước lên đường

hải cảng

Chúng ta phải dùng sắt đá
 Để làm lại xã hội của chúng ta
 Kla liêng ai cười vui quá lạ
 Đường hy vọng sáng bao la
 Chúng ta liền ra đi
 Phá đò gieo lúa mạ
 Khai vườn ruộng trồng hoa
 Ôm nhân dân mà hát
 Nhìn quần chúng mà ca
 Yêu đời không thể tả
 Đau thương đã tàn tạ
 Giặc ác mộng vừa qua
 Năng đã lên rồi đó.
 Bình minh về giữa chúng ta
 Nay các thi sĩ hãy làm thơ
 Để ca tụng người thợ
 Tư tưởng phải được tôn thờ

Hội nhà văn nặng nợ
Hãy dùng bút mà mở
Tất cả cửa tâm hồn
Nhạc thơ trà trộn
Chúng ta ôm hôn
Người dân cây đoi khô
Em bé nhỏ đại khờ
Phải gây thêm sức thơ
Những bộ ngực còn thơ
Phải làm cho hơn lỗ
Những bộ mặt thơ ơ
Phải làm cho thắm nở
Về kho khan nghi ngờ
Ngày vui về giữa hội chợ
Chúng ta cùng nhau gộp gở
Và nhất quyết chúng ta gánh chở
Cả cuộc đời rục rũ
Lên con tàu ngày nay
Tiến ra giữa đại dương ngày mai rộng mở
Mệnh mong xanh thẫm là bến bờ
Anh em ơi !
Hải cảng là đây
Ôi chao hạnh phúc thật vô cùng rạng rỡ

triều ...

Triều đã dậy
Đại dương bùng sóng bão
Núi xôn xao rừng chuyển nhịp chân Người
Đau thương tàn đất cũ nở hoa tươi
Đêm u tối vừa qua ngày sáng tới
Ôi ! quá khứ đã về đây Hội mới
Cả loài người đang hợp dựng tương lai
Hãy ngủ im đi lịm hẳn tiếng thơ dài
Mai rục sáng cười ca lên chắt ngất
Tỉnh đã dậy bắt lay ngồi chặt đứt

Ấp yêu nhau giữa xã hội hòa đồng.
Chúng ta ôm đau khổ bế bồng
Tôn nhân loại để lên ngôi thần thánh
Ôi! nặng trĩu thuở đôi vai gồng gánh
Ôi! văn minh nay tiến bộ diệu kỳ
Chúng ta nhìn Hy vọng tiến ra đi
Niềm tin tưởng nắm trong tay vững chắc
Thiên liêng thay mối tình người kết chặt
Hát hân hoan khi thế hệ trưởng thành
Phút giao hòa nhân loại hết tương tranh
Ôi! kết hợp trong một giờ hội ngộ
Nâng bình trị trời thanh quang trên đại lộ
Xây cao xây Đại nghiệp của loài người
Chúng ta đứng lên hùng vĩ hát ca cười
Tiến theo mãi xe vô cùng sáng tạo

quách thoại

tinh thần thế giới văn học hôm nay

NGUYỄN HỮU ĐÔNG

Cuộc tiến hóa dẫn đến con người đã phải làm hai cái nhẩy vọt bất ngờ, đột ngột, một lần để đi từ thể chất bất động đến sự sống, một lần để đi từ sự sống thuần phác của sinh vật lên đến sự sống ý thức của con người. Ở lần đầu, cái nhẩy vọt đã được chuẩn bị, gây dựng tiên báo từ trước: sự sống đã tiềm tàng trong các nguyên tử, trong những va chạm, chuyển động tuần hoàn của các neutron quanh nhân của nguyên tử, hay tuần tự tiến lên đến sự sống đơn giản phôi thai của các vi trùng đơn tế bào, và các côn trùng thô thiển. Nhưng để bước từ sự sống sinh vật lên sự sống ý thức của con người, cuộc tiến hóa hầu như đã bị cắt quãng, mất hẳn một móc tự nhiên. Không thể có một cây cầu tự nhiên nào để đi từ sự sống sinh vật lên sự sống ý thức, để đi từ những sinh hoạt cơ thể vi hần năng lên những ý nghĩ có mạch lạc, có cừu cánh, có ý thức, có tiến triển của con người.

Đứng trước cuộc sống ý thức con người đành bỏ ngõ nhận lấy một ân huệ bất thường. Do tính cách bất thường này mà để giải thích hợp lý trí óc con người đã phải viện đến sự can thiệp phức tạp của một thần linh có quyền tạo dựng và điều khiển. Sách Sáng Thế Ký mở đầu: và Thiên Chúa tạo dựng nên con người. Hầu hết các thành kinh của các tôn giáo đều lặp lại câu nói trên dưới một hình thức khác. và sự tạo dựng của Thiên Chúa theo sách Sáng Thế Ký cũng có hai phần: phần tạo dựng thể xác từ vật chất thuần túy, và phần ban phú linh hồn, xuất nguyên từ linh hồn rộng lớn của Thiên Chúa trực tiếp giao vào con người bằng một hành vi đặc sủng: Thiên Chúa thổi linh hồn vào thể xác con người. Câu chuyện thần thoại này càng nhấn mạnh ở hai phần dị biệt, màu thuẫn, đối chọi ở con người: phần cơ thể, xuất nguyên từ

vật chất thuần túy, và phần tinh thần, phần ý thức, không có liên hệ tất yếu với cơ thể. Một ý nghĩ thì ăn khớp vào đầu với các tế bào của cơ thể? Tế bào thần kinh chẳng qua chỉ là nơi ghi nhận, thu thập, lưu tồn, tổ chức ý nghĩ; nhưng sáng tạo trực tiếp ra ý nghĩ bằng cái gì, từ cái gì, bởi cái gì? Hề trả lời cho câu hỏi này, một chương mục quan trọng nhất của triết học mệnh danh là phần triết học nghiên cứu tri thức (Philosophie de la connaissance) đã luân quần mãi vẫn không giải quyết được dứt khoát những liên hệ ấy có giữa cơ thể và tri thức, giữa cơ thể và tinh thần.

Tuy nhiên sau những cuộc nghiên cứu công phu và lâu bền, con người có thể rút ra những kết luận sau: sinh hoạt cơ thể trong khung cảnh khách quan song hành với sinh hoạt ý thức, và có ảnh hưởng hỗ tương. Bên nào nắm vai chủ động trong hai phần sinh hoạt đồng chiều này? Vật chất, nghĩa là phần sinh hoạt khách quan, với những khung cảnh thiên nhiên, nhân tạo, những mảnh khoe hành động, những kỹ thuật canh tác, nghĩa là tất cả một cái nền có sẵn khi con người ra đời? Hay là tinh thần, ý thức, và ý chí của con người? Khi thì người ta ngã sang bên này, khi thì ngã sang bên kia. Cuộc tranh chấp để nắm vai chủ động giữa hai phần vật chất và tinh thần kéo dài mãi cho đến hôm nay vẫn không hy vọng kết thúc dứt khoát và tốt đẹp. Tuy nhiên, nếu chúng ta công nhận những nguyên tắc chính yếu về con người: tự do, nhân phẩm trách nhiệm, khả năng thực hiện cuộc sống vật chất và tinh thần; chúng ta tự bắt buộc phải đồng thời công nhận: trong hai phần ảnh hưởng hỗ tương, vật chất và tinh thần, ắt tinh thần phải đóng vai trò chủ động; ít ra là bằng cách nhận thức thực trạng, chấp nhận thực trạng hay từ chối, để rồi từ đó thích ứng hành động vào cuộc sống của mình. Nghĩa là một khi con người ý thức được thực trạng, thì dù thực trạng đó có dưng mãnh đến độ nghiền nát con người, con người vẫn biết, và do hành vi biết, biết để chấp nhận, để công phán, để chịu đựng; hay để đối phó, con người đã là chủ, như Pascal đã nói: dù cho vũ trụ có nghiền nát tôi, vũ trụ không biết việc ấy, còn tôi, dù cho bị nghiền nát, thì tôi biết được việc ấy.

Có những lúc trước thực trạng thù nghịch hung hãn, con người phải nhận vai trò chủ động và vinh quang của ý thức, của tinh thần, để cúi đầu nhận lấy nỗi đè nhục nô lệ, bị trị, đối với thực trạng khách quan. Văn học hiện đại và cận đại đã cho chúng ta thấy tất cả những tâm trạng đó: có lúc con người trong thế giới văn chương và nghệ thuật chán nản, thoái thác trách nhiệm và vinh quang làm người tự do, làm người ý thức để sống đời nô lệ tinh thần; có lúc con người công phán với những cùm xích vô hình nặng trĩu trên tâm hồn, và hung hăng phá tán những cùm xích ấy; có khi con người tỉnh táo và sáng sủa nhận chân được vị trí và những tương quan giữa mình và thực trạng khách quan. Thế kỷ thứ XIX và XX này đã là hai thế kỷ đặc biệt của công cuộc giải phóng và xây dựng con người, thoát liên ở phần ý thức, phần văn hóa để hy vọng thể hiện sang phần hành động và tổ chức.

NHỮNG LUỒNG TƯ TƯỞNG PHÁ PHÁCH CỦA THẾ KỶ XVII VÀ XIX

Những nền văn minh thượng cổ Đông phương tiến đến một chót đỉnh quanh những thế kỷ đầu của Tây lịch kỷ nguyên thì bỗng dừng ngưng đọng lại, và sống với những vốn liếng tinh thần có sẵn mà không sáng tạo cái gì mới mẻ. Đó là trường hợp của những nền văn minh Ba-Tư, Ấn Độ và Trung-Hoa. Trong lúc đó nền văn minh Cận đông khai hoa trong văn minh Hy-Lạp; để kế tiếp, hoàn tất trong văn minh La-Mã, và văn minh Tây phương Thiên chúa giáo. Nền văn minh Tây phương như thế bắt nguồn từ văn minh Hy-Lạp La-Mã, trưởng thành với sự góp công của Thiên chúa giáo để dẫn đến hôm nay, với tất cả những nét phức tạp, phong phú, mãn thuẫn của nó. Nền văn minh này đang làm bá chủ hoàn cầu. Vậy tìm hiểu nó tất nhiên phải tìm hiểu xuất xứ của nó từ những nước Tây-phương.

Di sản Hy-La đem lại cho nền văn minh Tây phương những phương thức suy luận, tổ chức và hành động. Suy luận thì khúc chiết, vị lý, minh bạch, sáng sủa, thiên về phân tách hơn lồng hợp; tổ chức thì chặt chẽ, vô ngã, có khuynh hướng lập trung và máy móc quá đong; hành động thì vụ lợi, chú trọng đến thành công gần như nhất thời, lấy vật chất làm khung cảnh và đối tượng.

Thiên chúa giáo đem lại một tinh thần tôn trọng con người; hợp lý và hợp đạo hóa quyền uy chính trị (Vua là kẻ thừa hành Thiên chúa để trị dân); đặt những căn bản thuần lý cho những đòi hỏi bình đẳng bình quyền giữa mọi người; tuy nhiên lại nó lệ hóa con người về mặt tín ngưỡng; con người tuy bình đẳng bình quyền giữa con người với nhau, nhưng trước mặt Thiên chúa thì chỉ là cái bụi, là tội lỗi, đương nhiên không có quyền hưởng đặc ân cứu rỗi mà phải nhờ vào một ân sủng đặc biệt và bất thường; mặt khác Thiên chúa giáo lôi kéo tâm nhin của con người hướng về trời hơn là về chính thân phận hôm nay của mình, và mặt đất mình đang sống đây.

Hai phần trong nền văn-minh Tây phương đã hiện diện bên nhau, đôi khi hỗn hợp, nhưng không bao giờ hòa đồng, nhất thống làm một, cho nên thỉnh thoảng xảy ra những vụ xung đột giữa hai phần ấy, hay những vụ tách rời, và xâu xé. Đó là trường hợp hôm nay, bắt đầu từ những thế kỷ Trung cổ, nảy nở trong thời kỳ Phục hưng, và bùng nổ ra trong ba thế kỷ sau cùng này. Tuy nhiên giữa hai khuynh hướng biệt lập ấy vẫn có những ảnh hưởng hỗ tương không thể nào chối cãi và tránh trừ được.

Những nguyên vọng chính đáng mà sự gặp gỡ của hai trào lưu tư tưởng tốt đẹp trên gây nên, nảy sinh trong thời kỳ Phục hưng; chủ quyền, nhất thống của quốc gia; tự do và sự thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu của cá nhân; thêm vào đó và nằm ở chiều sâu là những băn khoăn lớn giáo và siêu hình về kiếp người, thân phận người, những khả năng và những nỗi sợ hãi. Nhưng tổ chức xã hội trong lúc đó thì bất

cứ trong việc giải đáp tất cả những đòi hỏi này ; những hứa hẹn của tôn giáo cũng trở nên vô hiệu và viên vông quá ; những nhằm lẫn tình thần, tôn giáo, chính trị càng làm cho con người phần nọ. Cách-mạng 1789 chỉ là một lúc mở nắp an toàn cho luồng phần nọ ấy trào ra để phá tan, rồi dịu đi và trưởng giả hóa trong một cuộc sống trở lại tầm thường và bầu thiu như trước hay hơn trước. Những tay làm cách mạng lần lượt trở nên những kẻ hưởng lạc, bất cần vận mệnh quốc gia, dân tộc, cũng như bất cần cả số phận gần xa của mình. Người dân thì vẫn khờ với những vấn đề cơm áo và tự do không được giải quyết ; con người thì vẫn khờ với những bản khoản ngàn thừa không ngũ ngũ được ra sao cả. Những cuộc chinh phục chủ quyền quốc gia trong thế kỷ XIX (Ý, Đức, các nước Cận đông, và vùng Balkans) chỉ đặt lại khung cảnh mới cho những vấn đề cũ mà thôi, ngoài ra tất cả vẫn không hơn kém: vấn đề cơm áo của dân chúng càng đình, vấn đề tự do của mọi người, vấn đề bình quyền bình đẳng ; hay là vấn đề những day dứt siêu hình, tất cả không thay đổi gì mấy.

Như thế con người nhận thấy mình đã cầu viện rất nhiều lực lượng, lay lực rất nhiều thần tượng, mà cuối cùng vẫn không giải quyết được khó khăn nào. Con người kết luận : tất cả những lực lượng đó, những thần tượng đó vô nghiệm, bất lực giả tạo ; nên phá đổ đi cho trống nền để xây dựng những lực lượng, những thần tượng mới cần thiết và hữu ích hơn. Đó là tinh thần phá phách ngông cuồng của thế kỷ XVIII và nhất là thế kỷ XIX.

Những qui luật thơ văn kịch nghệ cổ điển cũng bị phá vỡ bởi phong trào lãng mạn cá nhân, sau những phá vỡ xã hội và chính trị của các cuộc cách mạng chính trị và xã hội.

Những thần tượng bị hạ bệ (Thiên chúa đã chết), những giá trị tinh thần và nghệ thuật bị hoài nghi và xét lại, những cơ cấu kinh tế bị đủ kích. Một vài căn bản được xây dựng, lấy khoa học, hay là cái được tưởng là khoa học, làm nền tảng chính. Thế kỷ mười chín là thế kỷ súng thương khau học và bài xích tôn giáo, thế kỷ thí nghiệm dân chủ và đánh đổ quân chủ. Một hệ thống tư tưởng lớn ra đời có tham vọng giải quyết toàn diện vấn đề con người bằng bùa phép kinh tế ; nó tưởng rằng chỉ cần cho con người miếng ăn, và chỗ ở, kèm thêm một vài thỏa mãn sinh lý cần thiết, là giải quyết được dứt khoát và toàn vẹn vấn đề nhân sinh ; đó là chủ nghĩa Cộng sản. Đối với cuộc tranh chấp tinh thần và vật chất, nó quá quyết : vật chất chủ động tuyệt đối, và còn là nguyên nhân phát sinh tinh thần. Từ nguyên lý này nó tổ chức tất cả mọi ý nghĩ thành một hệ thống chặt chẽ. Nhưng mãi sang đầu thế kỷ XX nó mới có cơ hội đem ra áp dụng. Kết quả là nó đẻ ra một chế độ độc tài tàn thời, vô cùng khắc nghiệt nhưng cũng vô cùng xảo trá, bóp nghẹt, nghiền nát chẳng những đời sống vật chất mà cả đời sống tinh thần, mà vẫn không bảo đảm rõ hơn, nó hủy diệt hẳn đời sống tinh thần. Như thế cuộc thí nghiệm Cộng sản thất bại.

Trong thời kỳ này các tôn giáo im lặng, chỉ lo thích ứng lại những cơ sở cũ kỹ và lỗi thời của mình, giải tỏa một vài chân lý, cũng cố một vài đặc quyền.

TÂM TRẠNG CÔ ĐỘC CỦA CON NGƯỜI ĐẦU THẾ KỶ XX

Con người, và nhất là con người làm văn hóa chân ngán tất cả những thứ đó, những thực thể trừu tượng hay siêu hình, hoặc là những thần tượng tôn giáo, nên thẳng thắn nhìn về con người và mặt đất. Một nhà văn, Tolstoi nói: hãy đứng vững trên mặt đất trước đã. Đó là phương châm của thế hệ thứ nhất của thế kỷ XX, của những Gide, Simone Weil, Bertrand Russell. Thoạt đầu họ cảm phẫn những ràng buộc quá khứ, những tôn giáo hay những chế độ chính trị xã hội, nhưng rồi họ thuần tính lại không còn căm giận ai hay một cái gì nữa, mà chú ý đến con người, con người đơn độc và trơ trọi, yếu hèn. Một tâm trạng cô đơn xâm chiếm thơ văn của những năm đầu thế kỷ. Con người thoát ý thức được chính mình, nhưng chưa ý thức được kẻ khác, và những tương quan mật thiết giữa mình và kẻ khác, giữa mình và thiên nhiên. Những nhân vật của Malraux trong *La voix royale*, hay cả cuộc đời của Lawrence, là những con người cô độc, những cuộc đời đơn lẻ; có kiêu hãnh, có hướng binh nhưng thiếu một chút yêu thương, một chút thiện cảm. Hình ảnh tương trưng cho con người lúc này là hình ảnh con đại bàng gãy cánh sa xuống đàn gà vịt, hay hình ảnh một chiếc tàu lênh đênh vô định, không hướng dẫn, không bến bờ, không chờ ai, không ích lợi cho ai, mà cũng không lệ thuộc vào ai.

Con người lúc này ích kỷ, chỉ muốn lánh thân lấy một mình. Những lo âu, hầu hết chỉ là những lo âu cho cái tôi nhỏ bé. Những người bạn của Saint Exupéry chẳng hạn, và cả chính ông nữa, đã làm những buổi phận gay go, không phải vì một ý thức tương quan xã hội, vì hữu ích cho xã hội hay không, nhưng chỉ vì một lòng kiêu hãnh đơn độc vì một thách đố với khó khăn cần phải thắng cuộc. Ông sống lâu, nên kịp thì giờ biến chuyển, và tìm thấy một chút tình thương yêu, đặt được một chút tương quan giữa mình và người. Nhưng một số đông không có cái may mắn ấy.

Đến một lúc con người, và con người văn nhân nhận thấy ý nghĩ này quá nhỏ bé, quá ích kỷ; những kiêu hãnh ngông nghênh kia thật giả tạo và thừa thãi; những thái độ hờn dỗi và bất cần đối với xã hội thật là lố bịch. Họ khao khát được sống cuộc đời chen vai sát cánh cùng đời tập thể, Lawrence gia nhập binh đội để tìm tình thân sống chung mà may ra bộ đồng phục có thể mang xuống cho ông chăng? Nhưng ông đã chết thảm thương trong một tai nạn đường trường, khi chưa kịp khám phá ra cái vinh dự và hạnh phúc sống cho kẻ khác, vì kẻ khác, với kẻ khác. Cái chết của Lawrence kết liễu một thế hệ, một hạng người sống ngoài xã hội, tưởng rằng sống trên xã hội, tự mình xây thần tượng

cho mình (gồm nhiều mảnh bìa đặt, giả tạo), rồi muốn cho kẻ khác tin theo và tôn thờ

CON NGƯỜI YẾU HÈN BỊ NGHIÊN NÁT BỞI KỸ THUẬT CƠ GIỚI

Một yếu tố mới đến góp mặt vào cuộc sinh hoạt của nhân loại kỹ thuật. Nói rằng mới thì cũng chỉ là một cách nói ngoa ngôn mà thôi; kỹ thuật đã có rất lâu, đồng thời với lịch sử phát sinh của con người. Nhưng mãi cho đến những thế kỷ gần gũi, và nhất là những năm gần gũi đây thì nó mới có một tầm quan trọng, và một sức mạnh lớn lao đủ chi phối, chế ngự, nô lệ hóa con người. Thoạt đầu là cái máy hơi nước, đi đến những thực hiện nguyên tử chiến tranh hay nguyên tử hòa bình. Bây giờ thì con người sống trong một thời đại kỹ thuật tối tân phân chia, định đoạt, tiên đoán, tổ chức tất cả mọi hành vi của con người, chỉ quên mất mỗi một điều nhỏ mọn: con người.

Phải, con người trong xã hội kỹ thuật không còn chỗ đứng tự nhiên của nó. Tất cả tầm thước của nó bị giới hạn vào một dụng cụ sản xuất và tiêu thụ. Con người đã bị biến hóa thành một mục nhỏ trong tập thể, thành một con số bên cạnh những con số khác. Hãy nhìn thẻ căn cước của một người: sinh năm... cao... nặng... một nút ruồi... và một hàng số kèm thêm những ký hiệu bí mật. Đó là những cái gì mà con người còn lại sau khi đi vào trong một xã hội kỹ thuật, cái kỹ thuật đã xâm chiếm tâm hồn con người.

Thực ra kỹ thuật không nhất thiết phải có một tác dụng nô lệ hóa con người. Nếu nó có thể có một tác dụng tự nhiên nào, thì đó phải là tác dụng giải phóng con người khỏi những công việc nặng nhọc. Nhưng những toán tính ích kỷ của một lớp người đã đầu cơ cái phương tiện mạnh mẽ kia là kỹ thuật, để làm lợi cho riêng mình bằng cách đàn áp kẻ khác. Kết quả là ngày nay con người đứng trước một tình trạng phi lý đến cực độ: kỹ thuật xâm nhập vào tâm hồn và máy móc hóa tâm hồn con người, máy móc hóa tất cả ý nghĩ, tất cả tổ chức xã hội, chính trị kinh tế. Một phong trào văn chương và nghệ thuật đang phản ứng lại tình trạng này và đòi hỏi một sự sắp đặt hợp lý hơn, trong đó kỹ thuật không là chủ mà trở nên đầy tớ cho con người. Người ta đã nói đến rất nhiều về cuốn Giờ Thứ Hai Mười Lăm của C.V. Georgiu chỉ vì nó đã diễn tả được phần nào tâm trạng ngột ngạt của con người dưới sự thống trị của một chế độ kỹ thuật tân thời. Và Aldous Huxley trong cuốn Một Thế Giới Mới Toàn Đảo (the brave new world) đã phác họa viễn tượng đen tối của một thế giới kỹ thuật hóa đến tột độ, trong đó con người lần lượt biến thành những người máy, không tinh thần, không tình cảm.

Phát triển kỹ thuật nếu đã đặt ra những khó khăn, những đau khổ lớn như thế, thì mặt khác nó cũng đã tăng thêm những cái khổ sở đau đớn thông thường của một lớp người xấu số: lớp thợ thuyền. Những

bức họa của Van Gogh về người thợ mỏ Âu Châu vào buổi đầu của thế kỷ kỹ thuật đã cho ta một hình ảnh đen tối của con người bị nghiền nát dưới sức mạnh kỹ thuật. Những mô tả của Simone Weil sẽ cho ta thấy rõ hơn số kiếp của một thành phần nhân loại.

Một ảnh hưởng khác của kỹ thuật: tăng thêm những tàn phá của chiến tranh. Đất nước Tây ban nha đã là một trường thí nghiệm cho những loại vũ khí mới của hai khối Quốc xã và Cộng sản. Sau này trong thế giới đại chiến thứ hai, hoàn cảnh Tây ban nha sẽ lan rộng khắp thế giới. Kết quả: con người thực sự, cụ thể bị nghiền nát ra như cám bởi kỹ thuật chiến tranh. Cả một phong trào văn chương và nghệ thuật đã tố cáo những tàn khốc do kỹ thuật, và nhất là do kỹ thuật chiến tranh gây nên. Những tên tuổi quen thuộc và thiện cảm: Hemingway, Mauriac, Camus, Sartre, cả một thế hệ văn nhân lên tiếng tố cáo những tội ác của kỹ thuật chiến tranh, và tiên đoán những tội ác lớn lao hơn sắp xảy ra, cổ vũ một phong trào tư tưởng phản ứng lại nạn xâm lăng của kỹ thuật vào đời sống tinh thần của con người.

NHỮNG CÁI KHỔ NHỎ BÉ CỦA NHỮNG CON NGƯỜI NHỎ BÉ

Bên cạnh khung cảnh vĩ đại, kinh hoàng ấy, vẫn còn những cuộc đời nhỏ bé và những cái khổ nhỏ bé, nhỏ bé nhưng không phải là không xói xa cay đắng như những cái khổ lớn kia. Khổ và chết vì đói lạnh thì có thua sút gì khổ và chết vì bom nguyên tử? Bao giờ cũng vẫn còn những con người nhỏ bé hèn mọn trong nền văn minh vĩ đại này chịu những cảnh khổ nhỏ bé hèn mọn ấy. Chỉ có những con người nhỏ bé hèn mọn thôi sao? Có cả những dân tộc, những lục địa đang chịu lấy những cái khổ nhỏ bé ấy. Thiếu thốn cơm áo, đất sống, khí thở. Thiếu thốn một đồng ý đến những đau khổ lớn, mà cũng đang chú ý đến những cái khổ bé hèn mọn này. Những nhà văn Nam Mỹ, Ấn độ cho ta những cảnh khổ nhỏ bé hèn mọn của những người dân nhược tiểu sống giữa thế kỷ hai mươi, mà như sống vào thời thượng cổ, bên cạnh những kẻ phồn, xươg minh là văn minh. Một cuốn sách của Camus đã muốn diễn tả tất cả những cái khổ hèn mọn ấy bên những cái khổ lớn, trong khung cảnh chết chóc, điên cuồng kinh hoàng ngày tận thế. «La Peste». Khi bệnh dịch lan tràn thì mọi người đều có thể nhiễm, có thể chết, có thể đau đớn khổ sở. Tuy nhiên những tên ác nhân lại dường như thoát khỏi, sống phồn phồn trên cái khổ của kẻ khác.

BỜİ ĐÁU NHỮNG TỆ ĐOẠN NÀY XẢY RA?

Một câu thánh kinh: Bờİ đầu những tệ đoạn này xảy ra? Phải, tại sao khi con người có đủ phương tiện ngăn chặn cho nó đừng xảy ra. Đó là câu hỏi mà mọi người đã thẩm thì tự đặt ra. Đó còn là câu hỏi mà các kẻ

làm văn hóa hôm nay đang đặt ra, và cố gắng giải đáp chân thành. Đó còn là nhan đề của một cuốn sách xuất bản giữa năm 1960.

Con người là một sinh vật biết suy nghĩ. Ở con người, cá nhân cũng như cộng đồng, hai phần sinh hoạt vật chất khách quan và sinh hoạt tinh thần, hai phần văn hóa và kỹ thuật, bao giờ cũng nằm trong một tình trạng so le, lồi nhíp, sai khớp. Sự so le xảy ra hai chiều: giữa các địa phương; có nơi những phát triển kỹ thuật, và trình độ văn hóa có thể lên rất cao; có nơi lại tiến quá chậm. Sự so le còn xảy ra giữa phần ý thức, và phần sinh hoạt khách quan, giữa phần văn hóa và phần kỹ thuật. Thường thường thì kỹ thuật biến chuyển nhanh và dễ dàng hơn văn hóa. Chỉ cần một phát minh mới, và một quyết định của một người có thẩm quyền, có khả năng là có thể biến đổi cơ cấu kỹ thuật ngày một ngày hai. Trong lúc muốn biến đổi một ý thức hệ, một nền văn hóa thì cần phải mất rất nhiều thì giờ và nhiều việc làm lâu dài. Do đó con người của một nền kỹ thuật tân tiến vẫn sống với những căn bản tinh thần hủ lậu. Các lãnh tụ của các cường quốc hiện nay vẫn tính chuyện ném bom nguyên tử sang một quốc gia thù nghịch, như tên dân thái cổ ném viên đá cuội vào đầu địch thủ của nó, hay như David ném Goliath vậy. Khi những cơ cấu sinh hoạt khách quan đã vì kỹ thuật mà biến đổi hoàn toàn rồi, thì những mối tương quan dựa những con người vẫn không chịu thay đổi mấy may. Một nền kinh tế dựa trên cạnh tranh, nghìn là trên ý thức thù nghịch phát sinh từ thời kỳ du mục, con người dành dặt nhau từng con mồi, từng miếng thịt săn được vẫn còn hữu dụng hôm nay. Thật là lỗ bịch.

Sự so le này, kèm thêm sự trì kéo, mâu thuẫn giữa hai thành phần: một bên muốn tiến theo kịp nhịp tiến của kỹ thuật, một bên muốn sống ừ lì, vô trách nhiệm với những nền tảng cổ hủ, là nguyên nhân của bao nhiêu đau khổ, bao nhiêu bất công, bao nhiêu tệ đoan.

Những kẻ làm văn hóa hôm nay hầu hết đều bắt đầu cảm thấy cần thiết thủ, và tiền phong ngày nay hầu hết đều phát triển kỹ thuật, giữa phần phải có một cuộc so lại cung nhịp giữa văn hóa, phần ý thức tập thể cũng như sinh hoạt khách quan và phần văn hóa, phần ý thức tập thể cũng như cá nhân. Những giá trị, những căn bản cũ, những cơ cấu tinh thần cũ, cũng như những bản tượng cũ bị xét lại bằng một tầm nhìn xoi mói, không thiên vị, không thành kiến, không cảm phần ngông nghênh. Thế hệ thù oán những ràng buộc quá khứ bắt đầu tàn lụi. Thế hệ hôm nay thanh thản đặt vấn đề và giải quyết vấn đề trên quan điểm rộng lớn con người. Những lực lượng phá hoại, dù là Cộng sản hay Quốc xã đã chứng tỏ những giá trị và những bản tượng cũ bị phá hủy thì con người vẫn không hề hấn gì, tận thế vẫn không xảy ra, những lời nguyện rửa vẫn không nghiệm. Nghĩa là con người có thể phá đổ tất cả những cái gì tỏ ra vô ích, không thích hợp với thực tại hôm nay, để xây dựng những căn bản thích hợp hơn. Và thực sự có những con người đang thận trọng nhưng can đảm làm công việc ấy.

Một công việc đang thực hiện thì khó lòng tiên đoán chắc chắn kết

quả nó ra sao. Tuy nhiên chúng ta có thể nhìn thấy trong đó một vài căn bản chính yếu tất nhiên được tồn tại, và sẽ được dùng làm nền tảng cho những nỗ lực tổ chức và xây dựng tương lai. Trước tiên đó là một ý thức sáng suốt và đầy đủ hơn về con người. Con người từ đây không thể là con người sinh ra đã mang mặc cảm tội lỗi đối với cuộc sống, và ao ước trốn tránh cuộc sống của các tôn giáo; cũng không thể là con người kinh tế của Cộng sản; cũng không thể là con người hẹp hòi của một quốc gia. Và con người mới, con người đầy đủ và toàn vẹn này sẽ được tôn trọng xứng đáng phẩm vị của nó, sẽ được xem như trung tâm, quanh đó những điểm phụ thuộc sẽ quay thành những vòng tròn đồng tâm. Những cửa ngõ quanh cuộc sống vẫn được mở rộng để con người, nếu muốn và có khả năng, có thể tiến đến một tầm nhìn khám phá; nghĩa là con người không nhận cuộc đánh đổi thua thiệt: cơm áo, hay là đời sống tinh thần; cơm áo đủ thì không có đời sống tinh thần; có đời sống tinh thần sung túc thì cơm áo chật vật thiếu hụt. Phương trình không thể đặt ra như thế, mà cần được đặt lại: cơm áo và đời sống tinh thần tăng tiến thuận chiều và tỷ lệ với nhau. Tất cả mọi phương tiện: kỹ thuật, tin ngưỡng, khoa học... đều cần phải hướng vào cứu cánh duy nhất ấy. Tất cả vì con người. Đó là phương châm mới cho đời sống mới.

Những xây dựng trong thế giới văn chương đã như thế, nó đang có tác dụng thức tỉnh một ý thức hệ tập thể ù lì ngái ngủ, và xây dựng một nền văn hóa mới cho cuộc sống mới. Nhưng bao giờ thì cuộc sống mới, trật tự tổ chức mới đã mơ ước thực hiện được? Những nỗ lực khám phá và xây dựng trên tuy đang có, nhưng còn hẹp và lẻ tẻ. Nó nảy nở trong một giới thức giả, mà chưa lan rộng ra quần chúng. Một thành phần vẫn chưa từ bỏ được những hoài niệm quá khứ vàng son. Thời hoàng kim của lớp người này vẫn là thời Nghiêu Thuấn, nghĩa là một thời quá khứ, mà không phải là tương lai trước mặt. Chỉ bao giờ một đa số nhận lấy tương lai làm kiểu mẫu và đối tượng cho hành động thì ngày đáng mừng mới gần gũi được.

NHỮNG CỘT TRỤ CỦA TÒA KIẾN TRÚC NHÂN BẢN TƯƠNG LAI

Văn chương và nghệ thuật hôm nay đã được dùng làm diễn đàn để trình bày ra ánh sáng dư luận những thức mặc, những công phần, những tệ đoan, cũng như những nguyện vọng, những mơ ước viễn vông hay chính đáng nhất của con người thời đại. Sau khi đã nhận chân được những trở ngại cần phá dỡ, những di sản quý báu cần duy trì, những bước vấp ngã cần tránh khỏi, và lường đi cần phải theo, con người hầu như đang làm một cuộc kết toán, những gì có thể dùng vào tòa kiến trúc tương lai, và những gì cần loại bỏ ra ngoài.

Những ý thức phân chia, kỳ thị, kiêu sa vì lý do chủng tộc, quốc gia, giai cấp hay tôn giáo đã thịnh hành trong một trật tự dựa trên nền tảng

của ý thức tranh sống (phương châm : sống là tranh đấu nhất là tranh đấu với kẻ khác) tất nhiên phải được hủy bỏ. Ngày nay nền tảng cho một tương quan nhân sinh mới không thể là ý thức tranh sống, mà phải là một ý thức tương thân và cộng tác. Kỹ thuật hôm nay làm cho sự cạnh tranh ý thức tương thân và cộng tác. Kỹ thuật hôm nay làm cho vận mạng nhân loại, mà cũng nếu lên đến tuyệt đỉnh sẽ trở nên nguy cho vận mạng nhân loại, mà cũng vô ích. Ngày nay điều cần thiết không phải là tranh giành nhau một địa vị một ưu thế, một thị trường, hay một quyền lợi nhỏ nào, mà chính là một phương thức tổ chức, cộng tác, phân công, bắt đầu từ một đơn vị xã hội nhỏ để lan tỏa ra khắp thế giới. Nhưng một số người không muốn hiểu điều này, vẫn ù lì trong những chấp nhận cũ kỹ. Tuy nhiên trước đe dọa một cuộc tàn diệt kinh hoàng tất nhiên xảy đến do sự va chạm hoàn vũ mà kỹ thuật chiến tranh có thể gây nên, nếu không diệt được ý thức phân tranh, và những nguyên nhân phân tranh, con người bị buộc phải hiểu một sự thật vô cùng đơn giản, và chọn lựa một quyết định quan trọng. Nevil Shute, nhà văn người Anh đã từ trần, trong một cuốn tiểu thuyết dự phóng tương lai : Bờ Bến Cuối Cùng (đã quay thành phim) đã phác họa một quang cảnh tàn diệt rất có thể xảy ra : một chiến tranh nguyên tử toàn diện gây nên do sự vô ý thức của một quốc gia nhược tiểu, kéo theo sự tham chiến của những cường quốc nguyên tử, sẽ làm không khí địa cầu nhiễm phóng xạ nguyên tử đến cái độ không còn có thể chấp nhận một sự sống nào trên mặt đất này nữa. Thiên phóng sự rất xác thực của Robert Jungk : Vivre à Hiroshima, cụ thể hóa những đe dọa tàn diệt bởi kỹ thuật chiến tranh nguyên tử hôm nay trở nên rất tầm thường và thông dụng ?

Vậy không thể khởi xướng một công cuộc xây dựng nào khi chưa loại trừ được ý thức phân tranh, thù nghịch, kỷ thị, đố kỵ, lối thời. Đây không là một điều quá mới mẻ đâu ; những bậc hiền nhân Ấn Độ, những Tagore, hay những Gandhi đã đem cả đời sống của họ cô vũ một phong trào tương thân rộng lớn giữa những con người khác chủng tộc, khác văn minh, khác tôn giáo, khác lục địa.

Và tất nhiên sau đó cần phải xây dựng một ý thức tương thân, làm nền tảng cho những tương quan xã hội. Một khi tinh thần phân tranh, thù nghịch, kỷ thị, đố kỵ giữa người và người không còn nữa, và ý thức tương thân bắt đầu phát triển, tất nhiên kết quả đầu tiên là một tâm trạng khoan dung cần thiết để đi đến hợp tác, hủy bỏ những ngăn cách thù nghịch.

Kỹ thuật không còn là một đe dọa đáng sợ mà sẽ trở nên một yếu tố xây dựng quý báu. « Sự tàn rã của xã hội kỹ thuật ấy sẽ được nối tiếp bởi sự phục sinh những giá trị nhân bản và tinh thần. Ánh sáng lớn này sẽ phát sinh từ Đông phương. Từ Á đông. Nhưng không phải từ Tây Nga xô. Người Nga đã phủ phục trước ánh đèn điện du nhập từ Tây phương, và sẽ không thể sống sót sau nạn hủy diệt của văn minh kỹ thuật. Con người Đông phương sẽ chinh phục được xã hội kỹ thuật, và sẽ dùng ánh đèn điện để soi sáng đường lộ và nhà cửa. Nhưng

không bao giờ họ trở nên nô lệ của kỹ thuật, và dựng bàn thờ cho kỹ thuật, như hiện nay xã hội kỹ thuật Tây phương đang làm, với tất cả sự man rợ của nó. Họ sẽ không dùng ánh đèn neon để soi sáng những đường lối của trí thức và tâm hồn. Con người Đông phương làm chủ được những máy móc của xã hội kỹ thuật bằng trí thức của mình, chẳng khác nào một nhạc trưởng trong ban nhạc, nhờ thiên tài điều khiển sự hòa hợp thanh âm. Nhưng chúng ta không có quyền biết đến thời kỳ ấy. Chúng ta sống một thời đại trong đó con người phủ phục trước mặt trời ánh điện, như một tên dân man rợ ».

Đoạn văn trên của một văn nhân Tây phương sống ở một xứ sở đã chứng kiến những luồng giao tiếp của các văn minh đông tây, của C-V. Georgiou, cho chúng ta một hy vọng và một hãnh diện.

Một triết gia Tây phương đã qui định rõ ràng hơn những hướng đi của tương lai nhân loại, nếu nhân loại muốn tránh nạn diệt vong, hướng đi đó được thúc đẩy, định hướng bởi ba trục tăng tiến chính : sự tăng tiến của khuynh hướng thống nhất và tổ hợp xã hội, nghĩa là của các khối và các chủng tộc ; sự tăng tiến của kỹ thuật và cơ giới ; và thứ ba là sự tăng tiến của tâm nhĩn, tâm ý thức, tâm nhận định. Ba trục tăng tiến này cần được thúc đẩy chúng phát triển thỏa thuận đồng đều, bằng không khó tránh được nạn tàn diệt, hay ít ra một tình trạng sinh hoạt đau thương và éo le. Tôi quên nói rằng triết gia Tây phương đã đưa ra ý kiến này là một linh mục thiên chúa giáo, cha Pierre Teilhard de Chardin.

Chúng ta đã nêu một trong những nhảm lẫn quá khứ : phân chia con người thành nhiều bề mặt mâu thuẫn, thù nghịch ; và mỗi nỗ lực xây dựng tổ chức, chỉ chú trọng đến bề mặt của con người muốn mặt ấy mà thôi : tôn giáo với đời sống tâm linh ; chính trị với đời sống xã hội . . . Kết quả là không một vấn đề nào được giải quyết tốt đẹp. Lý do : con người là một người thực thể thuần nhất, bất khả phân. Không thể định nghĩa con người bằng một danh từ phân loại. Cũng không thể giải quyết vấn đề con người tuân tự và riêng rời : hãy thỏa mãn cái ăn, đến cái uống và lẫn lượt đến những cái khác. Con người là tất cả, và nếu muốn cho con người không bị khinh miệt, mất nhân phẩm, bị nghiền nát, cần phải giải quyết thỏa thuận và đồng thời những vấn đề thiết yếu của con người. Một nhảm lẫn hôm nay : con người đã bị thời miên bởi những nhu cầu và những thỏa mãn vật chất, đến nỗi không nhìn thấy những nhu cầu, những đòi hỏi chính đáng nào khác nữa. Hai khối thú giới mệnh danh là tự do và Cộng sản, hay tự do và độc tài, cũng không bên nào tránh được nhảm lẫn ấy, chỉ khác mỗi việc là phương thức hành động : một bên chủ trương một chế độ kinh tế tự do nghĩa là tự do cạnh tranh ; một bên chủ trương kinh tế chỉ huy chặt chẽ, hầu như toàn diện và tuyệt đối. Những phát triển kỹ thuật, và tình trạng thế giới hôm nay bắt buộc tiến đến một chế độ kinh tế tập trung và chỉ huy chặt chẽ, do đó những khác nhau giữa đôi bên rút ngắn lại rất nhiều. Tuy nhiên ở phía thế giới mệnh danh tự do, con người còn đối chọi thối tha cho đời sống tinh thần thuần túy. Vậy hy vọng hôm nay là tìm thấy một thể

hòa hợp, tổng hợp giữa những khuynh hướng riêng rời kia để con người được giúp đỡ những phương tiện tinh thần và vật chất giải quyết thỏa thuận và đồng thời những đòi hỏi thiết yếu của đời người. Sự hòa hợp đó đã đến lúc con người nhận thấy là cần thiết, tuy rằng những tri thức quá khứ chưa cho phép nó phát huy sâu rộng hơn nữa. Sự hòa hợp tốt đẹp hội tụ được tất cả những nỗ lực riêng rời quanh vấn đề con người. Lỗi đề cập đến và giải quyết vấn đề con người từ những điểm riêng rời và nhỏ hẹp chỉ có thể xuyên tạc vấn đề con người.

Nhưng đem lại cho con người một đời sống trần gian chưa thể đủ được. Chúng ta đã nói rằng trong một trật tự nhân bản tương lai, cần phải đề ngỏ tất cả những của nhìn về mọi hướng. Một trong những của nhìn đó, quan trọng, cần thiết nhất, là nhìn về thế giới «bên kia», thế giới siêu hình, thế giới đạo đức. Phải, không thể giải quyết vấn đề con người một cách đơn giản quá đáng: bảo đảm một đời sống sinh lý no nê. Ngoài đời sống đó, trên đời sống đó, và ngay trong đời sống sinh lý đó, con người đã hướng một tâm nhìn mang nhiều thắc mắc về hư không hay vĩnh cửu bên kia cuộc sống ngắn hẹp này. Ở đây trước tiên cần phải có một thái độ khoan dung rộng rãi đối với tất cả mọi ý kiến, mọi thiên chí. Những sự cuồng tín khát khe không ích gì nữa. Nói đến đây, chúng ta không khỏi nhớ đến thái độ Cộng sản, một thái độ độc đoán lối bịch: con người không có quyền nhìn qua giới hạn vật chất, không có quyền đề tìm một đời sống tâm linh, đời sống tinh thần, bằng tôn giáo hay bằng phương tiện nào khác. Cộng sản cấm đoán những thắc mắc của con người quanh vấn đề «thế giới bên kia» nghĩa là bên kia cái sinh tử. Cũng không thể giao phó độc quyền giải quyết vấn đề này cho một lực lượng tinh thần duy nhất, một tổ chức tôn giáo hay tư tưởng duy nhất nào. Đây là địa hạt mà tự do của con người cần được tôn trọng, và có cơ hội biểu diễn đầy đủ nhất.

Những khuynh hướng mới nêu lên đây, những «cột trụ» cho tòa kiến trúc nhân bản tương lai, người nào chú ý có thể nhận thấy đang manh nha, phát triển trong thế giới văn chương và nghệ thuật, dưới hình thức những thắc mắc và những ý kiến, những đề nghị, đề đi đến những hệ thống tư tưởng chặt chẽ, hòa hợp. Chúng ta nhắc đến một vài tên tuổi trong thế giới văn chương đó để làm những thí dụ điển hình. Nhưng có thể nói rằng tất cả thế giới văn chương nghệ thuật hôm nay đang chuyển mình tiến con đường mới này; thành phần trơ hèn, lười biếng nằm yên trong những di sản quá khứ đang dần dà giảm xuống. Có những lúc trong thế giới văn hóa hôm nay, chúng ta thấy xuất hiện đầy đủ tất cả những đường nét chính yếu của tòa kiến trúc nhân bản mơ ước và tiên đoán.

Nhìn vào thực tại nhân sinh, chúng ta cũng nhận thấy tất cả những nỗ lực xây dựng cũng như phá hoại hôm nay đều có giá trị những cuộc thí nghiệm thử thách táo bạo liều lĩnh. Con người bị dồn đến cái thế không thể do dự được nữa. Vô tình con người hôm nay đã như đoàn quân lập trận dựa lưng vào sông lớn, lui thì chắc chết, chỉ còn con đường duy

nhất: tiến lên và đập đổ tất cả mọi trở ngại. Và tất nhiên bản năng sinh tồn bắt buộc con người tiến lên những bước chậm mà chắc. Những trở ngại còn rất nhiều, trên cả hai bình diện ý thức và bình diện sinh hoạt thực tế, nhưng một khi gặp một người hiền thì còn trở ngại nào đáng kể? bằng chứng: những chế độ chính trị ngàn đời đã tan rã trong vòng một hai thế kỷ; những cơ cấu kinh tế cũng đang bị phá đổ và cần được xây dựng lại trên căn bản mới; những giá trị tinh thần đạo đức đã bị đảo thái. Những thành tích này cho chúng ta có quyền tin tưởng và hy vọng ở con người và tương lai của nó. Những phức tạp và đề nghị của văn chương và nghệ thuật càng làm vững mạnh thêm đức tin của chúng ta đặt ở con người. Thử thách lớn hôm nay: thời mệnh của mãnh lực vật chất (cụ thể hoá trong chế độ cộng sản) tất nhiên cũng sẽ được vượt qua, của trở này cũng sẽ bị đập đổ, có thể là chỉ khi nào con người thực sự đứng tựa lưng vào cái thế chết, nghĩa là khi đe dọa của mãnh lực vật chất đến quá gần, trở nên thật vô cùng nguy hiểm, thì con người mới phản ứng; và phản ứng khi đó lại càng dũng mạnh vô ngần. Con người đã từ chối cách tiến đơn hoà, liên tục, mà chọn cách tiến bất thường, bằng những cái nhảy vọt đột ngột. Đó là lý do của những sự ngưng trệ, vấp ngã của nhân loại trên đường tiến hóa đến một trật tự xã hội tinh thần, đạo đức lý tưởng.

NGUYỄN HỮU ĐÔNG

con đường sắt cũ

NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG

Hai người nói chuyện với nhau trong bóng tối sau những hàng ghế. Chuyến tàu vẫn đi theo một nhịp đều đều trong một cảnh đồng có dốc thấp và những lùm cây đen. Đêm ở ngoài cửa sổ đen kịt thỉnh thoảng hờ một vài ánh sao yếu ớt. Câu chuyện của họ bị lắt lư ngắt quãng nhiều lần trong những khi tàu đậu ở các trạm ga dọc đường hoặc thay đổi tốc độ. Bây giờ họ đang im lặng mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng. Toa tàu là một thứ goong đúp, dài. Những hàng ghế thì ngắn và lối đi ở giữa: cách sắp đặt trong một toa kiểu cũ (ghế bằng những thanh gỗ ghép lại, sơn màu nâu cũ, mỗi đầu đóng chặt vào một mảnh gỗ cưa theo chiều ngả lưng, mỗi góc có một cọc sắt nổi cao lên đến nóc xe, một vài cái còn thấy có lò xo ruột gà sót lại). Đây như một cái toa chở bệnh nhân hoặc thương binh, cần sự êm ái cho những cái giường trống nhau. Bây giờ lối thời, vả lại bình an, những toa kiểu này được sửa lại làm toa hạng ba (bởi còn xe lửa Đông Dương thì là hạng tư) dùng chạy trên các đường phụ thuộc. Toa lắp ở sau cùng, hành khách ít ai lên, có lẽ vì họ đã biết qua cái thứ toa gỗ đá này, chỉ có hai người. Nổi ở trước là những toa hạng ba khác, ngắn hơn, dùng để cho những hành khách có đồ đạc cồng kềnh. Cửa ra vào ở giữa, lò mở con đường sắt bị bỏ lại đằng sau. Bộ nhịp có lẽ quá cũ nên toa lại có vẻ kêu lục cục lạch cạch. Những lần này hơi bất thường thì toa lại có vẻ một cỗ xe bò, điều này rất hợp với những tiếng kêu lèng kèng của các đồ sắt gắn trên toa bị lỏng vì quá lâu (cái thắng tay, cái xích ngắn, cái then ngang ở chỗ lên xuống)... Câu chuyện của hai hành khách độc nhất trong toa có lẽ sẽ đứt đoạn lâu hơn nếu không có những cú nảy của cái toa trong ghập: một trong hai người lại văng tục và nói một hơi những cái khuyết điểm, những điều bất tiện, những cái tệ lậu của cái toa xe lửa già nua này. Ông ta nói với giọng học hặc nhưng không phải vì

thở mà thành ra vô nghĩa. Điều chắc chắn nhất là ông ta có vẻ thuộc tên lăm về những thứ trong toa. Lâu rồi khi đã bơi hết những « điều kỳ cục của cái thùng gỗ » ông bắt đầu những loạt học hặc khác, những điều chẳng ăn nhập gì đến cái toa khốn khổ này (than phiền hành khách mua vé xô đẩy vì chật quá, cầu tiêu ở ga hẳn không thể chịu được và lỡ xớ xề đâm phải những đồng phần...)

Còn người kia thì chỉ cười trả lời.

Đó là một người còn trẻ, tên là Do, với cái sở thích rất mới chân là đứng hàng giờ ở cửa sổ để hút thuốc, huyết sáo. Do cao lớn, đôi cái mũi ngoài tối dày, với cái cái tàu thuốc cong trở xuống một cách ngạo mạn, trông hẳn giống một thổ dân Tây Ban Nha trong các phim chớp bóng.

Người đàn ông ngồi ở ghế lại lên tiếng: « Ông có nghĩ rằng ta nên rời cái xe bỏ khốn kiếp này không? Nó làm tôi tê cả móng. Toa này chỉ dùng để chở lợn ». Do bỗng cười lớn nói: « Theo chỗ tôi đoán thì trước Ông có đùa không? Hừ, chở bệnh nhân! Chắc những con bệnh khốn nạn ấy đều đến chỗ khác cũ trước khi vào nhà thương. Nếu có ai sống sót, chắc hẳn sẽ không nhớ ông bác sĩ bằng nhớ cái thứ toa quỷ quái này đâu ». Cái người thật kỳ cục Do nghĩ: Hẳn ta không biết có sợi râu nào không? Chắc hẳn phải có râu để nơi như vậy. Do đặt tay lên cái quai đồng ở cửa sổ bắt đầu sờ mó tìm những góc sắc. Da đồng lạnh ngắt không đưa đến cho chàng một cảm giác nào khác. Do đỡ cái tàu bập bập mấy hơi. Hút thuốc ở cửa tàu là một việc cho đỡ nhớ hoặc cho rãng và mới có trò cử động. Không nghĩ được khỏi thuốc. Mỗi lần nhếch mép cho khỏi bay ra, Do phân vân. Không hiểu chàng có đang hút thuốc thật không. Do áp tay vào nỡ, nghe âm ầm, sự ầm ập dễ chịu thân mật. Do hút vài hơi nữa rồi gõ tàn, tiếng động nhỏ vẫn rõ ràng giữa tiếng toa tàu lọc cọc và tiếng bánh xe đánh nhịp trên đường sắt thỉnh thoảng rít lên. Bầu trời hoang vắng xuống nặng. Con tàu đang đi giữa một vùng đồng mận mọc những loài cây ưa bùn phèn. Xa là những hình núi ầm ầm chạy theo hình cong trong bóng đêm lại có vẻ hoạt động chấp chờ. Thoảng Do nhớ tới mảnh giấy nhỏ trong túi. Bức điện tín của vợ Do báo tin sanh con gái. Ngày mai chàng sẽ được bế nó trong tay, sẽ hôn nó, ngắm nghía. Hứa bé sẽ đỏ lúm. Và mềm như một thứ bánh. Căn nhà nhỏ với những cánh hoa nhỏ bám trên dầm. Vợ chàng, người đàn bà với thời con gái đã thành mơ hồ, có lẽ sẽ xa trong trí chàng thêm một chút nữa. Nhưng đứa bé sẽ nói lại chàng vẫn với tay tới chút cách biệt đó. Do nghĩ lan man, thử hình dung khuôn mặt đứa bé. Chắc nó sẽ giống mẹ nó.

Tiếng người đàn ông lại oang oang: « Này ông bạn. Làm gì đó? Ngắm cảnh hả? (Do nghĩ ông ta hết tìm ra cái gì để học hặc với cái toa xe lửa rồi) chỉ có núi đen sì thôi chứ gì. Hôm nay cuối tháng, trăng đã lằm gi có ». « Nhưng cũng hay lắm » Do đáp. « Tuy nhiên nếu đi ban ngày thì thích hơn. Kò biển hay đá núi chẳng hạn ». Do tiếp tục nghĩ

đến vợ chàng. Ngày mới quen hai người đi với nhau Minh bỏ những lọn tóc trên tay cười với chàng. Kỷ niệm thật nhỏ bé và giản dị. « Anh sẽ nói cho em nghe tại sao anh muốn có một đứa con như thế ». « Tại sao anh ? ». Do trả lời trong tiếng cửa máy rền rẹt : « Anh bảo sẽ nói. Nhưng có một điều chắc chắn là chúng ta không bao giờ lại thích cái tiếng cửa máy này đâu ». Buổi trưa bóng nắng im lìm đứng thẳng trên những ngọn cỏ, Lo thấy tất cả đều như đang mang một vẻ trống vắng khi chàng rời chiếc ghế « Rồi em sẽ biết. Chẳng có gì bí mật cả đâu. Anh nói cho có chuyện đấy mà ». Không, không phải như thế đâu. Chính em cũng hiểu được rằng tại không muốn nói như thế. Tôi nói gì với em được ? « Em chắc chưa thấu rõ ý nghĩ của kẻ muốn thành thật với chính mình nhưng không thể... » Do đứng hẳn ra cửa, chàng nói : « Bây giờ hãy đi đây ». Và chàng đi ra, miệng kêu : « Giản dị, giản dị như thế đó. Nhưng sao tôi lại đứng lên ? » Do mỉm cười ngồi xuống ghế, dùng chân tháo đôi giày đẹp nó vào găm xong lấy thuốc nhồi : Ban đêm ở ngoài sâu vắng lẽ, Do cất túi thuốc cầm đầu đưa lên mũi ngửi, những bụi thuốc theo vào làm chàng hắt hơi liên mấy cái. « Ông ngủ đấy à ? ». « À không, tôi ngồi một chút » Do trả lời, gỡ nhẹ nhẹ cái đầu trong lòng tay. Mùi thuốc thơm, có vị ngọt muốn ăn. Nhưng bây giờ thì Do hết diêm rồi. Người kia hát ư ư một bản gì nghe không rõ, giọng khàn khàn ngọng nghịu rồi nói : « Thật là buồn nhỉ ? Đã mệt lại không có gì chơi cho giải trí. Ông có hút thuốc không ? » (Do trả lời : « Tôi hút ống vố ») Ồ không, tôi không biết hút. Hút thuốc kẻ cũng thú đấy nhỉ ? Ngồi một mình bập bập ngửi khói, nếu sáng có thấy nó bay từng khoanh tròn vẩn vơ. Hừ... ông đang hút thuốc đó phải không ? ». « Không. Tôi hết diêm rồi ». « Diêm hả ? Bậy quá sao không nói tôi có đây ». Do toan bước đến xin nhưng người kia nói : « Đây diêm. Tôi quăng qua cho ông ». Bao diêm rớt xuống gần đó. Do cúi xuống lượm và cho rằng người kia có lẽ không thích đối diện ai. Mà trong tối thì làm sao thấy được mặt nhau. Hẳn tình thật mới có thể ném diêm qua trúng chỗ mình. Do đánh diêm. Vòng ánh sáng lóe lên với mùi diêm sinh thơm thơm. Do bập cái đầu và nhả khói : « Khoái lắm. Cảm ơn ». Người kia cười và hình như phúi tay vào áo quần nói : « Tôi đem đi phòng thấp đèn nhưng cái toa chó chết này thì làm gì có. Mọi chỗ khác thường có treo đèn dầu hỏa ». Hẳn im một chốc tiếp : « Lại quên không đem vài cây nến. Bậy quá, phải không ? » Do hút thuốc một lúc, con tàu rập rình dễ chịu, chàng nói : « Hình như ông có làm xe lửa thì phải ? ». « À có. Hồi còn chemin de fer kia », Do hỏi tiếp : « Chắc bây giờ ông đi khỏi tốn tiền nhỉ ? » « Ừ a... Không đâu ». « Ông làm cho xe lửa thổ, chắc cũng đã đi nhiều nơi lắm đấy ? » Người kia trả lời : « Hà đủ cả. Lên đến Lào. Một dạo tôi đã ở Phúc-trạch, ôi dào chỗ đó chứa sốt rét đấy. Cứ phải đào giun để làm thuốc ». Do hỏi : « Giun đất ấy ? ». « Phải rồi. Ông chưa biết phương thuốc đó sao ? Rõ ra là ông chưa ở vùng hậu phương. Phải không ? » (Do đáp : Phải, tôi chưa ở) Để tôi bày cách cho nhé. Đào giun lên, đem rang. Mà nhớ không được rửa. Rửa nó mất vị thuốc. Rồi tán nhỏ. Rang

cánh đàn sỳ. Thế đấy, rồi cho vào giấy bản gói hàng viên nhỏ mà nuốt. Tốt lạ ». Do loan cút tiếng, nhưng hẳn tiếp luôn : « Một lần tôi đã nấu cháo giun. Nhưng ăn cũng không tốt bằng rang như vậy ». Do không hỏi thêm, ấp cái tầu ấm trong lòng tay huyết sào miệng. Gió tạt vào cuốn tiếng mình. Đó cũng là cảm tưởng khi chàng cầm tay Minh, nhìn cái đồng thật nhỏ bé xám ngắt của đũa con đầu lòng vừa tắt thở sau một cơn sốt. Miệng nó hơi bệu ra, một chút bột vàng dính ở mép. Đó là tất cả những gì Do ghi nhận được và nghe nó nổi một điệu khóc bé nhỏ. Tiếng cuối cơn bệnh của đũa bé. Chỉ biết nó nằm đấy, im vắng. Vợ chàng cũng ngồi đấy, im vắng. Và Do không trông thấy chàng, chỉ mơ hồ một sự cách biệt, cũng im vắng lạnh lẽo, và nỗi buồn thấm chạy đến cuối mỗi con người thì tan loãng khó nhận được. Trong căn nhà, chính Do lơ mơ hiện ra trên đường do những đồ vật cũng khiến Do đưa mắt nhìn với nó không có một liên quan nào trông thấy được. Nó sinh ra là nằm ở đấy. Nhưng tại sao tôi vẫn thấy như chính tôi đã bị lệ thuộc vào nó? Điều ấy không thể hiểu được. Rồi mỗi một đồ vật với bóng tối nó in trên tường, đối với những cái khác, lại lần lượt biến thành tâm điểm của nhau. Chính sự lần lượt đó làm Do kích hoảng. Một đũa bé, một đũa bé. Chỉ là một nỗi đau đơn êm dịu kéo dài ra như những tiếng gió trên khoảng lá. Ồ, không có gì đáng quan trọng cả đâu. Mấy ai không diu theo cuộc sống của mình chút đi vắng mờ nhạt tương tự. Có lẽ đã lâu lắm Do mới ngồi để tìm nhận những dấu vết mà chàng biết chắc vẫn ẩn náu trong tâm hồn. Nhưng làm gì? Tôi chỉ là một kẻ đã bị mất đi một số cái gì đó, Tôi không thể làm hơn được. Cũng không thể tự cho tôi là khổ quá sáng suốt hoặc quá tối tăm để cứ loanh quanh với những ý nghĩ không đầu đuôi kia. Do không muốn nghĩ tới nữa. Ở mỗi vị trí của thời gian, nỗi buồn cũng đổi dạng. Sốt trong lòng là sự sống có tiếng khóc (một chỗ bất động nhưng chính nó di chuyển quẩn quanh im lìm) đi theo mình. Do không muốn nghĩ tới nữa. Chàng đứng dậy, lại bước đến cái cửa sổ. Người đàn ông chừng cũng thấy quá buồn mà không biết làm gì, ho mấy tiếng rồi ngáp lớn. Con tầu đã ra khỏi vùng cây thấp mọc trong ruộng phèn, bây giờ đang đi vào giữa những cột bóng đen lừng lừng, gần hơn dần dần, không phân biệt được gì. Tiếng người kia nói trống không: « Lâu thật ». Do nhón chân soạn một thế đứng thoải mái hơn không trả lời (chàng cho hẳn muốn gọi chuyện). Một lúc sau Do bỗng thấy chính chàng cất tiếng trước : « Vùng này là đâu đấy nhỉ? ». Nhưng người kia không trả lời. Đã lâu lắm Do không đi xe lửa. Bức điện tín của vợ đã làm chàng bỏ thói quen dùng xe hơi. Do rất ghét đi xe lửa. Không gì làm chàng bức mình hơn phải nhốt mình trong một chỗ có vẻ bình yên như ở nhà nhưng lại tiến tới luôn luôn. Do thích ngồi trên một chuyến xe đồ chạy mau, và hơi nghiêng đầu ra ngoài để thấy con đường

nhựa hút lại đằng sau

biết chắc mình đang đi ở trên một cái thứ chuyển động dễ hiểu. Ở thành phố, ngồi trên một chiếc bus, Do cũng có một cảm giác khó chịu. Do nhớ đã nói với một người : « Cái bus không có được không khí của một chiếc xe chạy. Tôi ghét nó ở chỗ đó. Như là nó đứng lại trong khi nó vẫn chạy. Mình phải cầu tiết về sự xỏ lá đó ». Con tàu bỗng có vẻ chậm lại rồi thét một hồi còi, ở xa nghe không rõ, như đang nằm ngủ nghe một tiếng trẻ khóc thấm vào giấc mơ màng đó. « Hà ! ga nào đây » người kia nói. Tiếng hân không cao thấp, tuy lời nói có vẻ muốn vui mừng. Nhưng con tàu không đỗ lại, nó liền từ từ qua một ngôi nhà nhỏ như không có người, có lẽ là một cái trạm bỏ, rồi tiếp tục phụt phụt trong đồng bằng. Người kia lại ho một tiếng ngắn, hân nói câu gì nghe không rõ rồi im. Do nghĩ hân đã chịu thua với con tàu quái quái này rồi. Do đưa tàu lên môi nhưng thuốc đã tắt. Chàng đứng một chỗ nữa rồi lại ngồi xuống ghế. « Đây ông bạn... Một quá nhỉ ? Đã đi sẵn cạp bao giờ chưa ? ». Hết thuốc sốt rét rừng bây giờ đến sẵn cạp, Do nghĩ và đáp : « Chưa. Tôi chưa đi bao giờ ». Người kia cười một tiếng : « Thế thì đáng tiếc, thật đáng tiếc (có lẽ đối với hân, cái gì Do chưa biết cũng là đáng tiếc cả) vui lắm. Hồi hộp ! Chính mình đùa với cái mạng của mình. Con cạp trúng thương sẽ phản ứng nhanh không kém gì một khẩu súng đã lên đạn. Hấp ! thế là tan ngay cả cái mặt. Ít ra thì cũng bị lột phăng da đầu trong một nháy mắt ». Hân cười lớn tiếp : « Nhất định là chết. Tôi có một người bạn cũng chết tương tự như thế. Con cạp dù đã trúng một phát chỉ từ vẫn còn đủ sức chồm đến lột da hân, như là tụi mọi da đồ vẫn làm trong các phim chớp bóng. Hân ta bị lột gần hết, chỉ còn dính một mảng ở sau gáy với chút ít tóc. Đây, ông biết hân không ? ». « Chết định ». « Thạo chứ ? ». « Vừa dùng thôi. Ba năm tù đấy ». Người kia kêu lên : « Ái dà... » Do cắt ngang. « Thôi đi ông ơi. Ta nói chuyện khác thì hay hơn. Chuyện về xe lửa của ông chẳng hạn ». « Phải phải.. Ái dà, một mạng với ba năm ! Nhẹ đấy chứ, hả ? À mà thôi ta nói chuyện xe lửa vậy. Khá thực, khá thực... (hân cứ như bị ám ảnh bởi điều Do vừa kể và lấy làm khoái) ». Do nói : « Thôi mà », và người kia cười : « Vàng, vàng, chuyện xe lửa vậy ». Con tàu vẫn giữ nguyên tốc độ. Ở đầu toa bên kia thấy có người rục rịch. Rồi một tiếng còi. Do đoán là sắp ngừng. Chàng hỏi lớn : « Sắp đậu đấy nhỉ ? Mấy giờ rồi ? ». Người kia đáp : « Tôi không có đồng hồ ».

Hân trả lời xong lại ngáp. Do bước ra cửa phía sau. Đường sắt đen hút về đằng xa và hình như không dài thêm chút nào. Do cúi nhìn đoạn đường gần dưới chân. Ở đó tiếng bánh xe kêu kéo dài và không bị ngắt quãng, có âm vọng đều đều. Con tàu đã chậm hẳn lại. Tiếng còi thét lên dội loang ra xung quanh. Những miền bóng tối ở xa hình như xao động một chút rồi lại im lặng trở về với dáng lì lợm cố hữu. Con tàu dừng hẳn lại với một tiếng còi giạt giọng. Rồi nó lại từ từ chuyển bánh. Do thấy bên đường có một người đứng cầm đèn lom khom chặn « ghi ». Con tàu lè một chút nữa, rồi đứng lại. Người gác « ghi » cũng xách đèn

đi ngược lên. Đây là một ga xép, ở đầu xa. Trước mặt ga có tháp một ngọn đèn nhỏ. Không có hành khách lên xuống. Một vài tiếng còi ngân và nhỏ bé của mấy người làm việc. Ở phía đầu máy có tiếng nói vọng lại và một người đứng dưới đất gác chân lên nấc sắt, chỗ đó có ánh điện xanh yếu. Hàng đầu là một chỗ sáng của đèn pha thối vào màn đêm. Do rời cái toa đuôi bước trên những đám cỏ dọc theo đoàn tàu. Trời một vài ánh sao nhấp nháy. Ga không có hàng rong, ke lâu ngắn gần như lẫn với đá. Đứng ở một chỗ, nhìn nó, không thấy gì hết, như là một lùm cây rậm. Chỉ có bầu trời. Và xa là rừng. Do thơ thần không biết làm gì lấy tàu ra nhồi thuốc. Thấy một người xách đèn đi đến, Do theo xin lửa. Phả một hơi thuốc, Do hỏi : « Ngừng lâu không ông ? ». « Đứng có đi, chạy bây giờ », người kia nói xong lấy diêm rồi đi, cái đèn có lấp lánh ở đó. Một tiếng còi. Do về toa. Khi chàng vừa đu lên bực gỗ thì người đàn ông lên tiếng : « Ông bạn đó phỏng ? » (Do đáp : phải phải) người kia tiếp : « Có gì không ? Đêm mà ». Do đi vào chỗ ngồi trả lời : « Ga nhỏ, rừng cả ». « Rừng lớn chứ ? ». « Không rõ lắm. Tôi thấy nhiều cây đoan nữa nhỉ ? ». Hân cười mồm : « À, thạo gì. Hoàn cảnh cả ». Hình như hân khi tàu chuyển bánh, cái cảm giác êm nhẹ dần dần đổi thành khó chịu rồi toa tàu lại bắt đầu kêu lóc cọc. Nó tiến đến cánh rừng và bóng tối xấp lại gần hơn. Người kia lại cất tiếng : « À nói chuyện nữa chứ, ông bạn ? ». Do không đáp cười một mình. Hân tưởng chàng không nghe, hỏi lại. Chàng đáp : « Vàng, vàng, kể chuyện. À mà chúng ta nên uống một chút say đêm) Do nghĩ thầm hân hơi kỳ quặc, ưa bắt chuyện nhưng không thích chung đụng. Từ chập tối đến giờ chàng nói chuyện với hân mà vẫn không biết mặt mũi hân ra sao cả. Do loan bước đến cửa sổ nhưng nghe hân cười lớn : « Say đêm có hại hết sức », chàng nói : « Tất nhiên. Nhưng chỉ vài ly thôi mà ». Hân vẫn cái giọng cười cười : « Ông không biết đấy thôi. Hồi trước cũng tại vài ly rượu nên cả một chuyến tàu đã lật gần Kim Lũ đấy ». Hân ngừng một chút, không thấy Do nói gì, tiếp luôn : « Bể tôi kể cho ông nghe. Hôm ấy có chuyến tàu chở gỗ súc lên dốc Kim Lũ. Nửa chừng đầu máy kéo không nổi người ta mới phải cắt một nửa tính kéo trước về ga gần đó rồi đến kéo nốt. Xa trưởng bèn cho người đặt pháo ở sau để canh chừng chuyến tàu suốt đi tới rồi ra lệnh cắt toa. Ông biết sao không ? Dốc thì cao lại quên chặn bánh, cứ thế là nó kéo nhau lao xuống rầm rầm. Anh xe suốt cũng đang sắp lên dốc. Chốt khối người ra. Nghe đầu nguyên một goòng linh Nhật chết hết cả. Do hỏi : « Chắc thiệt hại khá nhiều đấy ? ». « Tất nhiên rồi. » « Thế lỗi tại ai ? » Hân cười lớn : « Tại người xa trưởng vô ý chứ ai. Những cas như thế phần nhiều lỗi tại xa trưởng ». « Chắc chuyến đó hân ta bị tù nặng nhỉ ? » Người kia lại cười lớn : « Ờ ừ. Hân chui vào rừng trốn biệt ». Nói xong hân có vẻ thoải trá về câu chuyện vừa kể, Do loan hỏi nhưng hân tiếp :

« Nghe đàn hân trốn trong rừng rồi mò sang Lào. Bất thể quái nào được ». Do nói trống : « Bây giờ chắc hân còn sống không đấy ». Hân đáp : « Cũng chẳng biết ».

Nói xong hân lặng thinh. Một lúc hân khịt khịt lỗ mũi rồi nhờ đóm đánh toẹt xuống sàn xe. Do ra đứng ở cửa sổ nhìn mãi vào đêm tối. Con tàu vẫn nguyên vẻ tẻ nhạt mệt mỏi đi trong cánh rừng. Con đường ở đầu vòng giữa hai bờ cây. Do nghĩ đến những ngày đã qua trong cuộc đời, lần lần chết già đi trong quán rượu và những ngày tiếp theo đó. Tại sao tôi bán nó ? Không có gì cả. Lần ấy Do nhớ mang máng gặp nó trong quán, nó mon men lại làm quen nói chuyện thời tiết mưa nắng. Sau tám ly rượu Lo bán nó. Nó chết không kịp ngáp, chân tay co lại như một con cua luộc. « Kỳ cục thật ». « Ông bạn nói gì kỳ cục ? ». Thì ra mình vừa phá lên cười đó sao ? « À Không, không có gì cả đâu ». Do trả lời rồi tiếp tục cố gắng hình dung tới cái đêm trong quán rượu. Khẩu súng lục đen thui như một cục đù bần Do lượm được nó ở một đồng rạc. Hơn bốn năm rồi chỉ nhớ có thế. Và bần. Thật lạ.

Người đàn ông bỗng như vừa xô chân vào giày, dậm xuống sàn xe một cái mạnh. Hân thở ra rồi lại bắt đầu hừ hừ một khúc hát nào đó Do không biết. Do bỗng nhớ đến mấy năm trước khi còn ở tù. Trong khám có một tù nhân cũng có một giọng hát giống như người đàn ông này. Hân thường ngồi một mình trong góc tối và hát nghêu ngao những lời ca cũ. Hân không ưa nói chuyện với kẻ khác. Hát xong hân cười một mình. Do làm quen với hân mấy lần nhưng hân chỉ nhát gừng rồi lảng chuyện. Một lần — chỉ một lần ấy thôi — hân được người nhà (hân bảo là quen sơ, nhưng Do cứ cho là người nhà — một thằng cắt tay, bèn tai trái xẻ ra một đường như bị chó cạp, cười cười nói nói) đưa cho một bộ cờ tướng bằng gỗ tiện. Hân bày ra ngồi một mình chiếu tướng. Cả buổi rồi hân bỗng rủ Do đánh. Không biết hân thua Do hay được. Do chỉ nhớ một lát sau đó, khi đang ở vào hồi cờ gay cấn nhất, hân xoa trán rồi nói : « Thôi nghỉ đi. Tôi bày cho mà chơi cái này thú vị hơn ». Hân lấy bốn quân cờ, hai trắng hai đen đặt ở bốn góc miếng giấy kẻ ô đó rồi xoa tay : « Thế này nhé, chỉ đi vòng theo cái đường viền ở ngoài thôi, ở ở, chu vi. Chu vi đó mà, mấy nấc cũng được. Hễ đồn được đối phương tịt đường là ăn. Hiểu chứ ? ». Do thuận, gục gặc chơi với hân. Lần nào Do cũng tịt đường cả. Sau rốt, đồn hai quân đen của Do giữa hai quân trắng, hân phá lên cười : « Hiểu chưa ? chơi cái này hễ đi trước là thua thôi. Cứ tính ý nhận ra điều này này : hễ người đi trước nhảy quân mấy nấc, thì mình tính làm sao cho hai đầu quân hân với hai đầu quân mình cách khoảng bằng nhau. Đố làm sao ăn được mình. Hồi này tôi nhường anh đi trước, rồi lại cho anh đi sau mà anh vẫn thua vì anh không biết. Nếu anh tính ý thì tôi đã thua rồi ». Hân cười gom cờ bỏ vào hộp nói tiếp : « Tôi làm vậy để khỏi phải nhớ đã thua anh hai ván cờ pháo trùng con nít cũng biết ». Sau lần ấy Do có khơi chuyện hân, hân chỉ cười mà không trả lời. Rủ hân đánh cờ hân cũng từ chối. Một lần hân câu bảo : « Tôi đại mới mới anh đánh cờ nên phải đặt ra

đánh kiểu kia cho anh thua. Bây giờ thì tôi không muốn chơi nữa». Do toan lảng về chỗ thì tự nhiên dùng dùng hân đề nghị: « Hay là thế này, tôi với anh chơi cờ tướng. Được. Nhưng ai thua thì mất phần cơm trưa nay. Chן không? ». Do ngạc nhiên nhìn hân. Còn hân, rất tự nhiên và từ tốn, thò tay vào hộp lấy hộp cờ và mở nắp rồi yên lặng nhìn Do. Hân thế? Hay là hân xạo để Do sợ? Lẽ đó trưg hơn, nhưng Do chợt dạ không đánh. Biết đâu hân đánh giỏi hơn mình trưg. Do nghĩ thế và lui về chỗ nằm ngủ. Sau này Do được biết hân làm thế để dọa Do thực. Nghe kể lại, Do nghĩ: Minh thật nhất. Nếu không đủ được no một bữa thỏa thích rồi.

Người đàn ông bỗng thôi hát, đứng lên. Suốt từ khi Do chú ý tới hân, bây giờ hân mới đứng lên. Do chờ xem hân làm gì. Nhưng hân chỉ đứng một chút, vận xươg sống cho đỡ mỏi rồi lại ngồi xuống yên lặng. Con tàu vẫn ý ạch trong đêm tối. Do thấy mệt mỏi và buồn ngủ. Chàng ngáp dài hươc sang cửa sổ bên kia thò đầu ra ngoài. Thì cũng thò đầu ra ngoài cho có cái cử động. Cây cối như xích lại gần nhau lùi lùi chuẩn về phía sau. Có một chốc Do trưg như con tàu đứng yên vì khoảng cây đó rất dày ám cả tầm mắt Do như một bức trưg đen kịt. Rồi dần dần Do thoát khỏi cảm trưg đó với những tiếng động đều nhịp lạch cách dưới đường sắt và mảng rừng tối phía ngoài đem đến cho chàng một cảm giác bỗng bênh trưg trọi. Do thò tay vào túi lấy thuốc nập. Người đàn ông đập chân xuống sàn xe cái tiếng: « Ông bạn, ông bạn (Do trả lời tiếng Do họa: « Buồn thật ». Hân liếp: « Kể có thươg xăm nào nó cử một bảo đơn thì hay biết mấy ». « Đơn nghe gì được. Ồn lắm ». Người kia cười khoái trá: « Vậy mà tôi nghe được đấy. Tôi thỉnh tại lắm. Ông ngồi đó thờ mạnh hơn một chút là tôi biết rồi ». Do đùa: « Thế thì ông là một con mèo ». Hân cười ha ha: « Một con mèo ! Đùng rồi. Tuyệt đấy ». Tiếng cười của hân có một âm hưởng lạ. Do bỏ cái cửa sổ đi lại phía hân. Toa không đèn, chỗ hân ngồi lại đóng cửa sổ. Lờ mờ Do thấy hân ngồi dựa ngả vào ghế, hai chân chươg ra. Mặt hân che một cái mũ. Do hỏi: « Ông ngủ đấy hả? » hân trả lời như không buồn nói: « Đầu có ngủ ». Do nhún vai bước sang toa bên kia. Toa này tối một nửa, nửa kia có thấp đèn, đó là nhà hàng hạng ha. Trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn đất ít nước, hành khách phần nhiều ngủ ngon lành, mặt che bằng những cái khăn tay cho đỡ chói. Do bước đến. Gần quầy gỗ có một người đàn ông mặc may-ô cũng đang gật gù ngủ. Vách xe dán những quyền lịch, địa đồ xanh đỏ, ảnh bán thân, quươg cáo. Do liến đến quầy gỗ tay định người kia có nghe thì uống một tách café cho tỉnh. Nhưng hân vẫn ngủ. Do bỏ ra phía ngoài đến chỗ bọc với tay cái then ngang, tựa người nhìn vào vư. Con tàu vẫn chạy đều, ở toa này khá êm không bị lắc lưc mấy. Khoảng rừng gần hết, những lùm cây lớn bắt đầu lộ chỗ không đều. Một vùng trời ở phía xu hơi mờ mờ sáng. Do nhận ra trắng bắt đầu mọc, nhỏ và yếu, chỉ như một vòng hân tay khum khum dơ nghiêng.



Phía đó trên cao hình như có những dải mây mỏng, trông không rõ lắm, như sương. Con tàu tiến ra một khoảng trống, như rầy bãi, hơi nghiêng như nghiêng, trắng thì rõ ở xa. Thỉnh thoảng trên khoảng đất rộng nổi lên một cái cây cao và thẳng, lưa thưa một ít cành lá ở trên, ngó chơ vơ lặng lẽ. Do đứng một chút đã thấy mỗi. Chàng tự bảo có lẽ đã khuya và chàng bị mệt quá chăng.

Có tiếng giầy nặng nề phía trong rồi một người đi ra chỗ Do. Đó là người đàn ông. Hắn mặc những quần áo của nhà binh thái ra nhưng lại đội một chiếc nón của dân bà. Hắn thấy Do nhìn thì nhìn lại và cảnh tay làm một cử động nhẹ. Do nhận thấy hắn còn xách một cái đèn không

thấp sáng và hơi giống cái người Do xin lửa hồi nãy ở dưới ga, Do gọi truyện : « Hơi lạnh, ông nhỉ ? », hắn đáp : « Đạo này sương nhiều » « Phải ông làm dưới ga đó không ? ». Hắn đổi tay xách đèn gõ cái nón xuống : « Phải », hắn có vẻ ngượng ngịu, tiếp : « Tôi dù một buổi. Ông tính còn việc gì nữa đâu. Mai sớm bắt xe về lại, ai biết đó ». « Ông làm chi ? ». « Tuần đường. Tôi đi tuần đường ». « Chắc mệt lắm ? » Do vừa hỏi vừa gõ cái tàu trên bàn tay. Hắn đáp : « Quen đi thì thôi. Một tháng ba mươi ngày thì hăm chín ngày phải vác đèn vác cờ đi ». Hắn móc túi lấy một điều thuốc đặt cái đèn xuống rồi vuốt vuốt cho thẳng bật quẹt máy châm hút. Do cũng mời nhờ. Hai người im lặng hút, khói thuốc bay tan xuôi đi. Do hỏi : « Có phải hồi nãy ông ở dưới ga đó không ? ». « Phải tôi mới lên ». Rồi hắn hỏi Do ở đâu làm gì. Một lát câu chuyện xoay qua thời tiết mưa nắng làm ăn chơi bời. Do hỏi thăm về gia đình hắn đáp chưa có vợ. Hắn nói tiếp : « Hồi nãy tôi đi thăm bồ đó ». « Ở đây ». Hắn cũng cười theo : « Con nhỏ ngộ lắm ông ơi ». Con tàu bỗng lùa xuống. Do nhàn mắt vì cát chui vào cổ bám cả lên mặt, rín rít khó thuốc. Do kéo cổ áo lên giữ ghệt một tay vào thẹn sát nhìn xuống. Vẻ

Khởi luồng gió thì hết khói. Do phải áo quần vò đầu cho hết cát. Người kia hút một hơi rồi quảng điều thuốc. Hắn nói họ họ cái gì trong họng xong chậm chạp đi vào trong toa. Do đứng yên, nghĩ tới vợ và thấy tới người đàn ông ngồi toa sau. Bấy giờ hắn có lẽ đã ngủ vì không có ai chuyện trò. Còn thì hắn đâu có ngủ. Hắn ngồi gác chân lên ghế, lách cách và thỉnh thoảng nó hú còi, tiếng còi tan loãng. Nếu cái toa cười vậy. Từ lúc Do sang bên kia, hắn bắt đầu ngáp vặt nhiều hơn, sau câu chính hắn cũng không ư nói thở mà vẫn lấy làm ngạc nhiên. Bấy giờ hắn không làm bầm nữa vì hắn mệt quá rồi. Cái mũi dạ úp lên mặt vẫn để yên cười một mình. Hắn lẩn tay vào túi lấy con dao díp (thứ dao có luôn nhíp để cạo râu, khi mở ra làm cán, miền ngoài ư dùng) hắn cầm cá. dao tự hỏi lời nó ra làm chi. Cuối cùng hắn đành ngồi nhờ râu treo lửng lơ trên chúng. Mỗi lần thấy trắng như vậy, Do vẫn ngạc nhiên thấy chàng tưởng như ở nơi đó theo đuổi một chút đời sống im lặng và nó nhắc nhở đến những kỷ niệm. « Đứa con », Do chợt nhớ đến và kêu lên. Nó như thế nào ? « Em biết nó không thể sống được. Anh cũng buồn. Nhưng mình biết là không làm sao được ». Minh cúi xuống, gian phòng.

nhộn nhàng tiếng động và những miếng nắng hoa hoa phản chiếu từ cái hồ nhỏ nuôi cá thả những cánh bèo. « Nhưng em vẫn tưởng rằng mình có trách nhiệm rõ ràng về cái chết của con ». « Anh hiểu. Nhưng không phải thế đâu. Anh cả quyết với em rằng chính anh cũng khổ sở lắm. Anh biết là nỗi đau đớn đó nhỏ nhoi lắm so với em. . . », Minh nói : « Em không còn gì để nói nữa cả ». Nhà bên cạnh vụt máy thâu thanh. Một chương trình gì đó chấm dứt bằng một tiếng chuông tiếp đó là tin thời sự. Do đứng dậy, rồi lặng lẽ như thế. Chàng tự hỏi chàng đang nghĩ gì tuy chàng đang bước lảo đảo trong cái miền hỗn độn đó : Thật xa cách và lạ lùng. Tôi nói với nàng là tôi khổ sở lắm. Nhưng tại sao tôi vẫn tự hỏi và ngạc nhiên về nỗi khổ sở của tôi ? Như vậy là tôi có khổ sở thực không ? Minh ngồi im lặng một cách dễ sợ, hai cánh tay chập lại bỏ giữa hai gối, nàng không có vẻ buồn khổ cũng không có vẻ vui tươi (đã hẳn nhiên và Do cho rằng phải nói nàng không có vẻ bình thường). Trong sự im lặng của nàng, nét mặt đó hình như không phải là sự bình thường nhưng chính thật ra nó như thế đối với Do. Và chàng biết rằng chính sự dễ sợ mà chàng thấy đó bởi nơi chàng. Nếu em khóc lên. Nhưng tôi biết em đau khổ với nét mặt đó. Vậy thì nét mặt đó, nỗi đau khổ của em, nỗi đau khổ của tôi, chúng có liên quan với nhau không ? Hay nó rời nhau như tự có ? Thật lỗi bại nếu mình chỉ đứng đó bày đặt tư tưởng lếu lảo như thế. Bước. Lấy một cái khăn mặt. Dịu nàng dậy. Và Do lặng lẽ làm theo điều chàng nghĩ. Chỉ đến bây giờ, chàng nhận thêm được một điều : khi làm gì dừng lý luận vì nó sẽ thành bầy bạ vô tích sự. Đưa con. Nó như thế nào ? Tất cả những gì mà chàng nghĩ về nó chỉ là những tiếng khóc the the ngoài ngoài và màu xám ngoét trên mặt đứa trẻ. Do thấy chàng vẫn lảng vảng những thứ đó khi chàng muốn thử hình dung đứa con mới sinh. Chúng đã lẫn vào nhau khiến Do kinh hoàng. Ồ ồ nhưng cần gì. Ngày mai mình sẽ bế nó. Chắc chắn đây là một đứa con gái nhỏ và còn sống nhăn quơ tay quơ chân loạn xạ. Hãy yên lòng đi con ơi.

Người đàn ông lịch xịch đi ra. Hân có vẻ tức tối. Không đợi hỏi, hân nói : « Thật bất lịch sự. Ai mà nhện được chớ ». « Gì vậy ? ». « Thăng cha nào đó tôi có quen đâu, thấy lò mò tội nghiệp tinh đặc cho lại cự ». Hân đứng xỏ rở cung tay đỡ nón rồi khịt khịt thở. Một lát hân lấy thuốc châm hút nói : « Ai thềm chấp thứ đó. Đứa khác thì tôi búa bẽ sợ rồi ». Hân lâu lâu bầu mấy câu nữa rồi khạc đờm, xong hề hề cái gì trong cổ (Do nghĩ hân có tật thổ). Hân làm đủ thứ cử chỉ lật vặt nữa (buộc lại quai nón, đội lên, gỡ xuống, xóc cổ áo, kéo quần...) rồi lại khạc khạc hề hề. Do nói : « Đây chắc có cộp hả ? ». « Cũng có, mà ít. Con thật nhiều hơn ». Hân ngừng để khạc đờm, tiếp : « Độ rầy kê có giờ đi săn đồ cũng được lắm ». « Ông săn lần nào chưa ? ». Hân lại chỗ cái then sắt. Do dịch sang một bên. Hai người cùng tỳ tay quay ra ngoài. « Thỉnh thoảng vậy mà. Uả mà ông người ở đâu vậy ? ». « Tôi người Trung ». Hân cười ngó ngay mặt Do : « Vậy mà ông nói giọng Nam rành quá. Ông đi chuyến này chỉ cho khổ vậy ? ». Do gỡ đầu thuốc cho rơi tàn nói : « Về nhà có việc. Vợ

tôi để». «Vậy hả?», hắn cười lớn: «con trai hay con gái?» (Do đáp: con gái) «Có vợ coi vậy mà mệt dữ. Như tại tôi lấy vợ thì hết đất. Nuôi gì nổi. Lương tháng không đủ mua nước đá, ăn cơm». «Cái thứ nước đá đâu có cần lắm. Uống nhiều có hại lắm». Nghe Do nói, hắn quay lại trợn mắt: «Bộ ông nói chỉ mấy ông bự mới uống được sao? Tại tôi cũng phải xài chút đỉnh chớ? Đ... mẹ chớ đi mần như vậy mà không được xài chút đỉnh chỉ ăn có ngày hai bữa thì té ra như con thú sao, phải không ông hai?» Do cười gục gặc, hắn tiếp: «Đi tuần khổ lắm ông ơi. Sương gió lạnh lẽo đủ thứ. Vậy mới phải đủ bầy mà nghỉ bót cho lại chớ». Hắn phá ra cười: «Hi ba xạo một đoạn rồi đón tàu dòng. Vài bữa ra ký sớ một lần ma nào biết chuyện trời đất đó». Do cười đứng một chớp nữa rồi xin lỗi hắn bỏ vào trong. Gã lo béo đã gục xuống quầy ngày phi phò. Ngọn đèn đất chừng hết nước, cháy đỏ, ngọn ngấn vệt vờ. Do vói tay vặn cái nút rồi lúc lắc cho nước chảy xuống đoạn bỏ đi. Trong toa mọi người bây giờ ngủ say sưa, vài kẻ nằm trên ghế vải thuê của nhà hàng (giá ba mươi đồng hay ba mươi lăm đồng, sáng dậy được múc mấy ca nước rửa mặt và uống nước trà không phải trả tiền). Do lặn ra đầu toa, chỗ nối với toa cuối. Chàng nhớ tới người đàn ông định rạp rình, ban đêm như một bầu thủy tinh đựng một thứ nước đen thỉnh thoảng vẫn lên một vài sợi trắng uốn lượn. Do đưa mắt tìm con trắng nhưng không thấy đâu, bây giờ tàu đang đi giữa hai hàng cây rậm. Cầm giác lảng lảng nhẹ nhàng đến với Do rất mau trong khoảng thời gian đó. Lờ mờ chàng nhận thấy như có một chút gì đang mấp máy trong vùng tường mong manh hay hiện đến mỗi khi tự lự.

Hốt nhiên Do hiểu hết. Trong khoảnh khắc, mọi kỷ niệm của đời Do ào đến như một cơn lốc rồi đứng sững lại với sự va chạm mãnh liệt sừng sốt. Trước đó hình như Do còn nhận thấy những tiếng động đột ngột và khác thường trong toa xe cuối. Tất cả những kỷ niệm kia không rõ ràng, nhưng như là một nỗi hối tiếc lớn, nó hiện lên cùng một lần với tất cả quyền rũ có thể có được, bởi Do hiểu rằng kèm theo đó là một sự mất mát lớn lao sẽ đến, như cũng đến thì đúng hơn. Và khoảng trống vắng kia có những màu sắc lóng lánh nhất dần dần lặn đi chìm ngập trong màn đen hoảng hốt quay cuồng. Chính ở phút cuối cùng của cái làn chớp tuyệt vọng một cách huy hoàng kia Do còn nhận thấy một tiếng kêu quen thuộc ở ề nhưng không kèm phần sợ hãi, và chính chàng thì bước vào cùng với nó một cách chậm rãi lãnh đạm và nó gây cho chàng một thứ nhói buốt lạnh lẽo với hai bàn tay hoảng hốt bụm. lấy mặt chàng.

Đằng sau hai trăm thước là bia rừng. Cảnh đồng rộng và con đường đắp cao như một sống đất. Chính ở đó con tàu đã đổ nghiêng. Bây giờ

các vị La hán.

Trong lúc đó Do vẫn nằm im trên vệ đường. Lâu lắm khi mọi người đã ồn ào náo loạn mà chàng vẫn nằm đó; chân tay rời rã. Bây giờ thì Do đang dần dần tỉnh dậy với sự tò buốt lạ lắm ở nhiều chỗ. Tuy thế chàng vẫn chưa biết đích xác chàng bị thương ở đâu, nhiều hay ít. Đầu tiên chàng cảm thấy như đang trôi theo những cảm giác đau đớn đó, rồi dần dần chúng hiện rõ. Thoảng một cái rồi Do lại lịm đi. Lúc này chàng biết chàng lịm đi và vẫn như lơ mơ thấy trí óc nghĩ đến một điều gì đó. Trước mặt Do như là một con sông lớn lắm, rộng rinh, con sông chảy thì theo như tiếng nói thầm và chàng trôi lênh bênh theo nó. Cái thân thể trôi trên dòng sông kia đối với chàng hình như xa lạ lắm. Nó cứ yên lặng lờ lờ trôi và Do cố gắng hình dung nó nhưng đành chịu. Như là thân thể một người khác. Bỗng nhiên Do tỉnh hẳn. Cảm giác buốt nhức trở lại với Do. Chàng ngại ngùng chưa muốn tìm kiếm những dấu bị thương. Trong lúc đó nó vẫn nhức nhối từng chập rùng mình mang cái đau đớn tỏa ra cùng khắp thân thể như một con chó sùng nước ngồi dưới phơi dưới nắng run lên từng trận. Nhưng dần vậy, dần dần Do cũng bắt đầu thấy hoảng sợ và tự hỏi không biết chàng bị thương thế nào. Chắc hẳn là có rồi. Nhưng sao mình vẫn không biết được mà đêm thì tối đen? Hối có lý chút nào hết Do bàng hoàng nghe trí óc loạn xạ tự bảo như thế. Tại sao lại thế được, Do nằm yên lại nghe ngóng những cảm tưởng đau rồi quả quyết mở mắt ra xem. Do không ngạc nhiên nữa. Chàng đã hiểu. Chàng im lặng mỉm cười.

Người đàn ông nằm gần Do đã thôi quờ quạng. Hắn lặng lẽ dựa người vào vệ đường ngửa mặt lên bầu trời bao la. Sao nhấp nháy trên mình họ thể đốt được để soi từng chỗ một. Thấp thoáng một vài ánh đèn vừa đi vừa cất tiếng gọi nhau.

Và bây giờ Do cũng bắt đầu nghe những tiếng kêu đó. Đối với chàng chúng như một giỏ cua, kêu lách tách lao xao. Chàng nằm lặng cố nghe những tiếng người gọi nhau cách quãng và tưởng như xa lắm. Trong tiếng động đều đặn đó thỉnh thoảng Do thoáng nghe một thứ tiếng thờ phỉ như một con trâu ngay bên cạnh. Ban đầu Do tưởng chàng nghe lầm nhưng sau thì quả quyết là có thực. Một người nữa chăng? Hắn cũng còn chút may mắn sống sót như chàng chăng? Do toan cất tiếng gọi thử nhưng một quá lại thôi, chàng cố gắng thờ đều đặn và lắng tất cả giác quan nghe ngóng thân thể mình. Tại sao không đau đớn gì? Điều lạ lùng nào đã làm hai mắt Do mù đi như thế? Không biết được Do tự bảo. Có lẽ một cái chìa sắt đã đâm vào. Tại sao lại là một cái chìa sắt được. Một cái que nứa vậy. Một cái que nứa nhọn thì có lý hơn là một cái chìa sắt đấy. Nhưng cũng không thể tin được ở trên đời này lại có một sự tình cờ tuyệt hảo đến thế này được. Tại vì hai con mắt đến mù cả. Vậy là một cái gì? Một bụi gai? Nhưng tại sao chỉ có hai cái gai đâm vào mắt mình

thời ? Mà lại đâm trúng hai con mắt. Vậy cũng trật nốt nếu cho rằng mình bị mù bởi một cái bụi gai. Chớ để. Thật chớ để. Như là một sự sắp đặt trước. Cái gì đã sắp đặt trước như thế ? Mình bị mù, và không biết tại sao. Hệt như có ai bảo vào tai : « Mày bị mù rồi đấy ». Thì hẳn nhiên vậy. Nhưng tại sao ?

Hai người đàn ông vô tình đã bỏ lại gần nhau hơn. Sao vẫn lấp lánh nhỏ bé trên đầu họ. Bầu trời sáng hơn, trăng đã lên cao hơn, mỏng như một cái lá lúa uốn cong. Do nằm gần thành cầu ciment. Người kia cách chàng chừng hai sải tay.

Một hòn đá động khẽ. Do nhớ tới điều đã dự đoán. Chàng lên tiếng : « Ai đó ? ». Tức thì Do nghe có tiếng thở mạnh : « Tôi, tôi đấy ». « Ông có bị gì không ? ». « Không biết, không biết. Nhưng đau lắm. Còn ông ? ». Chắc có lẽ tối quá nên anh chàng chưa thấy được những chỗ máu chảy Do nghĩ. Còn mình ? Chàng nhắc chân lên xớm vài lần. Không bị gì tuy hơi ê ẩm. Chắc không có chảy máu ở đầu nữa cả. Tiếng người kia : « Trời tối quá nhỉ ? ». « Có lẽ ». « Ông nằm ở đâu đó ? ». « Ở đây, ở đây » Do đáp. Giọng kia có vẻ câu : « Ở đây là đâu mới được chứ ? (hắn dự đoán) Trời tối quá... Không thấy gì hết ». « Không biết mấy giờ rồi » Do ngừng hỏi. « Bộ hai ba giờ ». « Không đúng đâu. Gần sáng mới phải » Do ngừng một lát rồi tiếp : « Tôi nhớ bị ngất đi lâu lắm. Ông không có đồng hồ sao ? ». « Nó rơi mất rồi. Một cái đồng hồ quả quyết thật là đúng ». Một lát hắn tiếp : « Không có lý đâu. Làm gì gần sáng được. Lúc này tôi nói hai ba giờ phải không ? Độ hai giờ là cùng ». Nói xong hắn nằm thở dốc. Một lát hắn nói : « Ông có đau không ? ». « Không đau lắm ». Hắn nói : « Thật là may ».

May mắn thắng ông nội mày, Do chửi lầu nhầu. Hắn xỏ mình ! Lẽ nào hắn không thấy hai mắt mình bị chọc thủng đi thế này sao ? Ít nhất thì hắn cũng phải thấy cái mặt bết máu của mình. « Còn ông, ông có đau không ? ». Hắn cười sau câu hỏi của Do, không trả lời. Một lát, hắn hỏi : « Nhưng mà ông hỏi định làm gì vậy ? ». Do ngạc nhiên toan bắt thặng « Nhưng mà ông hỏi định làm gì vậy ? ». « Đây tại sao không há miệng cự nhưng hắn tiếp : « Thôi nằm đó đi ». « Đây tại sao không thấy ai lại khiêng mình ? » Do hỏi. « Khiêng làm gì. Người ta còn bận. Với lại cũng còn phải tìm của cải chứ. Với gì với những đồng tiền này. Phải, cứ tạm quên lưng một chốc đi cũng chả sao (hắn cười cười) rồi mai hãy nhớ đến. Ông tức giận lắm hả ? chắc là còn trẻ lắm ». Hắn lại cứ như là nói xỏ mình, Do nghĩ. Chàng thấy tức tối muốn tổng cho hắn một quả nhưng không biết hắn ở đâu. « Thật là kỳ cục. Ông có thấy là kỳ cục không ? ». « Cái gì ? » Do hỏi. « Con tàu. Thật là một cái tai nạn tồi tệ nhất. Không hào hứng chút nào cả. Cứ thử nghĩ coi rồi tưởng tượng ra một con voi thật lớn đang khệnh khạng đi bỗng lặn xuống ra chết tốt. Thật câu tiết. Có phải là chẳng có lý thú mẹ gì không nào ? Ông có nhận thấy thế không nào ? ». Nhận thấy, nhận thấy. Lại chưa đủ để kêu trời sao ? Do nghĩ, hắn còn muốn gì hơn nữa ? Ồ mà kể ra cái tai nạn này cũng tồi thật. Do nói : « Không biết tại sao nó dở ». Hắn cười sáng sặc : « Ấy đấy. Chính cái chỗ đó mới là tồi đấy. Phải chứ, hả ? Ồ đau quá, tôi bị đập

đầu vào cái gì mà đau quá đi thôi... Ờ phải chứ hả? Thật là nhạt nhẽo không tin được. Ai có đời tàu đang đi bỗng nhiên sập hết cả một lũ thế kia. Tôi không tin có chuyện đó được. Ngày mai báo sẽ đăng: một tai nạn rừng rợn chưa từng thấy với những cái con khỉ gì nữa... Lão! Và tệ nhất là không ai cải chính cả. Tất nhiên họ có lý của họ. Do nói: « Thế ông nghĩ sao? ». « Tôi ấy à? Phải có một quả mìn cùn tui khốn kiếp chứ! Thế ông không có đọc báo hả? » Hân im một chốc rồi cười ròn: « Mà không đâu mai, báo sẽ đăng là tàu bị giạt. mìn thật. Có lẽ họ nói đến ba bốn quả mìn kia. Phải hiểu như thế vì trong tình trạng này giấu diếm chỉ là một cái trống thùng đánh không kêu được. Tôi còn nhớ dạo trước, cách đây không lâu, trên mặt báo cứ độ vài ngày lại thấy đăng tin một cái cầu bị hư. Hư thế quái nào được. Trừ phi là bị phá. Ông không tin thế sao? ». « Tôi ấy? Tôi không chú trọng mấy ». « Hừ cũng tốt. Thật ra thì chúng ta không có quyền tin tưởng vào mấy cái cầu hạn hót của những kẻ đến đất này trước tiên đâu. Nhưng có một điều là... ». Hân ngừng lại một chốc để thở. Do nằm im thỉnh thoảng cục cựa tay chân. Bây giờ thì chàng thấy ẽ ảm toàn thân nhưng không biết có chỗ nào gây không. « ... Có một điều là .. Ông làm gì đấy? Đau hả? Mà thôi không nói về chuyện đó nữa. Chúng qui lại một cái cầu hay một chuyến xe có sập thì nó cũng chỉ có nghĩa tương đối thôi. Còn chúng sập hay bị sập cái đó cũng tùy người ta thấy nói điều nào lợi hơn. Vả chàng một đứa trẻ muốn với mẹ nó thì nó phải khóc hoặc phải vờ ngã lợi tay. Phải không? ». Do không trả lời vuốt tóc rồi đưa tay nắm túi. Chỉ còn mỗi cái tàu và bao thuốc sợi. Bây giờ nếu có lửa mình sẽ nằm hút vài hơi chờ sáng. Nếu đứng dậy rất có thể bị va vào một cái gì đó. Người kia cất tiếng: « Ông đau lắm hả? ». « Hơi thôi. Sao ông không đi lại chỗ toa đồ? » Do trả lời. « Lại làm gì chứ. Tôi không có hành lý. Mình nằm kên ra đây chờ nắng lên kêu thật to để bắt chúng đem cáng đến khiêng. Ông bị gì không? ». « Ờ không biết. Nhưng tôi thấy nhức đầu. Mình sẽ khai là bị quang xuống mạnh quá nên long óc hay là răn mất vài sợi dây thần kinh chẳng hạn. Phải dọa cho chúng nó hoảng ».

Còn mình thì khỏi phải khai gì cả. Do chưa chát nghĩ. Họ sẽ nắm cẳng mình quang lên cáng và đút vào xe hơi. Như một bao gạo. Người đàn ông lại nói: « Phải lắm. Nhất định tôi phải khai như thế. Còn ông? Có lý chứ! Bệnh thần kinh! Lần này thì chúng sẽ phải tin. Ông có biết không, cách đây mấy năm một lần tôi bị một mối quạ nồn mò đến nhà thương. Tôi cũng khai như thế. Nó đuổi. Nó bảo: « Anh thì thần kinh gì, khôn như quỷ ra ấy ». Thú thật! ».

Cái thằng cha này cũng hay ba hoa lắm. Do nghĩ. Hân có vẻ như bực tức sự gì chỉ rình rình trả thù thiên hạ. Cũng giống như người đầu hôm trong toa xe lửa. Hay là hân? Chắc không phải. Thiên hạ thiếu gì người giống nhau. Thế thì cũng có thể tin được rằng trong thiên hạ cũng có hai người ưa nổi giận và ba hoa tán phét. Mà đây là một cái gì chứ? Thật đây là một cái tai nạn tồi bại. Ở đây kia không biết bây giờ ra sao: Chắc có nhiều người chết và bị thương. Thử tưởng tượng xem: người ta bỏ là

lết như những tên mất trí thực thụ vì quá đau đớn, và máu chảy trên người họ. Còn mình ? Có lẽ mình cũng bê bết những máu ở tròn mặt đấy. Cái thằng cha bên cạnh chắc lấy làm kỳ dị cho cái bản mặt nhem nhuốc của mình. Mà tại sao hắn không nói hắn bị thương ? Bây giờ thử ôn lại xem. Mình biết là cũng cũng chẳng có thể biết tại sao mà mù đâu. Nhưng cũng thử xem mình đã làm gì trước khi tàu đổ. Mình đã làm gì ? không nhớ được. Chỉ biết mình ngất đi trên cái xe khốn kiếp ấy rồi. Bây giờ tỉnh lại thấy mình mù. Tôi ngất đi sau khi bị quăng ra ngoài hay trước đó mấy giây đồng hồ ? Không biết. Mà nhớ được thì có ích gì ? Chỉ biết bây giờ thế. Và sau sẽ ra sao ?

Nguyễn Văn Do choáng người lên. Thôi rồi, mãi mãi nó sẽ là một sự bí mật. Chẳng tự trách sao không nghĩ đến nó sớm hơn một chút mà lại vớ vẩn với những cái nguyên nhân tồi bại này. Bây giờ, cho mãi đến bây giờ mình mới nhớ đến nó, thực là quá lắm. Nó sẽ ngạc nhiên biết mấy nếu nó có thể ngạc nhiên được. Nó sẽ khóc thét lên vì sợ hãi và mình chỉ biết nó qua cái mớ tay chân mềm éo thom ngát những phần. Mình sẽ sờ rấm nó, hôn hít nó thật nhiều. Cái chân, cái tay, cái đầu... mọi thứ đó đều chỉ nghĩa là tương đối vì có thể gọi tên ra được. Mình chỉ nghe nó thở phập phồng bằng cái thóp. Nhưng rồi cái thóp cũng cứng lại. Và thế là nó thành một cục đá xa lạ hẳn với mình. Còn vợ mình ? Mình sẽ khổ sở biết chừng nào. Nàng sẽ tự vấn cái số kiếp của nàng, nàng sẽ nghi ngờ nó. Thật là một sự rủi ro không có đầu đuôi gì hết: Tại sao lại bắt tôi mù khi tôi muốn như thử đưa con mới sinh của tôi chứ ? Mà ai bắt tôi ? Điều đó có nghĩa là mình tin tưởng vào một đấng cao cả nào đó sao ? Làm gì có chuyện ấy. Chỉ là một sự rủi ro thường thôi mà. Do nằm lẳng nghe tiếng những hòn đá va chạm lạo sạo. Rồi sẽ ra sao ? Tất nhiên là mình không trông thấy nó. Không trông thấy Minh nữa. Vậy mình tự hỏi mình điều gì đây ? Thành phố bây giờ, ánh đèn, con đường, các cửa đóng, vỉa hè chạy dài không một người, vài chiếc cyclo đạp lặng lẽ trôi như một thứ giấy mỏng... Và mai thì chúng sẽ lại ri rầm hoạt động, những tà áo, những khuôn mặt, những hiệu buôn... Mình đang nhớ tới chúng đó sao ? Mình đang tự hỏi về cái điều gì đây ?

Do không biết chàng đã lẳng đi với những cảm nghĩ ấy trong bao lâu. Có lẽ lâu lắm. Khi chàng bỗng bèn trỗi khỏi những điều đó, thân thể chàng đã mồi rừ và đầu óc như đang tan rã thành bụi. Do quờ quạng trong không khí, đôi khi tay chàng đụng vào mặt đất với những hòn đá nhỏ mà chàng không ngờ tới. Cuối cùng Do đụng vào thành xây của chiếc cầu ciment và nằm yên. Rõ ràng Do thấy chàng lạnh lẽo như một cục đồng mà trong đó thì rất nhiều những sao chổi bay đuổi loạn xạ. Do thốt bật lên hỏi: «Này ông, ông có tin rằng người ta sẽ đến khiêng mình đi không?». «Nóng lắm hả ? Thì đến với cái đám hỗn loạn đằng kia đi » người đàn ông trả lời và cười sảng sặc. Do tức tưởng phát điên. Hắn lao đến đối đàm bảo một người mù như mình đứng dậy mà đi. Trong một giây phút rất ngắn, rất nhiều ý nghĩ ập đến với Do, chàng nghe chúng kêu như bầy ong. Đột nhiên người kia kêu lên : «Kia kia tiếng chân người... Ông thấy

họ không ? Họ đi lại phía chúng mình đấy chứ ? »

Do không trả lời, chàng lăm lỵ dơ tay về phía người kia. Cho đến lúc chàng nắm được vai hắn. Trong cái khoảng cách đó, Do nghe chàng thì thầm : « Đến đây ! đến đi con ! đến đây ! »

Hừng đông có ba người từ đám toa đổ đi tăn xuống mạn dưới. Vừa đi họ vừa khua gậy đánh những cục đá giải trên đường sắt, tiếng động lổ lổ ngân ngùn lẫn với tiếng giầy họ. Một người trong bọn nói : « Này hỡi khuya có thấy hai người hành khách ngồi ở goong sao không ? ». Một người đáp : « Có. Chắc họ chưa xuống ga trước đâu. Ừ để thử xem coi thế nào ». Họ đi đến khoảng đất nghiêng có mấy bụi gai nhỏ. Một người la : « Có cái mũ rộng vành của ai này ». Ba người chụm lại xem rồi sục vào các bụi tìm kiếm. Cuối cùng người ta thấy có hai người đàn ông nằm chết dưới cầu bên những gộp đá. Họ đứng nhìn xuống. Một lúc có kẻ nói như sực tỉnh : « Gọi thằng Tổ đem cang đến đi ».

NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG

thơ da đen

TRẦN ĐỨC UYÊN

langston hughes

sinh năm 1902 tại Joplin, vùng Missouri, một tác giả được coi là một đại diện cho thi ca da đen trong nhiều năm gần đây. Ông là một thi sĩ đã thể hiện được vào tác phẩm tất cả một đời sống náo động và ồn ào của chính ông: làm phu trên những bến tàu, bồi trong những khách sạn, ca hát trong hộp đêm, và dạy học trong những trường sinh ngữ. Năm 1926, tập thơ đầu tiên của ông: «The Weary Blues» được xuất bản và chính với tập thơ ấy, Langston Hughes không những chỉ nổi tiếng ở Mỹ châu mà thơ của ông còn chinh phục được cả một số độc giả lớn Âu-Châu nữa, thơ của ông đã được dịch ra nhiều thứ tiếng (bản Pháp văn do nhà Pierre Sephers xuất bản).

Louis Untermeyer (thi sĩ, người biên soạn Modern American Poetry) đã nói Langston Hughes là người đầu tiên mang được vào thi ca thứ linh thần sống động và thâm khốc của nhạc Jazz. Đọc những bài thơ trích dịch dưới đây của ông, người đọc cũng dễ dàng nhận ra điều ấy. Ở Việt-Nam, chúng ta chỉ mới thấy được có một bài thơ của ông, đó là bài Homesick Blues, được dịch ra Việt văn do Thanh Tâm Tuyên in trên tạp chí Sáng Tạo bộ cũ. Ngoài thơ ra, Langston Hughes còn là một nhà văn, một kịch tác gia hữu hạng.

người da đen

nói về những giòng sông

Tôi đã biết những giòng sông:

Tôi đã biết những giòng sông cổ như trái đất và cũ hơn giòng
máu trong huyết quản loài người.

Linh hồn tôi lớn lên sâu thẳm như những giòng sông đó.

Tôi đã tắm trong lòng Euphrates những bình minh ấu thơ.
Tôi đã xây căn nhà nhỏ gần phía Congo và nó ru tôi ngủ.
Tôi đã nhìn mặt sông Nile và những kim tự tháp nhô lên trên nó.
Tôi đã nghe những lời ca của Mississippi khi Abe Lincoln
xuống miền New Orleans, và tôi đã thấy những khúc quanh
lòng bùn của nó vàng lên trong hoàng hôn.

Tôi đã biết những giòng sông:
Những giòng sông cũ kỹ, lồi lõm.

Linh hồn tôi lớn lên sâu thẳm như những giòng sông đó.

những chiếc ống nhỏ bằng đồng

Hãy chùi sạch chiếc ống nhỏ đi, con ơi,
Detroit,

Chicago,

Atlantic city,

Palm Beach.

Hãy chùi sạch những chiếc ống nhỏ đi.
Hơi nước trong những nhà bếp

Và khói trong những hành lang
Và dờm rãi trong những chiếc ống nhỏ

Của khách sạn:
Một phần của đời ta.

Ê, con ơi!

Một đồng kền,

Một cục bạc,

Một đô la,

Hai đô la một ngày.

Ê, ê, con ơi!

Một đồng kền,

Một cục bạc,

Một đô la
Mua đôi giày cho trẻ
Tiền thuê nhà.
Khóa lễ ngày chủ nhật.
Thượng đế ơi!
Trẻ thơ và nhà thờ
và đàn bà và chủ nhật
tất cả lẫn lộn cùng những đồng bạc các
và những đồng đô la và những chiếc ống nhỏ sạch sẽ.
Ê, con ơi!

Một chiếc bát đồng sáng loáng rực rỡ dâng lên chúa.
Hãy đánh bóng đi mặt đồng sáng như những chiếc phèng la
Của đoàn vũ nữ vua David,
Như những chén rượu vang của Salomon.
Ê, con ơi!
Một chiếc ống nhỏ sạch sẽ trên bàn thờ của chúa.
Một chiếc ống nhỏ sạch sẽ sáng loáng vừa đánh bóng,
Ít ra ta đã có thể dâng lên người cái đó.
Hãy đến thế, con ơi!

Cái trống

Mang trong trí nhớ
Sự chết, đó là một cái trống
Vỗ mãi mãi không ngừng
Cho tới khi những con bọ cuối cùng tìm đến
Để trả lời cho tiếng kêu của nó
Cho tới khi những vì sao cuối cùng rụng xuống,
Rồi tới khi những nguyên tử cuối cùng
Không còn trong tất cả
Rồi tới khi những thời gian mất đi
Và không gian tự nó
Cũng không còn đâu nữa.

Sự chết, đó là một cái trống
Một cái trống báo hiệu
Gọi hết mọi cuộc đời
To come, come
Come (1)

robert e. hayden

sinh năm 1913 ở Detroit, tiểu bang Michigan, đã lòng học tại đại học đường Wagne. Là một thi sĩ nổi tiếng, khi còn trẻ, ông đã được giải thưởng «The Jule and Avery Hopwood Prize», một giải về thơ. Hayden còn là một kịch tác gia của đài phát thanh và một nhà phê bình về Nhạc của tờ «Michigan Chronicle»
Bài thơ son đũa của ông trích trong tập «Heart-Shape in the Dust», ấn hành năm 1940.

gabriel

Hỡi thằng Gabriel đen, cưỡi ngựa
lôi cây treo cổ kia
trong giờ cuối cùng này
mày thấy gì?

Tôi thấy một ngàn
ngàn lên nó lệ
thức dậy
từ những năm mờ quên
và vết thương của chúng nhỏ lửa
trên mảnh đất tôi đòi
và tiếng xích khua lên
bằng tiếng kêu rồn rảng

(1) Đón! Đón! Đón!

(Vi âm thành nếu người dịch đã nguyên văn).

Gabriel, Gabriel,
phút cuối cùng gần đến
mây ao ước những gì
trước khi mây chết?

Rằng sự phản kháng được dinh dưỡng
bầu sữa bà mẹ nó
và những đàn ông đen
không bao giờ, không bao giờ ngừng nghỉ
cho tới khi những trụ đồng nó lệ
tan dưới bụi khô cong
và xiềng xích nó lệ
nằm nuốt với nếp han.

Gabriel, Gabriel,
đây là phút cuối cùng
linh hồn man di mây
được về cùng thượng đế.

Làn hơi tôi thổi ra
không hao huyền vô ích
làn hơi tôi thổi ra
sẽ được thổi lên nữa.

Gabriel lũng lằng
khởi vàng đen trong nắng
ngọn lửa của
sự phản kháng.

Người da đen đứng khỏa
Người da trắng đứng nhìn
Gabriel là một
lưỡi kiếm trong không gian

Linh hồn nó bay là là
trên đầu lục địa này
với bài hát trong miệng
và lưỡi kiếm trong tay.

owen dodson sinh năm 1911 tại Brooklyn, New York.
Owen Dodson là một thi sĩ đã làm
mới cho thơ đa sắc vì bản sắc tri thức của thơ ông. Mà tiêu biểu là bài
thơ «Craddle Song» chúng tôi trích dịch dưới đây.
Ngoài ra, Owen Dodson cũng là một kịch tác gia lớn. Hai vở kịch của
ông: *Divine Comedy* và *Garden of Time* rất nổi danh.

bài ru

Ngủ cho muôi với những giấc mơ con ;
Buổi sáng có một vết sẹo
Đánh dấu trên đường trời
Bằng cái chết sao mai.

Màu của máu sẽ hiện ra
Và nhuộm hết bầu trời buổi sáng
Những con chim nhôm (1) bay với nỗi kinh hoàng
Sẽ kêu lên cho sự thức dậy của con
Gửi con về cái chết.

Ngủ cho muôi với những giấc mơ con ;
Giả đồ như buổi sáng còn xa lắm
Sâu hút trong chân trời quê hương.
Chẳng cần dự gì lời vì sao mai hết.

(1) nguyên văn : Aluminium birds.

magaret walker sinh ở Birmingham vùng Alabama năm 1915. Đã lòng học tại các

trường công lập ở Mississippi, Alabama, Louisiana, trường đại học Northwestern và đại học Iowa. Là một trong những người lượng trung cho giới phụ nữ da đen tri thức nhất, bà đã từng tham gia các công tác xã hội ở Chicago và nhiều nơi, những nơi có đồng bào bà sống. Thơ của Margaret Walker từng được coi là một trong những tiếng nói gầy sức động mạnh nhất của thi ca da đen. Bài «For my People» của bà, được viết và in từ năm 1937, khi bà 22 tuổi, mà chúng tôi trích dịch dưới đây, đến bây giờ vẫn được coi là bài thơ liên biểu cho thi nghiệp của bà.

cho đồng bào tôi

Cho đồng bào tôi ở khắp nơi hát lên những bài hát tôi đòi của họ : những bài hát vĩnh biệt, những đoản khúc, những bài blues, những hội hè kỷ niệm, dâng những lời nguyện cầu đêm đêm lên đấng vô danh, phan hèn mọn quì gối trước quyền năng vô hình ;

Cho đồng bào tôi vay mượn sức lực họ hàng năm : năm ngoài và năm nay và năm tới, giặt rũ phơi ủi nấu nướng lau chùi may vá cào cuốc vun sới trồng trọt cắt xén lôi kéo không bao giờ rảnh không bao giờ hưởng không bao giờ biết không bao giờ hiểu ;

Cho bằng hữu tôi trong những cái sân đất cát bụi bặm của miền Alabama chơi đùa, cầu nguyện và thuyết pháp và bác sỹ và nhà tù và lính tráng và trường học và mẹ và nấu nướng và rạp hát và hòa nhạc và nhà hàng và cô choomby và tóc và công ty ;

Cho những năm lung túng bỡ ngỡ chúng tôi tới trường để học để biết những lý do tại sao và những trả lời thế nào và những

người mà họ và những chỗ mà nơi đó và những ngày mà lúc đó, trong kỷ ức của những giờ khi mà chúng tôi khám phá ra rằng chúng tôi là những tên mọi đen và khốn khó và hèn mọn và khác biệt và không ai để ý và không ai hiểu tôi;

Cho những cậu trai những cô gái mà mặc dầu những thứ đó đã trở thành đàn ông và đàn bà, đùa cười và nhảy múa và ca hát và chơi đùa và uống rượu vang và tén ngưỡng và thỏa mãn để lấy hạn hữu và để những đứa con và rồi chết đi vì đau phổi và thiếu máu và bị hành hạ xử tử không cần đến tòa án (1)

Cho đồng bào tôi lên chắt trong phố 47 ở Chicago và Lenox Avenue ở New York và phố Rampart ở New Orleans không gia sản không thừa hưởng và những người sung sướng hạnh phúc đầy rẫy những hộp đêm những quán rượu và các cái túi những kẻ khác cần bánh mì và giấy và sữa và đất và tiền và những vật — Những vật riêng của mỗi chúng ta;

Cho đồng bào tôi đi một cách mù lòa, phân tán sự đùa rồn buông trôi thì giờ, ngủ khi đói bụng, la hét khi vác nặng, uống khi vô hy vọng, bị cột trói công khóa và rối loạn giữa chính chúng ta bởi những sinh vật vô hình vượt hẳn lên trên chúng ta một cách toàn trí và cười;

Cho đồng bào tôi lầm lạc và mò mẫm và quờ quạng trong bóng lối của nhà thờ và trường học và câu lạc bộ và xã hội, những đoàn thể và những hội nghị và những ủy ban và những hội đồng, bị buồn phiền và lo lắng và lừa phỉnh và cần xé bởi những con đĩa đói khát tiền bạc ham muốn danh vọng bị tiếp tục ăn thịt bởi cái lực lượng dễ tính của quốc gia và diên đại và mới lạ bởi thứ tiền tri giả và những kẻ sùng ngưỡng;

Cho đồng bào tôi đứng dậy mở mắt nhìn cố gắng tìm lấy một

(1) Nguyễn Văn : Lynchings.

con đường tốt đẹp hơn từ sự bại trận từ sự nguy hiểm từ sự ngu xuẩn, cố gắng tìm một thế giới mà ở đó sẽ dung nạp được tất cả mọi người mọi khuôn mặt mọi ông Adong và mọi bà Evà và mọi thế hệ tương lai của họ.

Một địa cầu mới hãy mọc lên. Một thế giới khác hãy ra đời. Một nền hòa bình vĩnh viễn hãy hiện lên bầu trời. Một thế hệ thứ hai đầy tràn lòng dũng cảm, một nhân loại yêu chuộng tự do hãy lớn lên, một cái vẻ đẹp lạnh lặn của sự hàn gắn và một sức mạnh mẽ của sự đoàn kết cực điểm hãy là nguồn mạch trong tinh thần và máu huyết chúng ta. Những bài chiến ca hãy hiện ra, những bài ca rầu rĩ hãy biến đi. Một giống người bây giờ hãy đứng dậy và nắm quyền chủ động!

TRẦN ĐỨC UYÊN dịch



Đây tuổi tôi

DƯƠNG NGHIÊM MẠU

8 Tôi tới bệnh viện khám vết thương lần cuối cùng, bác sĩ cắt bỏ bằng nơ nửa mặt, cả hai mắt đều nhìn được như trước. Khi mới cởi tôi choáng váng rất lâu và như mất thăng bằng vì một sự quen thuộc đã lâu ngày, bác sĩ nói với tôi:

— Thật may mắn cho ông quá rồi, tôi lo là bị hư mắt đấy. Có sợ một chút thế này không sao. Mắt còn khỏe chứ?

— Dạ thưa như thường. Cảm ơn bác sĩ.
Tôi từ giả không khí bệnh viện. Tôi chào cô y tá săn sóc tôi hồi trước ở lối đi. Cô nhìn tôi ái ngại, tôi nghe thấy câu cô nói hình như cô đã nói với tôi một lần:

— Một tai nạn tôi chưa hề thấy. Vết sẹo cũng không lấy gì làm xấu... Nhưng từ cổng bệnh viện bước ra đường, tôi mang ý nghĩ rằng tôi có một bộ mặt thật ghê tởm mà chưa ai hề thấy bao giờ. Tôi nhìn mọi

người và chường như ai cũng nhìn tôi rất lâu cùng những ý nghĩ gồm ghê trong đầu óc mọi người. Tôi muốn che mặt đi, dấu mặt đi cho khỏi ai nhìn thấy, nhưng trên xe điện, giữa đường phố, trong đám đông tôi không thể dấu mặt đi được và bao nhiêu con mắt đang đổ dồn vào, cùng tiếng cười cợt của Hùng—thằng sát nhân—đang cất lên từ đám đông:

— Cho hết dấu vết tội lỗi đi...

Tôi chạy trốn, chạy trốn về nắm gục mặt trên bàn tường như muốn khóc một chút cho đỡ cô đơn để nhớ về bố và mẹ tôi.

Khi đứng trước mặt gương nhìn vào mặt mình, tôi mới cảm thấy nỗi sợ hãi chưa thấm vào đâu. Nửa mặt tôi dần lại như một tấm lưới rách buộc sáo sáo, những nếp da hằn lên từng đường ngang dọc sò kéo, con mắt lơ lơ trên bị lệch lên và lông mày còn có một nửa.

Thuốc đỏ chưa hết như vết máu khô. Tôi sờ tay lên những đường răn nổi cồn và không có can đảm nhìn thấy mặt mình lâu hơn.

Trong bữa ăn; tôi không dám nhìn chị Huệ và mẹ Vĩnh. Lúc xong bữa, chị nói ở đầu giường tôi nằm.

— Em buồn chuyện gì?

— Em nhớ Hiền chị ạ.

Buổi tối tôi nằm nghe tiếng cầu kinh, hai tay vuốt trên mặt—Hai bàn tay đè lên mặt như vậy và mãi quá khuya vẫn không sao nhắm được mắt. Tôi nhua trong bóng tối khuôn mặt mình tròn vồn nhẩy múa. Tôi khiếp sợ và thiếp đi trong một giấc ngủ ngắn mệt mề...

9 Những ngày mùa xuân tiếp theo tôi nằm trong ngõ hẻm, mỗi buổi sớm trở dậy mua một tờ báo hàng ngày đọc những tin tức chiến tranh rồi chị Huệ mua quả sáng cho ăn. Tuyệt nhiên tôi không muốn ra đường và chẳng ai quan tâm đến. Tôi nằm đọc những cuốn sách cũ và nghĩ đến chuyện tự đọc sách để cuối năm học có thể dự thi lên lớp. Tôi bỏ mấy tháng liền không đến giảng đường, nằm lâu trong nhà mới thấy nhớ và cần thiết.

Tôi mong cho có một người nào đến thăm, nhưng mỗi buổi chiều chỉ có chị Huệ gánh hàng về vừa ngồi nấu cơm vừa nói với tôi về những chuyện trong ngày. Nhưng những lo nghĩ, buồn phiền mỗi ngày một nhiều, khiến tôi ảo não, tiêu tụy và rười rượi. Chị Huệ bảo:

— Sao em cứ buồn luôn vậy. Đừng nghĩ gì cả, và coi ở đây cũng như ở nhà.

— Em có nghĩ—và em vẫn cho ở đây là nhà em, nhưng em buồn vì chả còn ai—em có một thân nên khổ quá. Tự nhiên lại làm chị phải vất vả thêm.

— Ngạc! thế Ngạc không nghĩ là còn chị sao?

Tôi nhìn lên mặt chị Huệ—nỗi xao xuyến không bao giờ tôi gặp trên mặt chị nhiều hơn thế.

Chị hơn tôi 2 tuổi. Nhưng đời sống vất vả, nỗi cơ cực, với không khí

thăm lặn cổ đơn bên mẹ già — ai cũng tưởng chị là người đứng tuổi. Có lẽ chị chưa bao giờ dám nghĩ đến hạnh phúc của mình — hay có nghĩ thì đó là nỗi thất vọng đau đớn.

Chị sống âm thầm như một người góa phụ thương tiếc một dĩ vãng không bao giờ dám mơ tưởng. Lúc nhìn vào mặt chị thì tôi muốn phải khóc. Chưa ai dành cho tôi những ý nghĩ yêu thương như chị cả. Huỗi com tôi tôi ngồi ở đầu giường khêu ngọn đèn nói chuyện về Hiền cho chị Huệ nghe :

— Em nghĩ rằng Hiền đi là mất hẳn, em vẫn mang ảo tưởng gây dựng một gia đình. Hiền ngày thơ và dễ tin quá, rồi khi biết ra e lại muộn rồi.

— Không, chị tin Hiền sẽ về. Như Vĩnh em ạ.

— Em tin, có về thì cũng đã là đi, là đời và mất những cái ngày xưa rồi, chúng em sinh vào một thời có quá nhiều oan trái — nhìn vào những oan trái ấy và bất lực. Báng ra phải đứng suy nghĩ gì rồi sống và chết đi mới phải.

Tôi kể cho chị Huệ nghe về mẹ tôi, về bố tôi. Và tôi đọc cho chị nghe lá thư cũ của chú tôi gửi về khuyên tôi tiếp tục học hành và trông nom các em nhỏ.

— Nhưng em đã không làm được như chú em dặn. Em đã rời căn nhà ấy. Thật ra em cũng không ngờ là em chịu đựng được lâu đến như thế.

Ngồi nghe tôi nói. Chị Huệ khóc, tôi nghĩ chị khóc cho tôi. Tôi ngồi vào bàn viết thư cho chú tôi :

Thưa chú,

Báng ra thì cháu phải biên thư thăm chú và báo tin để cho chú rõ khi đã bình phục và rời bệnh viện. Nhưng mãi đến hôm nay cháu mới gửi tin đi và nói để chú rõ ; cháu đã rời đi ở chỗ khác.

Chắc chú sẽ ngạc nhiên và không vừa lòng, nhưng đồng thời chú cũng không phản đối. Bấy giờ cháu có một bộ mặt ghê tởm ma chính cháu cũng chưa bao giờ nghĩ đến. Suốt từ ngày bỏ miêng báng ra cháu chưa dám ra đường, nằm trong căn nhà ở ngõ Yên-Thất lòng buồn tủi.

Việc rời căn nhà ấy đi như chú rõ; cháu vẫn nói : cháu muốn được sống dưới một mái nhà và trong một gia đình, không bao giờ lại muốn là khách ở trong một gia đình có ông nội, có thím và các em — cũng như ở đây bố cháu đã sống, mẹ cháu chết đi.

Bấy giờ rời đi, ngày giờ mẹ cháu cháu còn biết thấp một nền hương ở nơi nào — nhất là ở một mái nhà người chết đã sống, đã khép mắt lại ?

Thưa chú,

Cháu vẫn rõ : đã sao thì sự tình cứ đến đời sống dù có tự do thì con người cũng phải tự nhiên nhận một định mệnh không từ chối. Và phải sống theo lòng mình. Một số gia trí cũng từ chối — nhưng với gia trí nào đi nữa thì theo cháu trước nhất con người sinh ra phải được gần dưới một mái nhà. Ở đó lớn lên với những kỷ niệm vui buồn của những người trông thấp mặt nhau hàng ngày, lúc khuya sớm, ngồi ăn cùng một mâm

cơm. Rồi con người lớn lên ở đó làm điều dở có người chê trách, làm điều hay được khen ngợi và tán đồng. Từ đó con người tự thấy mình gần liền với mọi người với mái nhà từ hồi thơ ấu, về sau dù có xa cũng không thể nào quên được.

Cháu lại thiếu tất cả, cháu sống thời thơ ấu thiếu mẹ — người bố phát điên. Cái kỷ niệm duy nhất cháu còn giữ lại về bố cháu khi giữ chặt lấy cháu nhìn vào mặt cháu với đôi mắt đỏ ngầu rồi cười phá lên — bấy giờ nhiều lần cháu cũng cười phá lên như thế.

Những ngày lớn lên trên một không khi bản thân — ngày ngày nghe tiếng chửi bới của một người ông đáng ra mình phải kính mến thì lại khinh nhờn. Mình làm gì cũng không ai hay biết khen chê hay khuyển khích. Vùi đầu vào sách vở với bao nhiêu lý thuyết, bao nhiêu sự kiện mới mẻ, phức tạp — rồi không khi chiến tranh. Thừa chú, cháu tưởng thật không bao giờ con người lại chịu nhiều cực hình như thế. Thời thơ ấu, hoa niên không có trong đời cháu. Như vậy thừa chú cháu còn tin tưởng vào đâu. Đã bao lần chú muốn cháu nghĩ đến tương lai. Nhưng thừa chú — cháu phải nói thật chưa bao giờ cháu dám nghĩ đến. Cháu muốn sống và lấp đầy cái thực tại này đã.

Cháu đã bình phục — cháu sẽ làm việc trở lại để thi — dù chưa biết để làm gì nhưng hãy có việc để làm đã.

Cháu vẫn chưa trở lại căn nhà ấy để nghe lời chửi bới và nhìn mặt đứa em đã muốn giết mình — cũng như để nhớ mơ hồ về hình ảnh mẹ mình ở căn nhà những hơn hai mươi năm về trước.

Khi nào chú trở về thì báo cho cháu được biết tin trước để cháu về gặp chú được. Mong chú hiểu cháu vì cháu không thể làm gì hơn được.

Cháu.

Khi viết xong thư cho chú tôi, tôi nằm lên giường, những hình ảnh về Hiền, Vĩnh... lại hiện ra. Đến mấy bữa sau Trương đến tìm tôi. Trương than phiền về chỗ tôi ở. Tôi giới thiệu Trương với chị Huệ và mẹ Vĩnh.

Khi nhìn đến mặt tôi Trương ngần ra rất lâu mới nói :

— Mình không ngờ... Không ngờ bao giờ. Sao vậy ?

— Từ bao giờ thôi. Cho nó hết dấu vết tội lỗi đi đây. Còn mặt để nhìn. Và có mặt cho thiên hạ ghê tởm chứ sao, cho nên không ra đường và cũng chẳng thể tới cậu.

— Thế nào có gì lạ không ?

— Không. Chẳng Thu mới bị thương ở tay, sau mang về nhà thương Đồn-thủy mình mới vào thăm nó, và bảo nó nên giải ngũ.

— Có được tin gì của Vĩnh không ?

— Nó đã ra đến nơi và vào bộ đội chiến đấu ở Tây Bắc. Nó gửi thư về chửi bới bạn bè và tất cả. Trong thư nó thẳng Trịch ngồi viết : « Khóc úp mặt » nói về những sự thật nó đã chứng kiến ở đây và ở ngoài, mình chắc sách ấy rồi nó cũng không cho in đâu. Bấy giờ đứa nào cũng khiếp sợ sự thực cả.

Trương ngồi lại cả buổi chiều, hình như Trương định nói điều gì với tôi nhưng mãi đến lúc lên đèn Trương ra về không nói thêm gì nữa.

Hôm sau tôi trở lại trường học, mượn bài vở và muốn dành tất cả thì giờ vào đó. Tôi cố quên lãng mọi người chung quanh, có ai hỏi về bộ mặt, tôi mỉm cười nói đó là một sự rủi ro. Chẳng bao lâu chuyện đó cũng hết.

Tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện trở lại căn nhà cũ một lần. Tôi gửi thêm thư cho chú tôi nhưng rồi không nhận được tin trở về. Tự nhiên tôi mong tin của bất cứ ai. Hiền đi hơn nửa năm. Tôi nhớ máng như thế.

Tôi nghĩ rằng Hiền không trở vào nữa nên tôi không có ý lên nhà hỏi tin tức. Chị Huệ săn sóc tôi, tôi nghĩ: sao tôi không có Hiền như chị Huệ.

Tôi tới trường nhưng tuyệt nhiên không gặp Hợp, tôi cho chắc Hợp đã đi ngoại quốc rồi cũng nên.

Những buổi chiều cuối mùa hạ bắt đầu. Mỗi khi ở trường về tôi đi dọc đường Hàng Khay qua cửa đền Vua Lê sang Hàng Bông về nhà—bỗng một bữa tôi gặp chú tôi ở ngay góc chợ Hàng-Da.

— Chú mới về.

— Chú về gần một tháng mà không sao gặp cháu, địa chỉ gửi thư cũ thì mất. Sao không về nhà lấy một lần.

— Sao chú không nhìn lên mặt cháu xem — chú về ở nhà?

— Thím gặp nạn. Thật khổ. Bỏ vào nhà thương chút đã. Thím nằm ở đấy hơn tháng rồi.

— Làm sao? Cháu chả biết gì.

— Cái thư của cháu gửi cho chú vừa nhận được thì chú bị bắt, người ta vu cho mình đặt chất nổ dưới tàu. Chú báo tin, cho thím. Thím vội xuống để tiếp tế. Chuyến tàu đi mới ra khỏi Hải-Dương 2 cây số thì gặp mìn ngay toa thím ngồi. Thím bị chứt nổ văng khắp mặt — hỏng hai mắt, chiếc tàu bị đứt, nhưng đoàn tàu có đà cứ chạy, thím cả hai tay bị nghiêng nát phải cưa. Thật khổ quá. Có tai nạn nào như thế chưa?...
Chú nói cầm động gần như phát khóc. Lúc đứng trước giường thím thì tôi chỉ muốn oà lên. Tôi rơm rớm nhìn mặt thím đã côi bồng đôi mắt đỏ tay bị cụt một bên lên tới vai, và một bên tôi khuyên vẫn còn bằng bó.

— Thím có nhận ra cháu không? cháu Ngọc.

— Ngạc à. Thím mong mà không thấy cháu về. Thím nhìn chả thấy gì. Cháu mạnh chứ?

— Vâng.

Tôi nghĩ — thế là thím không nhìn thấy bộ mặt ghê khiếp của tôi. Tôi ngồi xuống bên giường mà không biết nói gì.

— Bây giờ cháu ở đâu? vẫn đi học?

— Cháu ở ngõ Yên-Thái và vẫn đi học. Thật cháu có lỗi quá, nhưng chắc chú thím cũng tha thứ và hiểu vì sao cháu phải rời khỏi căn nhà ấy. Lúc nào cháu cũng nghĩ về chú thím như nghĩ về bố và mẹ cháu.

— Chú thím biết chứ. Bây giờ chú về ở luôn nhà rồi, không đi làm.

nữa vì người ta đuổi, chủ cũng chán — và nhất là việc trông nom các em.

Bữa tối hôm đó về nhà tôi ngồi vào mâm cơm mà không ăn được. Chị Huệ nhìn tôi ái ngại. Tôi tắt đèn đi nằm sớm nhưng không sao ngủ được.

Những ngày tiếp theo mỗi buổi chiều tôi vào thăm thím tôi một lần. Tôi thường đồ sữa, hoặc bòn cơm cho thím ăn.

Đôi tay thím tôi vẫn chưa tháo băng mà nếu tháo thì cũng không được việc gì. Con người nhờ hai con mắt để nhìn đôi tay để làm thì thím tôi mất đi tất cả.

Cái đời nhàn nại và an nhàn của thím khi xưa thì có tội lỗi gì — chỉ một ước vọng trông nom săn sóc chồng con — và mong cho con mai rồi lớn lên thành người để cha mẹ an nghỉ tuổi già. Tôi nghĩ ước vọng của thím đến bây giờ thì cũng vẫn như thế.

Những như tôi với thân thể vô dụng kia thì tôi phải chết đi. Bởi vì đã sống cũng như đã chết rồi. Chờ nhìn thấy thím thì nỗi đau xót trong tôi lại gọi ra và tôi chỉ chực phát khóc lên thôi. Chú tôi mang các em vào thăm thím mỗi buổi sáng. Hồi này chú gầy đi nhiều vì bao nỗi lo âu và những chuyện buồn.

Hơn nửa tháng sau thím về nhà. Tôi ngại về lối ngõ Gặm-Cầu và căn nhà cũ ấy lắm. Tôi vẫn nghĩ là không bao giờ tôi nên về đó nữa. Tôi không có lý do gì ràng buộc điều ấy.

Thím tôi về có đến tuần lễ rồi tôi vẫn chưa muốn về. Nhưng rồi tôi cũng phải về — bởi vì tôi nhớ và thương thím tôi.

Căn nhà buổi sáng yên lặng, ông tôi nằm cõ trên giường — những đứa em nhỏ đi học. Đứa bé nhất nằm bên thím tôi. Đứa ở gái đi chợ về đang lo làm cơm. Nó nhìn thấy tôi cất tiếng chào. Ông tôi mở mắt nhìn tôi rồi lại nhắm lại một mắt.

Thím tôi ngồi nguyên. Tôi đến ngồi ở đầu giường nhìn một cánh tay lủng lẳng. Đôi mắt chớp lên chớp xuống nhưng chẳng bao giờ nhìn thấy gì.

— Châu về thăm thím. Thím có ăn được không?

— Thím khá lắm rồi, nhưng thật khổ vì thím mà cả nhà khổ. Ai cũng bận rộn. Ăn cũng chả ăn được, có đi một chút cũng phải dắt. Sao thím không chết đi. Thật giờ đây thím quá, cháu cứ nghĩ mà xem. Chú bận, các em mãi chơi nhiều lúc khát nước khổ cả cổ không có ai rót cho một chén nước. Ông thì sĩ vãi, coi như cái tội....

Đứa em khóc, thím tôi cúi xuống như muốn bế, cánh tay cụt đưa lên đưa xuống bất lực. Tôi vội đỡ đứa em dậy và nựng nó nín.

— Cháu ai khổ như thím cả, phải không cháu.

Vừa nói thím tôi vừa khóc, thím cúi đầu dụi vào đầu gối. Đôi mắt đầy vết sẹo và lòng trắng nhấp nháy rỉ ra những hàng nước mắt dường như sắp cạn trong một đời người. Và đôi mắt không bao giờ trông thấy ánh sáng nữa, nhưng tôi nghĩ giả còn mắt để nhìn thấy khuôn mặt âu sầu của mọi người thì thím tôi sẽ buồn thêm nữa.

Tôi ở lại đến bữa, bôn cơm cho thím ăn. Hùng đi học về thấy tôi lên căn gác tôi ở xưa, trong bữa cơm nó vắng mặt, đưa ở gái lên ăn nhưng nó không ăn. Chú tôi ăn cơm với ông tôi và các cháu, nhưng đưa em thấy tôi đều khoanh tay cúi chào rồi ngoan ngoãn và yên lặng không đưa nào nghịch ngợm.

Thím vừa ăn vừa nói:

— Thấy cháu về chúng nó mới thế cho đấy.

Trong một lần trở về tiếp theo tôi hỏi thím:

— Bây giờ thím muốn gì.

— Thím chỉ muốn chết thôi cháu ạ, vì thím sống chỉ làm khổ cho các em. Đàng ra thím phải trông nom săn sóc mọi người — thì mọi người lại phải khổ sở về mình — sống như thế này chỉ khổ thêm — Thà chết đi còn hơn. Tôi đau đớn. Bây giờ thím không còn ước vọng thấy các con lớn khôn và an hưởng tuổi già nữa. Thím nghĩ đến chết. Tôi cũng nghĩ thà chết còn sướng hơn là sống thế này.

10

Trình viết được nhiều, anh tìm nhà xuất bản in tác phẩm nhưng đều bị từ chối, hoặc bị ty kiểm duyệt không cho phép. Trình trình bày những suy nghĩ về thực tại của đất nước. Thân phận những người còn sống. Trong khi mọi người không tránh. Trong một buổi tối chúng tôi đi dạo ở bờ hồ Hoàn-Kiểm không may bị mưa ướt hết. Tôi hỏi Trình:

— Cậu ốm đau như hồi trước có ai thân trông nom cho không?

— Làm gì có chuyện hạnh phúc đó. Độc thân từ lâu rồi.

— Sao lại từ lâu. Thế hồi xưa cậu chả có gia đình là gì?

— Mình có cảm tưởng rằng mình sinh ra ở cái thùng rác nào rồi người ta thấy ngộ ngộ là một con người nên nhặt ra mà nuôi cho khỏi tội vậy thôi chứ. Lúc mình biết là mình ở trại tế bần — rồi thấy mẹ nuôi hồi xưa đó xin mình làm con nuôi. Tôi biết thế nào để nói... tôi được biết những cái gì là sung sướng, là có cha mẹ dù chỉ là cha mẹ nuôi nhưng khi chạy về Hưng-Yên trong một trận đói bom cả hai cậu mẹ tôi bị chết... Tôi biết tôi bắt đầu khổ trở lại từ đấy. Tôi chỉ còn một ước duy nhất về người là chiếc nhẫn cưới, tôi còn tháo được trên một tay rồi sau tai nạn. Bấy anh xem.

— Tôi cũng không hơn gì.

— Bây giờ tôi chán chuyện quá khứ quá. Tại sao chúng ta lại không nói về những ngày sắp tới này, chẳng lẽ mãi vậy sao?

— Tôi cho tại vì mình không còn đủ bình tĩnh nữa. Anh thử nhìn tôi sống ở thành phố này thì biết.

Tối hôm đó chúng tôi về ngủ với nhau, nói đến những giao nan nã đường ở ngoài. Trình như cho rằng ít ra cũng có hơn những điều bị sống ở thành phố này thì biết. Sau đêm trời mưa tôi lại tìm lên mẹ tôi xem có tin tức gì chẳng. Vừa húc chân vào ngưỡng cửa mẹ Ellen

thấy đã khóc, tôi nghĩ tại tôi có mặt mỗi lần lại khiến người mẹ nghĩ về con. Tôi cất tiếng hỏi như thường khi :

— Bác cũng vẫn chưa được tin gì ạ ? Cháu cũng đành chịu.

Bà cụ chấm nước mắt nhìn tôi :

— Khổ quá anh ạ — ai ngờ — nó về rồi... nhưng thằng Lâm đã hại đời Hiền rồi.

— Thừa bác Lâm nào ?

— Lâm bạn của Thịnh và anh đó. Chính nó làm ở Công-An Hải-Dương vì tức chuyện ngày xưa hỏi cưới không được nên tìm cách làm hại, bây giờ nó cố mang rồi nó mới cho về và xin cưới. Thật khổ nạn quá.

Bà cụ lại khóc. Tôi đứng như chôn chân một chỗ, tôi nghe thấy cả tiếng khóc ở trong nhà — và tôi trở vào nhìn thấy Hiền. Mặt nàng xanh xao ngồi rũ rượi ở giường, bụng nàng có mang ba bốn tháng. Tôi bàng hoàng như đang ở trong cơn ác mộng. Hiền lau nước mắt nhìn tôi.

— Anh...

Tôi lặng người không sao nói được. Tôi có cảm tưởng người ngồi kia không hề quen biết tôi — là một người lạ mặt. Sự oan trái trong suốt lứa tuổi chúng tôi thật quá nhiều. Tôi vịn tay vào thanh giường mà nói với nàng :

— Thi mặt anh cũng ghê khiếp lắm, em có dám nhìn không. Nhưng anh còn đủ sức để nhìn vào tận mặt những đứa như Lâm, như Vĩnh... Thật anh chưa thể ngờ được. Cái khung cảnh, không khí này đang dạy chúng ta làm những điều mà ai còn là con người đều từ chối...

— Anh giận em lắm sao ? nhưng đâu phải tại em cơ anh ?

— Anh có giận em đâu. Em cứ nói cho anh nghe đi...

— Thôi anh đừng bắt em nói lại. Em đã định chết mà không được. Bây giờ thì em nghĩ đến đứa con. Mẹ em bảo biết làm sao bây giờ...

— Em... Hãy cố nghĩ một chút về tương lai xem sao. Riêng anh...

Tôi tự nhiên thấy xa cách nàng quá, tôi ghen ngào không nói thêm một lời an ủi nào với người yêu. Tôi thấy chua xót. Tôi nói với mẹ Hiền ít lời rồi từ biệt ra về. Tôi xuống tìm Trương mà không về nhà.

Trương rủ tôi xuống nhà thương Đồn-Thủy thăm Thu. Nó đã gần mạnh. Trương nói với tôi :

— Làm sao cho nó xin miễn. Mình cần có nó để sống, không thể thế này lâu hơn nữa...

— Thế sao từ trước đến nay cậu vẫn còn sống đó.

— Nhưng bây giờ mình cảm thấy bơ vơ.

— Có thể, nhưng nó có ý kiến của nó, mình có ý kiến của mình — như thằng Vĩnh đó.

— Mình mới nhận được thư của nó, quên đưa cậu đọc, nó bảo : Hãy trở ra, chúng ta sẽ xây dựng một thiên đường trên mặt đất này.

— Ý kiến thật hay — nhưng nói ví dụ có thiên đường thì máu cũng đủ sức để xây nổi những cung điện, miếu mạo mới.

— Mình nhìn thấy không thể làm được.

— Cứ làm đại đi. Nhắm mắt lại là làm được hết.

Trương cau mặt không nói thêm. Ngày chủ nhật ở nhà thương quân đội nên cũng không ồn ào. Nhưng sinh hoạt có vẻ rộn rịp. Chúng tôi gặp Thu ở ngay dưới sân. Thu đi dạo với một người bạn nữa. Khi trông thấy chúng tôi thì họ chia tay. Cả ba chúng tôi ngồi ở một tấm ghế đá. Tôi nói trước:

— Đã khỏi thật chưa?

— Chỉ vài ngày nữa em trở về đơn vị rồi, như thường anh ạ.

— Vẫn nhảy được sao?

— Vâng, vẫn đủ sức tái đẳng, bác sĩ hẳn bảo vậy.

— Sao lại tái đẳng? Anh đã bảo em là xin miễn cơ mà, sao lại không được khi đã bị thương? Phải trở ra sống với anh!

— Em chưa nghĩ thế bao giờ.

— Em chưa nghĩ! Bây giờ anh cũng chỉ còn có em nữa thôi. Em muốn làm sao thì làm. Cũng sắp đến ngày giỗ thầy rồi — chắc em nhớ.

— Em nhớ hơn anh nữa. Và ngay cả cái chết của thầy.

Trương như gần nổi xung. Tôi bình tĩnh hỏi Thu:

— Thế tại sao em vào lính, không sợ chết sao?

— Bây giờ anh còn hỏi tại sao. Các anh thì chỉ để cả đời chờ hỏi câu đó rồi chết đi cũng vẫn ôm câu hỏi mà chết theo. Hãy làm đủ — mà đã làm, thì không sợ. Ai cũng trông thấy sự trái phải bày ra cả đó.

— Nhưng anh hỏi em: Em còn ai thân ngoài anh Trương không? Tại sao chúng ta lại không thể tạo ra một chút hạnh phúc bé nhỏ về những người thân yêu, ruột thịt của mình?

— Em chưa nghĩ đến phải thế.

— Thế làm như bây giờ thì em đã mang lại được gì chưa? Em biết ai là người đã giết thầy em, chẳng lẽ tất cả những người đang ở ngoài đó? Trong khi cầm súng ít ra em đã làm hại bao nhiêu người cùng giống giống với mình....

Thu không nói gì nữa, Thu cầm ở túi áo ra một khẩu súng nhỏ bằng ba ngón tay — nhúc nhúc ở tay — Thu có dáng hơi bồn khoăn suy nghĩ một chút — Trương đứng dậy đi chung quanh bồn hoa nhỏ nhiều vòng. Tôi cầm lấy khẩu súng ở tay Thu mà bảo:

— Vào bệnh viện sao còn được mang khi giới theo.

— Đầu được. Họ cấm chứ, vì cách đây ít lâu cũng có một người lính nhảy dù như em bị thương quá nặng cụt cả hai chân, anh ta biết sống cũng khổ nên mang sẵn con dao găm rồi anh ta mở bụng chết. Từ đó trước khi vào họ cấm ngặt mang theo khi giới. Đây là của một người bạn vào chơi cho. Chính nó mà anh ta đã thoát chết trong một trận phục kích, chỉ có hai viên đạn chì. Nó là súng ở ngoài kia.

— Cho anh được không?

— Để anh làm gì? Nó bất được thì mất xác nếu không cũng ở tù rục

xương.

— Để làm kỷ niệm chẳng hạn.

Tôi cầm khẩu súng nhỏ và nói với Thu:

— Rồi đi đánh nữa em nhất khẩu khác, thiếu quái gì. Cho anh đi.

Cuối cùng Thu bằng lòng, tôi cẩn thận dặt vào người. Những điều chúng tôi nói không làm đổi ý của Thu. Tôi ngẫm hiểu như vậy.

Lúc về Thu bắt tay tôi rất chặt. Tôi như hiểu ý Thu nên nói :

— Chúc may mắn.

Lúc về đến nhà tôi bảo Trương :

— Nó sẽ làm theo ý nó, chúng ta không có quyền gì.

Buổi tối hôm đó Trương ở lại ngủ với tôi. Chúng tôi nói về chuyện tình yêu. Trương bảo chưa bao giờ bận tâm đến, hay suy nghĩ gì cả. Tôi cười lớn:

— Chắc sợ.

Nghe tiếng tôi cười có vẻ khác lạ, chị Huệ đang ngồi khâu ngừng đầu lên hỏi tôi :

— Gì đó em ?

Tôi vừa cười vừa bảo :

— À Hiền về rồi chị ạ. Nay mai lấy chồng nữa. Anh ta làm oai lắm. Em không biết nên mừng gì được chứ — và cả đưa con sắp ra đời nữa. Tôi nói như hốt hoảng, tôi hơi chóng mặt nên lấy hai tay ôm đầu. Chị Huệ bỏ xuống bếp rồi lại lên, tôi đứng lên tiến ra cửa. Chị Huệ gọi lại :

— Em đi đâu ?

— Không, em không đi đâu cả. Em ở lại đây.

11 Tôi cầm khâu súng của Thu cho, nhiều lần tôi mân mê và nghĩ nếu để lên mang tai mà nổ đạn thì sẽ như thế nào. Có thể nổ lại một lần như thế nữa không? Chị Huệ trông thấy khâu súng một lần bảo tôi :

— Sao em đại dột thế... có làm sao thì...

— Không đỡ trễ con chơi đồ chị ạ, lo quái gì cái này.

Tôi mỉm cười cho chị Huệ yên tâm. Tôi nghĩ đến lời thím tôi :

— Thím chỉ muốn chết.

Tôi hình dung ra khuôn mặt Lâm — tôi nghĩ về thằng khốn nạn này khi tôi bắn viên đạn vào giữa mắt hắn cho vỡ nát ra.

Tôi mong Trương nhưng không thấy đến một bữa tối Trịnh đến mang theo một lá thư của Trương. Tôi ngạc nhiên : Trịnh nói với tôi :

— Nó bỏ đi ngoại quốc rồi.

— Sao ?

Tôi mở lá thư ra đọc :

« Ngọc,

Chắc khi nhận được những giọng này thì mày sẽ lúc bực. Tao không còn ở đây nữa. Cũng như tao muốn quên. Vịnh bảo tao ra ngoài, tao không nghĩ thế bao giờ. Tao nghĩ rằng Thu nó sẽ làm cho tao còn cái cớ ở lại thì nó đã theo ý nó và tao chỉ có một mình. Tao cũng biết bỏ đi là hèn. Nhưng tao muốn thấy sự bất lực của mình ở nơi đã sống bên ấy. Sự bất lực chẳng lạ, đều cảm thấy rõ ràng. Chúng ta không biết làm gì ngay từ những

việc bé nhỏ nhất.

Sự bỏ đi này không mang hy vọng làm được gì, mà đi chỉ mà đi thế thôi, để tránh cái thảm kịch đang thịnh diễn — một màn kịch đóng đả và thế thảm.

Hãy đừng thương xót gì — Hãy nghĩ như không có tao. Tao chưa biết rằng tao sẽ đến đâu: nghĩa là tao đã chết rồi »....

Tôi bảo Trịnh dọn về ở với tôi cho vui. Tôi biết là tôi mất Trương, nhưng tôi có cảm tưởng Trương đã mang theo một ít con người tôi đi theo. Trịnh gón bó dờ một tác phẩm lớn. Trong đó hãy tỏ lút cả những cái gì Trịnh — và bạn bè đã sống, đã nghĩ, nhưng đoạn cuối vẫn không viết được. Tôi bảo Trịnh :

— Bể mình viết đoạn cuối cho. Đoạn đầu hy vọng. Đoạn giữa khúc mắc, cản trở thì đoạn ba là hàn gắn xây dựng...

— Thế đây có hẳn là chuyện tương lai không ?

— Muốn tương lai một chút, ít ra là một chút.

— Hạnh phúc lắm, có thể cười được.

— Đúng đấy, vì không khóc được nên phải cười.

Tôi hoang mang, buồn chán quá cực độ, mỗi đêm nằm với Trịnh chúng tôi ôm lấy nhau kể chuyện về thời thơ ấu. Tôi nói những điều tôi chưa sống bao giờ để sau cùng cả hai đưa đến kết luận : thuở bé sướng nhỉ rồi chúng tôi khóc lên rưng rức. Chị Huệ trở dậy đốt đèn nhìn vào mặt tôi.

Những ngày buồn nản, đêm tối bưng bít, tôi nằm nghĩ đến điều thử tự mình bắn lên một phát súng ở thành phố này cho mình nghe xem sao. Nhưng tôi lại không có một chút can đảm nào để nhấn cò súng. Từng đêm nằm sờ lên mặt nhẵn nhụi, gồ ghề, tôi mê mải nghĩ về Hiền, về Vĩnh, về Trương. Tôi không được yên tĩnh. Những lúc cầm súng ở tay hay dặt vào cạp quần là tôi nghĩ tới một lúc tôi không nghĩ gì nữa sẽ nhấn cò. Tôi đi lang thang và nghĩ đến chuyện tại lính bắt được sẽ bỏ tù mình như hồi xưa Thu nói. Nhưng điều đó tôi không gặp.

Một giấc ngủ buổi trưa tôi mê gặp Lâm nhỏ nước bọt trước mặt tôi. Thử dặt tôi mặc quần áo, dặt súng lên tim Lâm. Tôi cho có thể gặp Lâm ở đây tôi sẽ bắn vào mặt hắn — và như thế tôi sẽ được thư thái. Tôi bước chân vào căn nhà cũ. Tôi đi thẳng vào nhà thấy Hiền ngồi đan len. Tôi cầm súng ở tay :

— Thành Lâm có đây không cô ?

— Kìa anh — Không, không có Lâm ở đây.

— Anh muốn giết nó.

Tôi lục lạo không có ai liền bỏ ra đường không hỏi han gì Hiền, mẹ nàng kêu tôi, tôi lảng thính. Tôi sợ đứng lại tôi sẽ tự tử.

Tôi buồn nản đi dọc theo đường Yên-Phụ về Hàng Đậu, khi qua ngã Gầm-Cầu nghĩ đến nhà cũ nên tôi tạt vào. Tôi nhìn thấy ông tôi, Hùng và chú tôi ngồi uống nước ở bàn. Tôi chào rồi đi vào phòng thăm tôi. Mấy đứa nhỏ đến vắng nhà.

Thím tôi đang ngồi. Tôi cất tiếng hỏi :

- Thím sợi cơm chưa?
- À Ngạc đấy à, thím nhớ cháu mãi. Thím ăn rồi, ấy em nó vừa mới dứt cho xong. Cho thím xin chút nước đi.
- Vâng đề cháu rót.
- Tôi rót nước bưng lên mời cho thím tôi.
- Thím thấy có khá hơn không?
- Thím mạnh nhưng vô dụng.
- Bây giờ thím muốn gì nhất.
- Hình như có lần cháu hỏi thím rồi thôi?
- Cháu không nhớ.
- Tôi nhìn đôi mắt muốn mở ra của thím, da mặt nhăn nhúm và một cánh tay còn sót cổ nhấc lên, tôi xao xuyến lạ lùng. Thím tôi nói tiếp một hồi:
- Thím muốn chết thôi cháu ạ.
- Đề cháu giúp thím.
- Tôi đề khẩu súng vào mang tai thím mà bóp cò. Tiếng súng làm vang dội. Ông, chú tôi và cả Hùng cùng chạy vào. Thím tôi không kịp kêu, gục xuống, máu ra đầy mặt. Chú tôi nhấc nhẹ đầu lên, một lúc mới nói:
- Chết rồi.
- Tôi lẽ lười liếm môi nói nhỏ:
- Còn một viên đạn nữa.
- Ông tôi túm lấy tôi mà hỏi:
- Mày điên sao mà giết thím mày hở Ngạc?
- Ông buông ra, tôi còn một viên đạn nữa.
- Mọi người lo sợ nhìn tôi cầm khẩu súng trong tay mà lặng dần ra.
- Tôi bỏ khẩu súng lên bàn rồi ngồi vào một chiếc ghế nhớ đến những ngày trước thím tôi còn sống. Tôi chảy nước mắt ràn rụa trên hai bàn tay.
- Tôi nói lớn:
- Như vậy thím còn sướng hơn là sống...
- Chú tôi nói cho cả nhà đều nghe:
- Thôi im đi nghe chưa.
- Khi khám nghiệm tôi bỏ khẩu súng vào áo quan và giữ lấy viên đạn chì.
- Tôi ở lại cho đến chiều hôm sau khi đã chôn thím tôi.
- Buổi tối tôi trở về ngõ Yên-Thái. Bên ánh lửa chị Huệ nấu cơm tôi đứng bên gọi:
- Chị Huệ.
- Kìa em, về đấy à. Bảo gì chị?
- Chị đứng bên tôi, tôi đưa viên đạn chì để vào tay chị và nói cho chị đủ nghe:
- Chị có nghĩ là em yêu chị không?

Ở Nha Trang tháng 8-58

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

đảng christ miền dichna

IHSAN ABD AL KOUDDOUS

Ihsan Abd al Kouddous là một nhà văn hiện rất nổi tiếng của Ai-Cập, một giọng văn mới mẻ và một kỹ-thuật dàn trang rất sống động. Tác phẩm của ông đã chính phục được hầu hết các độc giả thanh niên hiện nay ở Ai-Cập. Không những chỉ là một nhà văn, Ihsan Abd al Kouddous còn là một nhà báo hiện chủ trương tờ Rosa al goussef.

Mười lăm năm về trước, tôi là một người khác hẳn, đầy như sống và hy vọng, là sinh viên trường luật, tôi ở trong thành phố của bạn chấp hành hội sinh viên. Cũng như những người Sald (1) khác — trái hẳn với bạn đồng nghiệp, ở Le Caire — tôi hung bạo, bướng bỉnh nhưng can đảm và tận tâm với bạn. Ở miền Nam này, tôi chưa bao giờ thấy có sự vui lòng nhận một người dân bà vào đại học. Khi học xong chứng chỉ luật, tôi trở về Dichna — quê hương tôi, một miền cao nguyên nhỏ bé tâm thường. Một văn phòng luật sư chờ đón tôi với nhiều hy vọng thành công. Công việc của tôi thường toàn về hình luật, rất hiếm có những vụ kiện dân sự. Phải nói ngay rằng thân chủ tôi thuộc một loại đặc biệt. Nó không phải là những vụ âm sát thường mà là những người trong gia đình, thân ôi l.. từ cha đến con đều phải trả hay bị trả nợ máu. Trả thù mãi mãi cái chết của một người trong họ, nên lại đưa đến cái chết của một người khác. Tôi biết con trai

(1) người Ai-Cập ở miền núi

của nạn nhân ngày hôm nay, chắc chắn sẽ trở thành tên sát nhân ngày mai mà tôi sẽ phải báo chữa cho hắn.

Cứ như thế, cuộc đời tôi bình thân cho đến ngày một biến cố quan trọng xảy đến với tôi và phá tan sự đều đặn, bình yên ấy.

Tục lệ của người miền Nam là muốn báo tin mừng, họ cử hành đám cưới bằng một loạt súng nổ tung bưng. Trong khi bắn một trong chiếc súng hỏa mai ấy, một người thuộc giòng họ Fargaly làm thằng em họ tôi tử thương vì viên đạn lạc. Trước khi chôn cất xác ấy gia đình tôi họp lại để « quyết định »... Chỉ sự ngẫu nhiên muốn tôi có mặt trong buổi họp gia tộc đó, vì người ta không mời tôi một cách rõ ràng ; trong thâm tâm họ tôi là dân Le Caire, nghĩa là một người biết rất ít về những « phong tục miền Nam ». Trong chốc lát, gia đình tôi « quyết định » ám sát Fargaly để trả thù cho thằng em họ đó. Hoảng hốt, tôi vội phản đối: — « Nhưng Fargaly giết nó vì nhầm lẫn ». — « Với tất cả những cuộc tranh hùng giữa hai gia đình này — chú tôi vẫn lại — điều đó làm tôi ngạc nhiên người ta đã giết một người trong chúng ta vì vô ý ! » — « Để cho tòa án giải quyết vụ này », tôi kêu lên. Câu nói đó làm ông chủ tôi điên tiết : « Câm đi ! chúng ta chỉ đưa ra tòa khi không còn một người nào trong gia đình này còn đủ sức để phục hận cho đứa con của chúng ta » ! Tôi hết sức năn nỉ, ông chủ tôi lớn tiếng — « Bước đi đây không phải là chỗ của mày. Chỗ này là chỗ của những « người » ».

Hai tháng nặng nề qua đi. Fargaly đã bị ám sát trong một cánh đồng mía... Mỗi người yên lặng chờ một cái gì không thể tránh được... Một năm sau đến lượt thằng em họ khác của tôi bị thủ tiêu và vài tháng đủ để gia đình tôi phục hận — giết đứa con trai của người gia trưởng của Fargaly từ đó họ không cần dấu cái ý định sẽ giết chú Arsan, người tài măt gia đình tôi. Ông chủ tôi không hề tỏ ra run sợ khi biết mình sẽ là nạn nhân sắp tới này, ông chỉ hết sức đề phòng. Hai năm trôi qua không có một điều gì đáng tiếc xảy ra. Mỗi người đã tưởng rằng gia đình Fargaly — quên mối thù truyền kiếp đó, cho tới hôm đi từ Le Caire về, chủ tôi đang đứng nhìn ra cửa toa mở rộng, lúc đó thỉnh thoảng một loạt đạn bay tới và ông chết không kịp kêu một tiếng. Theo như tục lệ, gia đình tôi chỉ nhận những lời chia buồn khi đã trả thù được cho chú Arsan — giết người gia trưởng của gia đình Fargaly. Như vậy chúng tôi đã trả được món nợ máu ấy, chúng tôi nghĩa là tôi, sau cái chết của ông chủ tôi, sẽ là chủ gia đình.

Không phải tôi sợ rằng tôi có nhiều hy vọng bị ám sát, nhưng tôi nhận thấy cái vô lý và không thể tưởng tượng nổi những nguy hiểm có thể xảy ra một cách thật giản dị là cứ kéo dài mãi mãi thù quanh quẩn không bao giờ hết ấy. Tôi chót nghĩ đến thời hạn của cái trò chơi ấy vì đến lượt tôi phải bước vào. Tôi muốn dàn hòa với gia đình Fargaly và đề nghị với họ bằng cách bồi thường, nhưng họ từ chối với vẻ khinh bỉ — sẽ bồi thường cái chết đó bằng cách khác — bằng máu của tôi. Không thất vọng, tôi vẫn tiếp tục hoạt động để tìm lại một tình trạng điều hòa bằng những đường lối ngặt nghèo trong sự hiểu biết

trì dọn của họ. Tôi cố gắng thuyết phục họ. Không phải cho riêng đời sống của tôi mà tôi muốn bảo vệ, mà còn cho cả đời sống của họ, của chúng tôi. Họ đã bằng lòng xóa bỏ mối thù truyền kiếp này, tôi phải hy sinh theo tập tục miền Nam, nghĩa là tôi phải ra khỏi nhà với một chiếc khăn phủ mặt người chết trên đầu và đi theo gia đình tôi. Tôi bởi tôi khấp người trong cuộc rước từ nhà đến nhà kẻ thù để chờ đợi một cách hẹn họ trước ngưỡng cửa cho họ định đoạt số phận tôi — Tại sao tôi lại liều chịu như thế? chắc chắn rằng trái đất chẳng ngừng quay trong khi tôi chịu hạ mình nhục nhã. Tôi sẽ giải thoát cho đời tôi và cho những cái bị lán hại sau sự hy sinh vì mối thù của gia tộc. Tôi sẽ mang lại hòa bình cho cái làng xóm rối loạn này, điều đó chỉ đòi hỏi một chút can đảm để khắc phục cái tập tục đã in sâu từ nhiều thế kỷ nay. Chắc chắn đó là một thế thức táo bạo khó khăn hơn cả cái chết. Tôi đưa ra đề nghị này nhưng gia đình tôi đã chấp nhận một cách khinh bỉ và từ chối không tham dự vào cuộc rước ở nhục.

Cái ngốc của họ cũng không bằng cái ngu si của những người bắt tôi phải chịu cực hình đó. Như vậy tôi đã thành công, nhờ có một số tiền. Tôi tự tập được một nhóm họ hàng nghèo đói cùng theo, trong khi tôi đi miết trên một con đường, chụm khăn phủ mặt người chết với cái yên lạng ghê gớm ấy. Đám người bu quanh khắp nơi, nhìn cảnh đó với vẻ lạng lẽ đầy lo âu. Không khi gay go và bị thăm ấy làm tôi hoảng sợ, để khích lệ, tôi tự nhủ: việc này làm trong lúc này, cái việc này đang kéo dài mãi mãi phải hưởng sự đổ máu của cả gia đình, cái nhục nhã đang kéo dài mãi mãi phải hưởng chịu để tránh cho « con người », để mang lại lòng yên mến nơi họ. Tôi sợ tạo ra cái tác phong của một Đấng Christ khi chịu những nỗi thống khổ để giải thoát cho lũ người hèn mọn này... Nhưng tôi không thể tránh khỏi được những linh cảm to tát, quá nhân đạo ấy, đâm ra như những mũi tên, những thứ tâm thương hèn kém hơn, vì thực ra tôi chỉ làm những cái đó để giải thoát cho chính con người tôi.

Đám người tụ họp đã đi đến cửa nhà của gia đình Fargaly để thấy tất cả trong gian nhà ấy, lớn nhỏ đều đứng thành vòng tròn, nhìn tôi yên lặng thoáng vẻ bị thăm và khinh miệt. Sự khó chịu kéo dài cho đến khi người chủ của gia đình họ nói với tôi bằng một giọng khó khăn như tiếng gậy của cây sủng: « Ta tha cho ». Những tiếng đó làm những người dự cuộc bỏ về. Còn lại mình tôi. Tôi gỡ cái khăn phủ mặt ra để gột bỏ cái trò yêu thuật ấy, tôi quên ngay cái bị thăm nhục nhã ấy, chắc rằng cả hai gia đình đều biết rằng hòa bình bắt đầu từ đây. Trở về văn phòng luật sư, tôi ngồi đợi khách hàng, nhưng ngày đã qua, chả có ai tới gõ cửa cả. Tôi cho rằng đó chỉ là sự dè dặt thường đến. Ở đây mọi người đều xa lánh tôi. Người ta từ bỏ tôi như một con chó ghê. Cuối ngày, lúc tôi trở về nhà, tôi chẳng thấy bạn hữu vẫn thường lệ trở nên thăm thẳm buổi tối. Ngay cả đến vợ tôi trái với thường lệ trở nên thăm thẳm lạng lẽ, tôi phải nhún mạnh về những điều luật của vợ chồng để tự bào chữa, nhưng tôi chỉ gặp sự từ chối bằng yên lặng. Ngày hôm sau, những

thân chủ tôi đến rút hồ sơ về, bạn bè xa lánh, ngay cả gia đình cũng từ bỏ tôi, những người giúp việc đều xin thôi cả, những người cày cấy ruộng đất cho tôi cũng vậy, ngay các con tôi, chúng nhìn tôi và cúi hèn lên đầu rồi bỏ chạy ra sân nơi thao trường. Sau cuộc phục thù tượng trưng này, gia đình tôi ghét bỏ, coi như đã bị gia đình Fargaly giết chết rồi. Một thời gian sau, tôi nhận thấy gia đình tôi muốn rửa cái nhục trong máu tôi. Từ đó tôi ở liên trong nhà. Để quên những đắng cay, tôi uống rượu, uống cho đến khi say, mất hết cả lương tri. Cái bị thảm ấy kéo dài trong sáu tháng, cho đến ngày một người anh họ tôi cố bắt tôi nhập bọn với anh ấy, bằng một giọng cương quyết anh ấy dẫn tôi ra ga, đưa tôi lên tàu đi Le Caire và nói với tôi : « Đừng bao giờ trở về nữa, nơi này là địa ngục của đời mày. . . »

Và tôi đây, bây giờ một mình giữa thành phố xa lạ này, không quen biết, không việc làm, không gia đình không bằng hữu.

LƯU HUYỀN CHÂU
dịch

lược khảo phong trào thi ca siêu thực pháp

LÊ-HUY-DANH

(Tiếp theo kỳ trước)

TRƯỜNG THƠ SIÊU THỰC (1)

Trường thơ siêu thực đã ra đời vào khoảng năm 1922 khi Breton và một vài người khác rời bỏ Tzara. Trường này đã quy tụ được một số rất đông nghệ sĩ như Breton, Eluard, Aragon, Desnos, Char, Soupault, Crevel, Leiris, Férét, Artaud v.v...

Lúc này là khoảng thời gian sau đại chiến thứ nhất. Thế giới vừa trải qua một cơn máu lửa và chính nước Pháp đã bị thiệt hại khá nhiều trong cuộc chiến tranh này. Lịch sử cho chúng ta biết rằng cứ sau một trận chiến tranh tàn khốc, những xã hội bị ảnh hưởng cuộc chiến tranh đó thường có sự xáo trộn hoặc nhiều hoặc ít về vật chất cũng như về tinh thần. Cuộc đại chiến thứ nhất đã khiến cho xã hội Pháp lại một phen rung chuyển. Do đấy, văn học Pháp cũng giao động rất mạnh mẽ. Ý thức nổi loạn đề giành tự do trong văn học bắt đầu bùng nổ. Thực

(1) Trong hạn định của đề tài, chúng tôi chỉ đề cập đến thơ siêu thực mà thôi. Thực ra phong trào Siêu thực không chỉ ở bộ môn thơ. Nó còn bao quát nhiều bộ môn khác như tiểu thuyết, kịch, hội họa, điêu khắc và điện ảnh. Tuy nhiên bộ môn thơ giữ vai trò trọng yếu. Có nhiều người đã áp dụng chủ thuyết Siêu thực vào những bộ môn khác ngoài bộ môn thơ chẳng hạn Jean Paulhan, Gisèle Prassinos, Julien Gracq, Aimé Césaire (Tiểu thuyết), Hans Arp (điêu khắc), Man Ray (nhiếp ảnh), René Clair (điện ảnh) José Corti, Max Ernst (hội họa) v.v...

ra, như chúng ta đã biết, ý thức này đã có từ cuối thế kỷ thứ hai mươi trong thơ Rimbaud, Lautréamont rồi qua các thi sĩ hồi đầu thế kỷ hai mươi như Apollinaire, Cendrars, Tzara v.v... nhưng đến sau cuộc đại chiến thứ nhất, ảnh hưởng của chiến tranh đã khiến nảy nở mạnh mẽ và được đặt vào hệ thống rõ ràng. Đây là một định nghĩa trạng thái sáng tác của các thi sĩ siêu thực: một sự tự động tâm lý; bằng cái đó người ta chủ trương phát biểu, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng văn tự, hoặc bằng tất cả mọi phương tiện nào khác sự chuyển vận dịch thực của tư tưởng. Tư tưởng dọc cho viết ngoài tất cả sự kiểm soát do lý trí điều động, ngoài tất cả sự hạn tâm trí về thẩm mỹ và luân lý (Automatisme psychique par lequel on se propose d'exprimer, soit verbalement, soit par écrit, soit de toute autre manière, le fonctionnement réel de la pensée. Dictée de la pensée, en l'absence de tout contrôle exercé par la raison, en dehors de toute préoccupation esthétique ou morale (Breton — *Premier Manifeste Surréaliste*) Nghe qua định nghĩa này, người ta mừng tượng ngay một trạng thái sinh hoạt hoàn toàn mới mẻ của thi ca Pháp. Nhà thơ siêu thực bắt đầu thấy sự bất lực của lý trí, vì chính cái lý trí hẹp hòi thô thiển của loài người đã không giải thích được những nỗi khắc khoải căn bản của loài người, không khám phá, khai thác được những vùng bí mật của tâm linh. Cái lý trí mù quáng của loài người từ trước đến nay vốn chỉ là một kẻ đào huyệt để chôn vùi tư tưởng của loài người. Muốn xói tới những sự chuyển vận dịch thực của tư tưởng, thi sĩ phải biết gạt bỏ sự kiểm soát của lý trí và hãy để mặc cho sự chuyển vận dịch thực của tư tưởng tự động phát hiện. Thi-sĩ chỉ cần phát biểu lại những hiện tượng tự động ấy bằng bất cứ ký hiệu gì, hoặc bất cứ hình thức gì. Có thể kêu gào hò hét, có thể ca hát, có thể ghi bằng chữ viết và khi phát biểu, nghệ sĩ không cần đếm xỉa tới luân lý, không cần đếm xỉa tới những quan-niệm cũ về thẩm mỹ. Tại sao cần phải có thái độ đó? Các thi sĩ siêu thực quan niệm rằng từ trước tới nay, những điểm về luân lý và những định luật máy móc, què quặt của thẩm mỹ học đã là những chương ngại ngăn chặn sự tiến hóa của tư tưởng loài người. Trong lịch sử văn học, ta thấy có biết bao nhiêu trường hợp nghệ thuật đã bị luân lý ngăn cản hoặc bóp cho thui chột đi, và cái cương lĩnh hẹp hòi của thẩm mỹ học đã vây kín nghệ thuật bên trong khiến nghệ thuật cứ phải luẩn quẩn một chỗ không lan rộng ra được nữa.

Như vậy, các thi sĩ siêu thực đã nghi ngờ khinh rẻ những giá trị cũ trong lãnh vực văn nghệ, đạo đức và xã hội. Họ cho rằng những giá trị ấy không đủ năng lực để cứu rỗi đời sống tinh thần và vật chất của họ. Họ kêu lên rằng họ không tìm đâu thấy sự cứu rỗi cả (Le salut, pour nous, n'est nulle part). Đạo lý, tư tưởng của các thánh nhân hiền triết như Jésus, Pascal, Bergson, Descartes v.v... không quyến rũ nổi họ. Sự nghiệp văn chương của các văn hào thi hào như Hugo, Musset, Valéry, Mallarmé, Claudel, Péguy v.v... bị họ công kích dè bêu cho là lâm nhảm hời hợt, kiêu cách. Chỉ có một cách hữu hiệu là mình phải tự cứu lấy

minh, tự giải thoát cho mình bằng cách nổi loạn để phá bỏ những giá trị cũ và đặt định những giá trị mới. Sự nổi loạn này hướng về tâm linh nhiều hơn, nhằm phá phách những thành tri bao quanh ý thức để mở những con đường tiến vào cõi vô thức và tiềm thức. Người nghệ sĩ cần phải đặt trọng tâm hoạt động vào cõi vô thức vì càng đi sâu vào vô thức người ta sẽ tìm ra những chân lý mới, những nguồn rung cảm mới, André Breton tuyên bố: chỉ có việc thám hiểm đời sống vô thức mới cung cấp những căn bản thâm định giá trị về những động lực khiến cho con người hành động (*L'exploration de la vie inconsciente fournit les seules bases d'appréciation valable des mobiles qui font agir l'être humain*).

Các thi sĩ trường siêu thực khao khát sự tự do của con người nhất, là trong lãnh vực sáng tác. Tham vọng của họ là đưa ra một thứ tuyên ngôn mới về nhân quyền. Tự do, tự do, tự do trước! Có tự do đời sống vật chất và tinh thần của con người mới nảy nở được; có tự do khả năng sáng tác của nghệ sĩ mới có thể được tận dụng, các thi sĩ trường siêu thực có vẻ háng hái, nhiệt thành lắm. Chính cái nhiệt thành đó đã có một đạo làm cho một số thi sĩ siêu thực say mê với lý thuyết cộng sản. Nhưng về sau này nhận thấy những khuyết điểm của lý thuyết đó, nhất là những hành động không đẹp của cộng sản, nên đa số dần dần giác ngộ và trở nên thờ ơ với chủ nghĩa cộng sản.

Trường thơ siêu thực háng hái sôi nổi được mười mấy năm đầu. Vào khoảng từ 1935 trở đi, hoạt động của trường đó giảm dần. Cho đến khoảng từ đầu cuộc đại chiến thứ hai trở đi, đa số những thi sĩ siêu thực lớp đầu đều bỏ rơi lý thuyết và đường lối chính trị của trường siêu thực. Hầu như chỉ còn có mỗi một mình Breton là vẫn đứng vững trong hàng ngũ để bảo vệ đường lối mà chính ông đã vạch ra. Nhờ có sự quả cảm của Breton nên cho đến sau cuộc đại chiến thứ hai, trường siêu-thực lại hồi sinh lại với danh hiệu Tân siêu thực (*néo-surréalisme*). Breton mất hết môn đệ bạn bè trong trường thơ siêu thực lớp trước, nhưng sau đại chiến thứ hai ông lại chính phục được một lớp người mới đa số là các nghệ sĩ trẻ tuổi. Điểm mặt trong trường tân siêu thực, người ta cũng thấy nhiều nhân vật đáng kể chẳng hạn như Giséle Prassinos, André Frédérique và nhất là Henri Pichette (sinh năm 1924). Cho đến 1949, Breton còn đặt «ngai» ở Quán cà phê Deux magots tại Balè, có nhiều thi sĩ trẻ tuổi quây quần quanh ông, tôn ông làm «giáo hoàng». Phong trào thi ca siêu thực Pháp lúc này bắt đầu truyền ảnh hưởng sang nhiều nước khác trên thế giới, nhất là ở Âu Châu, và kể cả Mỹ Châu ngay cả đến Ai Cập, cũng có một tờ tạp chí siêu thực viết bằng tiếng Pháp (*La Part du Sable*).

Từ sau 1950, nhóm Tân Siêu thực ở Pháp lại dần dần tan rã, nhưng chủ trương siêu thực vẫn còn bất rã tại nhiều nước trên thế giới. Bấy giờ tuy ảnh hưởng của nó không mạnh mẽ rõ rệt nữa, nhưng nó vẫn còn bàng bạc khắp nơi và thấp thoáng ngay cả ở Việt Nam Tự Do. Để hiểu rõ về trường thơ Siêu-Thực Pháp, chúng ta sẽ lần lượt tới thăm những thi sĩ nổi danh nhất của trường này.

Trước hết là ANDRÉ BRETON, lý thuyết gia nồng nhiệt, sắc bén nhất đã có công vạch đường lối hoạt động cho đồng bọn. Breton được coi như lãnh tụ của trường Siêu thực. Chúng tôi dựa vào tài liệu của Jean-Louis Bédouin để trình bày qua về những hoạt động và sự nghiệp của Breton cho đến 1949. Breton sinh năm 1896 tại Tincbe bray (Orne), từ khi mới lớn (vào khoảng 16 tuổi) tra đọc các văn thi sĩ như Baudelaire, Mallarmé, Huysmans, Barrès.

1913 — Bắt đầu có những liên lạc về văn nghệ, tư tưởng với Valéry. Năm năm sau họ rời bỏ nhau, vì Breton bắt đầu coi thường Valéry.

Theo học về ngành y khoa ở Ba-lê trước khi bị động viên vào năm 1915. Rất chú trọng tới những hoạt động của bác sĩ Áo Sigmund Freud, ông tổ của phân tâm học.

1916 — Gặp Jacques Vaché tại Nantes. Đây là một cuộc gặp gỡ rất quan trọng, vì Jacques Vaché và Breton rất hợp ý nhau về quan niệm nghệ thuật. Tuy không phải một nghệ sĩ có tài nhưng Jacques Vaché đã có công lớn trong việc thành lập trường Siêu thực.

1917, 18 — Thường giao thiệp với Guillaume Apollinaire.

1919 — Cho xuất bản tập thơ đầu tay *Mont de Piété*. Cùng năm ấy Breton, Louis Aragon và Philippe Soupault thiết lập tạp chí *Littérature*, trong đó có đăng một tác phẩm đầy hương vị đa-đa, siêu thực tập *Les champs Magnétiques* do Breton và Soupault viết chung.

1919-1921 — Breton và các bạn tham dự vào hoạt động của phong trào Đa Đa có sáng kiến họp ở Ba-lê một « Đại hội Quốc tế cho việc xác định những quyền chỉ đạo và sự bảo vệ tinh thần mới » (Congrès International pour la détermination des directives et de la défense de l'esprit moderne). Đại hội này lôi kéo tất cả những phân động mâu thuẫn dẫn tới sự phân tán của phong trào Đa Đa.

1921 — Breton gặp bác sĩ Sigmund Freud tại Vienna.

1922 — Breton và các bạn rời bỏ trường Đa Đa, rời bỏ Tristan Tzara để bắt đầu thành lập trường Siêu thực. Tô Tập chí *Littérature* lúc này được đặt dưới quyền chỉ đạo độc nhất của Breton. Tập chí này thành ra một cơ quan truyền bá cổ võ cho chủ thuyết Siêu thực.

1924 — Breton cho công bố bản *Tuyên ngôn Siêu thực thứ nhất*. Cũng trong năm ấy, một văn phòng khảo cứu Siêu thực (bureau de recherches surréalistes) được mở cửa tại đường Grenelle, Balê, cơ quan tranh đấu của Phong trào bây giờ lấy tên là *La Révolution Surréaliste*. Phong trào bắt đầu đưa ra nhiều yêu cầu về việc cải tổ xã hội. Trong phạm vi hoạt động đó, sang năm 1925, nhóm Siêu thực cố gắng liên kết với các nhóm khác như *Clarés*, *Philosophies* v...v... Tung ra truyền đơn: *La Révolution d'abord et toujours* (Trước hết là Cách mạng và mãi mãi là Cách mạng).

1926 — Breton viết bài *Légitime Défense* (sự bảo vệ chánh đáng). Trong bài này, Breton chống lại tất cả sự kiểm soát bên ngoài, kể cả sự kiểm soát mác-xít đối với những kinh nghiệm của đời sống nội tâm.

1928 — Tập *Nodja* của Breton ra đời.

1930 — Bản *tuyên ngôn Siêu thực thứ hai*. Thành lập tạp chí *Le Sur-*

réalisme au service de la Révolution (chủ thuyết Siêu thực phụng sự Cách mạng). Xuất bản tập *L'Immaculée Conception* (viết chung với Eluard).

1932 — Xuất bản hai tập *Les Vases Communicants* và *Le Revolver à cheveux blancs*. Thiết lập tạp chí *Minotaure*. Breton là một trong số những người nhiệt liệt hoạt động cho tạp chí này.

1935 — Breton tới quần đảo Canaries (thuộc Tây ban Nha và Prague thủ đô Tiệp Khắc) nhân những cuộc biểu tình quốc tế về chủ thuyết Siêu thực. Trong một bản tuyên ngôn tập thể nhan đề *Du temps que les surréalistes avaient raison*, Breton bày tỏ sự đoạn tuyệt của ông với đảng Cộng sản. (Ông vốn có liên lạc với đảng Cộng sản từ 1927). Chủ thuyết siêu thực và chủ thuyết mác-xít bắt đầu bị cắt rời khỏi nhau.

1936 — Triển lãm Siêu thực Quốc tế tại Luân đôn.

1937 — Breton cho xuất bản tập *Amour fou* của ông.

1938 — Triển lãm Siêu thực Quốc tế tại Ba-lê.

1941 — Breton sang Mỹ Châu. Trong thời gian lưu ở Nữu-ước, ông cùng với Marcel Duchamp, Max Ernst và David Hare trú liệu việc thành lập tờ tạp chí « VVV ».

Trong khuôn khổ hoạt động Siêu thực tại Hoa kỳ vào những năm chiến tranh, người ta nhận thấy có vài việc quan hệ như: Breton góp công tổ chức Triển lãm Siêu thực quốc tế tại Nữu ược và diễn thuyết cho các sinh viên tại Đại học đường Yale về đề tài *Situation du surréalisme entre les deux guerres*. (Tình hình phong trào Siêu thực giữa hai cuộc đại chiến)

1945 — Tập *Arcane 17* của Breton ra đời.

1946 — Breton rời Mỹ châu trở về Ba-lê.

1947 — Breton tổ chức tại Ba-lê một cuộc triển lãm Siêu thực Quốc tế và cho xuất bản tập *Ode à Charles Fourier*.

1948 — Breton gia nhập phong trào *Mặt trận nhân đạo* (Front humain) ngay từ khi mặt trận này được thành lập. Mặt trận này sau đổi tên là *Các công dân Thế giới* (Citoyens du monde).

1949 — Gia nhập *Ủy ban bảo vệ của Garry Davis* và tiếp tục đấu tranh chống phong trào Tân Siêu thực. Xin nhắc lại rằng: kể từ 1941 trở đi trường Siêu thực bị tan rã dần vì sự rút lui của các người như Aragon, Desnos, Eluard... Nhưng Breton vẫn tuyệt đối trung thành với chủ thuyết Siêu thực và cố gắng phát huy nó ra khắp thế giới. Mấy năm sau chiến tranh chung quanh ông vẫn còn những thi sĩ trẻ tuổi mà người ta mệnh danh là nhóm Tân Siêu thực. Ngày nay cả nhóm Tân Siêu thực cũng đã tan rã nhưng ảnh hưởng Siêu thực vẫn còn thấp thoáng trong sáng tác của một số văn nghệ sĩ.

Ngó qua những giòng ghi những hoạt động quan hệ của Breton, người ta nhận thấy ngay Breton là một người có công rất lớn trong việc thành lập trường Siêu thực. Ông rất tha thiết với một cuộc « cách mạng vĩ đại » nhằm giải phóng đời sống nội tâm của con người và thay đổi lại xã hội con người. Breton đã nhận lấy quan niệm của Rimbaud: *Thi ca sẽ không giữ nhịp cho hành động nữa, nó sẽ đi trước hành động* (*La poésie ne rythmera plus l'action, elle sera en avant*), Breton đã hoạt động

không ngừng để thực hiện nguyên vọng của ông. Cùng với những người bạn phần lớn đầy lòng nhiệt thành, nhiều tâm huyết, trường Siêu thực do ông cầm đầu tuy không « thay đổi hẳn được đời sống » nhưng cũng đã đưa tới cho thế giới nhiều sắc diện mới ở nhiều khía cạnh.

Trong lãnh vực nghệ thuật, Breton đã cầm đầu một cuộc cách mạng hết sức lớn lao cho các ngành nghệ thuật nói rộng và cho thi ca nói hạn định. Ông chủ trương rằng hành động của nghệ sĩ cần phải hướng vào những đối tượng mới rộng rãi hơn, đầy đủ hơn. Đó là ý niệm về một sự kiện bất buộc phải có vì con người vốn là một tên mơ mộng thực sự (*rêveur définitif*) càng ngày càng bất mãn với số phận mình nên đã phải luôn luôn cố gắng đạt lấy những thực tế mới để thỏa mãn những nhu cầu của tư tưởng và của đời sống vật chất. Dĩ nhiên là muốn đạt đến những thực tế mới con người phải đi xa hơn, đi hẳn ra ngoài cái cương giới bao quanh đời sống từ trước đến nay. Nhưng con người đã tiến quá chậm chạp, và sự chậm chạp ấy không phải là nguyên nhân của đường xa, nhưng vì loài người đã gặp phải nhiều chướng ngại, nhiều sự đe dọa. Những ý niệm cũ về xã hội về tôn giáo về luân lý về thẩm mỹ về suy luận chính là những chướng ngại không thể vượt được. Tuy nhiên đó không phải là những chướng ngại không thể nhận lãnh lấy. Nếu có can đảm người ta sẽ phá tan chúng ngay để nhận lãnh lấy những phần thưởng mới quý báu và giá trị. Breton và các thi sĩ trong trường Siêu thực đã bày tỏ sự can đảm thiết yếu đó vì họ không muốn để con người « bị bỏ rơi trong cái định mệnh không có ánh sáng ». Hành vi cần thiết của con người là phải phá tan định mệnh. Người xưa nói rằng : *l'homme propose, Dieu dispose*; Breton nói khác : *l'homme propose et décide*. Breton ca ngợi Tự do, cho rằng chỉ có tự do mới có thể đưa nghệ sĩ đến những vùng họ muốn khám phá. Nguyên vọng chánh đáng của nghệ sĩ chỉ có tự do trả lời được. Phải đòi lấy tự do vì nó chính là cái quyền cố hữu của con người. Phải cứu lấy tự do ra khỏi những bàn tay tàn ác của những sự kiện sai lạc, nhưng vốn có nhiều quyền uy hống hách đối với nhân loại.

Với sự tự do giành lại được, Breton đã dấn thân vào nhiều lãnh vực mới : những lãnh vực của sự điên cuồng, sự mộng mi, sự kỳ ảo (*la folie, le rêve et le merveilleux*).

Trước hết, nghệ sĩ cần giải phóng ngay cho cái điên cuồng vẫn bị giam hãm từ trước đến giờ, vì chính nó là phương tiện rất lợi hại cho việc khám phá tìm tòi những thực tế mới. Mỗi con người chúng ta đều có cái điên cuồng bị nhốt bên trong. Chúng ta tưởng đàn áp câu thúc được nó nhưng thực ra chúng ta đã là cái bung xung bị nó giật giây. Vậy nên nếu ta muốn tìm hiểu nội tâm ta, ta phải tìm hiểu cái điên cuồng ấy qua những hiện tượng rõ rệt hơn ở những cử chỉ, thái độ, ảo giác, cuồng tưởng của những người điên. Và chính những kẻ bị xã hội coi là điên cuồng, bị xã hội nhốt vào những nhà điên lại chính là những kẻ đã đạt được một quyền tự do tuyệt đối trong việc phát biểu tư tưởng, chính những kẻ điên cuồng đó lại là những kẻ có nhiều khả năng mặc

khỏi những sự kiện thăm kin nhất, uẩn nhất trong vô thức của cõi tâm linh toàn diện. Họ không còn là nạn nhân của óc tưởng tượng hẹp hòi, của những nguyên tắc suy luận sai lầm. Christophe Colomb đã bị người ta kết tội là điên cuồng khi ông có ý định đi tìm kiếm Mỹ-Châu. Vậy mà Christophe Colomb đã khám phá ra Mỹ-Châu thật. Vậy nên người nghệ sĩ không thể để óc tưởng tượng của mình rũ xuống thăm đăm như một lá cờ rũ. Phải dùng sự điên cuồng cho lá cờ đó bay tung. Nếu e dè sợ sệt sự điên cuồng, thái độ của nghệ sĩ chỉ còn là một thứ thái độ hiện thực (*attitude réaliste*) sai lạc và tai hại. Trong *Bản tuyên ngôn siêu thực thứ nhất*, Breton viết: *Thái độ hiện thực, bất cảm hứng từ thuyết duy nghiệm, trải qua từ thánh Thomas đến Anatole France, đối với tôi có vẻ thù nghịch với tất cả sự tiến triển tinh thần và vũ luận lý. Tôi kính sợ thái độ ấy, vì nó được tạo thành bằng sự tầm thường, sự thù hận và sự tự mãn thấp kém. Chính nó đã đẻ ra ngày nay những cuốn sách lẫn thẩn này, những tác phẩm bêu rếu này. Nó tự cũng cố không ngừng trong những báo chí và gây thất bại cho khoa học, cho nghệ thuật bằng cách vẽ vãn dư luận trong những thị hiếu thấp hèn nhũn của nó là thứ ánh sáng tiếp cận với sự ngu ngốc, đời sống của những con chó* (*l'attitude réaliste, inspirée du positivisme, de saint Thomas à Anatole France, m'a bien l'air hostile à tout essor intellectuel et moral. Je l'ai en horreur, car elle est faite de médiocrité, de haine et de plate suffisance. C'est elle qui engendre aujourd'hui ces livres ridicules, ces pièces insultantes. Elle se fortifie sans cesse dans les journaux et fait échec à la science, à l'art, en s'appliquant à flatter l'opinion dans ses goûts les plus bas; la clarté confinant à la sottise, la vie des chiens*). Cho nên, nghệ sĩ không thể nào chấp thuận được cái thái độ hiện thực đó, mà phải cố gắng đạt tới một thái độ siêu hiện thực.

Để đạt tới chỗ siêu thực, ngoài sự điên cuồng, các nghệ sĩ còn phải đặc biệt chú trọng tới sự mộng mị. Những giấc mộng cho phép nghệ sĩ đi vào sâu trong tâm hồn mình để đạt tới sự hiểu biết cao cả. Trong lúc ngủ, tư tưởng dễ dàng đi ra khỏi hàng rào bao vây của ý thức, tiến vào cõi vô thức kỳ ảo mịt mùng, trong đó có những hiện tượng những hình ảnh bất ngờ với những màu sắc, những âm thanh không bị lệ thuộc sự hạn định của giác quan và của lý luận. Những giấc mơ chính là thiên đường của óc tưởng tượng là nguồn mạch sáng tác phong phú. Chính trong lúc ngủ là lúc người nghệ sĩ làm việc giữa những kho tàng ý tưởng hình ảnh quý giá. Trong *Bản tuyên ngôn siêu thực thứ nhất*, Breton có nhắc lại chuyện người ta kể rằng: hàng ngày vào lúc ngủ, thi sĩ Saint-Pol-Roux có một đạo văn thường cho treo trước cửa biệt trang của ông ở Camaret một tấm bảng ghi rằng: *Thi sĩ đang làm việc*. Người ta thường vẫn tách biệt hành động ra khỏi mộng mị, Breton cho rằng đó là một điều hoàn toàn nhầm lẫn, vì thực ra những hành động trong giấc mơ cũng là những hành động hết sức cần thiết và có những kết quả tốt đẹp. Trong *Les vases communicants*, Breton viết: *Nhà thơ tương lai sẽ vượt lên trên cái ý kiến gây suy nhược về sự đoạn tuyệt không thể hòa giải được*

của hành động và mộng mị. Nhà thơ sẽ gĩa ra cái trái tuyệt ngon của cái cây đầy rễ quẩn quýt và sẽ biết làm cho những kẻ nếm trái cây đó tin rằng có không có gì chưa chát cả (Le poète à venir surmontera l'idée déprimante du divorce irréparable de l'action et du rêve. Il tendra le fruit magnifique de l'arbre aux racines enchevêtrées et saura persuader ceux qui le goûtent qu'il n'a rien d'amer).

Một sự kiện quan hệ khác gần với mộng mị là sự kỳ ảo (le merveilleux). Mộng mị xảy ra trong khi ta ngủ, nhưng sự kỳ ảo xảy ra cả khi ngủ lẫn khi thức. Nó có thể là một hiện tượng của vô thức mà cũng có thể là một hiện tượng xảy ra trong ý thức mà ý thức không hiểu được nó. Breton cho rằng, trong lãnh vực văn chương không giải thích được nó. Breton cho rằng, trong lãnh vực văn chương sự kỳ ảo làm phong phú các tác phẩm rất nhiều. Nó mở cho thi ca lối đi mới để tiến tới những thực tế mới. Chính hai thi sĩ tiền hô của phong trào tượng trưng là Rimbaud và Lautréamont cũng đã mở lối đi này. Trong tác phẩm của hai người đó người ta đã gặp nhiều cái kỳ ảo tuyệt diệu khiến người đọc say đắm vô cùng, kỳ ảo mà vẫn thật vì sự hiện hữu của vũ trụ gồm một phần lớn những sự kiện kỳ ảo đó. Các thi sĩ siêu thực đã rời bỏ thế giới thực tại để đi vào thế giới siêu thực trong đó hiện hiện biết bao sự kỳ quái không hề ai biết, hoặc biết mà chẳng dám nói ra. Cũng như điên cuồng và mộng mị, sự kỳ ảo dẫn nghệ sĩ tới bản thể của con người.

Dĩ nhiên để thực hiện mục đích của mình, nghệ sĩ cần phải có một lối phát biểu riêng biệt dựa vào sự tự động tâm lý (automatisme psychique). Phải bỏ hết ngôn ngữ gò bó cũ, lý luận cũ, hệ thống ghi ký hiệu cũ. Phải có một thứ ngôn ngữ mới không lệ thuộc vào một quy ước một sự kiểm soát nào cả. Hãy ghi lại tất cả những gì mà tâm linh đọc cho mình viết. Lối viết theo sự tự động tâm linh được coi như một chiếc thìa khóa « có khả năng mở vô tận cùng cái hộp nhiều đáy gọi là con người », như Breton đã nói trong bản tuyên ngôn siêu thực thứ hai.

Với lối phát biểu theo nguyên tắc ấy, Breton đã tạo ra nhiều đoạn thơ tương tự đoạn thơ xuôi trích dẫn dưới đây (1).

Vào mùa xuân đẹp để năm 1952 con sẽ vừa được 16 tuổi và có thể con sẽ bị cảm sốt mở hé cuốn sách mà ta vốn thích nghĩ rằng nhan đề của nó sẽ được êm ái đưa đến tai con bởi làn gió đang nổi công những cây hoa aubépine... Ta mong rằng tất cả những mộng mị, những hy vọng, những ảo giác sẽ nhẩy nhót ngàng dêm dưới ánh những búp tóc con và chắc hẳn ta sẽ không có ở đó, ta, kẻ có lẽ sẽ chỉ ư ở đó để ngó con. Vào lúc hoàng hôn, những kỹ sĩ bí mật và rực rỡ phóng ngựa qua dọc theo những giòng suối đổi thay. Dưới những mảnh bướm nhẹ xanh mướt nước, bằng bước đi mộng du một người con gái trẻ lướt dưới những vòm cao, ở đó lấp lánh chỉ một ngọn đèn đang cùng. Nhưng những

(1) Trong Tình Điên (Amour Fou 1937) ở bức thơ Breton viết gửi Ecusette de Noircuil, một con bé mới có 8 tháng.

linh hồn lữ cày cỏi, nhưng những con mèo nhỏ bé giũ bộ ngử trong những vòng nhũn, những khâu sáng lục đồ chơi thanh nhã bị thắng bằng tiếng « Bal » (1) sẽ ngăn con coi những lớp kịch này như thăm kịch. Dầu cái phần từng có lần đủ đẹp để nó như thế nào, hoặc tất cả cái khác được tạo ra cho con, ta không thể biết, con sẽ hài lòng sống, hài lòng chờ đợi tất cả ở ái tình. Từ nơi đây dầu cái gì xẩy ra nức lòng, chờ gì con sẽ thông hiểu thư này — hình như chính sự không chịu nổi phải xẩy ra — hãy để ta nghĩ rằng lúc bấy giờ con sẽ sẵn sàng hiện thân cho cái uy lực vĩnh cửu này của người đàn bà, người duy nhất mà ta từng nghiêng mình trước nó. Chờ gì có con sẽ vừa ư, ư đọng lại cái giá sách lên một thế giới màu lam - ngọc (2) của tất cả sự ảo hóa hay con đang nghiêng, bằng bằng do một trời tạo trên tường một xưởng công nghệ — ta không thể được quy định trên lương lai con — hãy để ta tin rằng những lời này : « Tình điên » một ngày kia chỉ có chúng có liên lạc với sự lảo đảo của con.

Phải chăng đoạn thơ này tiêu biểu một phần nào cái nguyên tác sáng tác tổng quát của Breton. Hiên cường có, mộng mị có, kỳ ảo có, tất cả được ghi lại theo sự tự động của tâm linh. Có lẽ đây là một trong số những đoạn thơ tối tăm bí hiểm nhất trong thi ca Pháp. Văn phạm và lý thủy độc tài quái gở. Chúng tôi không dám quy định cái hay cái dở của đoạn thơ này.

Nhân vật quan trọng thứ hai của trường Siêu thực là :

PAUL ELUARD (3)

Nếu André Breton được coi là một lý thuyết gia cực khôi nhất của trường Siêu thực, thì Paul Eluard được coi là nhà thi sĩ có tài nhất của trường đó. Ông nói ít, làm nhiều, không hò hét om xòm như Breton, không quá khích như Aragon thời kỳ đầu. Thơ của ông sáng sủa, mực thước hơn thơ Breton, nhưng cũng mang đủ những đặc điểm của chủ thuyết Siêu thực. Ông xử dụng một thứ ngôn ngữ rất dễ thương gồm những tiếng đơn giản, thuần túy, chính xác, chắc chắn và sáng ngời

(1) Chữ « bal » ở đây không dịch được, (2) nguyên văn bleu-corbeau.

(3) Paul Eluard tên thật là Eugène Grindel, sinh năm 1895, chết năm 1952. Học lực trung bình. Trong cuộc đại chiến thứ nhất, bị động viên làm điều dưỡng viên, sau đó làm bộ binh, rồi một đạo bị giữ làm con tin. Tham dự phong trào siêu thực Năm 1924 du lịch vòng quanh thế giới. Trong cuộc đại chiến thứ hai, tham dự những người trí thức kháng Đức.

Những thi phẩm chính của Eluard : Le devoir et l'inquiétude (1917) Mourir de ne pas mourir (1922), Capitale de la Douleur (1926), l'Amour, la Poésie (1929), la Vie immédiate (1932), Cours Naturel (1938), Le Livre ouvert (1941), l'oisie et vérité (1942), Au Rendez-vous allemand (1944), Poésie infinie erronpue (1946), Corps mémorable, Poèmes politiques (1948)

nư kim cương. Ông được mệnh danh là nhà thơ của tình yêu và của tự do. Trong giai đoạn đầu, ông yêu rất tha thiết, nhắm mắt không nhìn thực tại bên ngoài mà chỉ hướng vào nội tâm, nơi được soi sáng bằng mặt trời của người đàn bà ông yêu mến. Đối với ông, sự hướng vọng nội tâm trở thành một hành động bày tỏ Đức tin, trở thành lời nguyện cầu, cũng chẳng khác gì hiền triết Platon khi xưa khao khát một ý tưởng vĩnh cửu, khao khát một tình yêu thuần túy.

Trong thơ Eluard, người ta đã gặp những bài thơ tình thật hay thật nồng nàn của thế kỷ 20, bày tỏ cái tâm trạng của những gã si tình, của bất cứ thời đại nào. Chẳng hạn bài *Tình Nương* trong tập *Thủ đô của sự đau khổ* (*Capitale de la douleur*).

Nàng đứng trên mu mắt tôi
Và tóc nàng cuốn trong tóc tôi
Nàng có hình thù những bàn tay tôi,
Nàng có màu sắc cặp mắt tôi,
Nàng chìm lặn vào trong bóng tôi,
Như một hòn đá trên trời.

Nàng luôn luôn mở rộng cặp mắt,
Và không hề tôi ngủ.
Những giấc mơ của nàng ở giữa ánh sáng,
Làm những mặt trời bốc thành hơi,
Làm cho tôi cười lớn, khóc và cười lớn,
Làm cho tôi nói lên khi không có gì để nói.

Tình yêu chính là một yếu tố trong thơ Eluard vì ông quan niệm rằng thơ là tình yêu, cuộc đời tốt đẹp là tình yêu. Nhưng tình yêu của Eluard không phải chỉ hướng vào đôi ba người; nó rộng rãi bao quát rất nhiều, nó hướng vào toàn thể nhân loại. Về sau này, Eluard đã rời bỏ thế giới bên trong để đi sâu vào cuộc sống của xã hội bên ngoài. Thơ không phải của riêng nghệ sĩ mà là của tất cả mọi người trong xã hội; vì thế, nó phải nói lên những ước vọng những hoàn cảnh xã hội. Thơ không thể là một thứ đồ chơi (un jeu) mà phải là một phương tiện phụng sự đặc lực cho đời sống con người. Sống giữa xã hội, nhà thi sĩ phải là một công dân có ích lợi hơn các công dân khác và chỉ được hưởng về những điều tốt đẹp cho nhân loại. Đối với Eluard, thi ca chính là tiếng kèn linh diệu quy tụ những con người cô độc lẻ loi sống quần tụ với nhau để cùng phụng sự cho lẽ phải, cùng xây dựng một nền hạnh phúc chung. Người thơ đứng sát cạnh với quần chúng, giữ nhiệm vụ quan trọng là san bằng những bất công. Tiếng thơ của thi nhân phải là một lợi khí phá bỏ những ngục tù tâm lý, ngăn chặn đối rết làm than, làm trung gian đứng ra hòa giải giữa con người với con người, là những lời bênh vực hùng hồn đối với kẻ yếu, là những lời khuyến cáo đối với những kẻ độc ác, tham tàn. Thi sĩ phải chiến đấu tích cực với danh nghĩa của Chân Thiện Mỹ. Hãy nghe những lời tha thiết dưới đây cho biết Eluard tranh đấu với danh nghĩa nào :

Nhân danh vầng trán loàn hỏ sâu rộng
Nhân danh cặp mắt lồi nhô vào
Và của chiếc miệng lồi hỏn
Cho hôm nay và mãi mãi

Nhân danh hy vọng bị chôn vùi
Nhân danh những giọt lệ trong đen tối
Nhân danh những tiếng than vãn làm ra tiếng cười
Nhân danh những tiếng cười làm ra sự sợ hãi

Nhân danh những tiếng cười ngơ đờ đờ
Của sự ảm đạm nơi những bàn tay chúng ta
Nhân danh những trái cây phủ những đóa hoa trên một giải đất
đẹp và tốt

Nhân danh những người đàn ông trong tù,

Nhân danh những người đàn bà bị lưu đầy

Nhân danh tất cả bạn của chúng ta

Bị hành hạ hay bị tàn sát
Đề khỏi phải nhận lấy bóng tối...

Eluard vẫn thường nói đến cái tôi, nhưng cái tôi đó không hề có tính cách vị kỷ. Qua ngôi thứ nhất số ít, Eluard nói đến tất cả mọi người, nói cho tất cả mọi người. Eluard đã cụ thể-hóa ý-niệm của trường thơ siêu thực nhằm cải thiện thế giới. Ông đã hòa tâm hồn ông vào tâm hồn của tất cả những kẻ ngay chính, những kẻ luôn luôn nhiệt thành bảo vệ chánh nghĩa, bảo vệ những lý tưởng tốt đẹp đầy nhân đạo. Bằng tình yêu, nhà thơ đã dâng hiến cho những người chung quanh tất cả những gì tốt đẹp trong tâm hồn mình, chẳng đốt lên ngọn lửa tình yêu để được là bạn của mọi người, được sống sung sướng hơn giữa xã hội loài người. Trong cuộc đại chiến thứ hai, khi nưóc Pháp bị quân Đức giày xéo, khi dân tộc Pháp bị bọn quốc xã hành hạ, bóc lột, giết hại, Eluard đã hăng hái gia nhập hàng ngũ kháng chiến để bảo vệ quốc gia. Chẳng đã làm những bài thơ đầy nhiệt khí kêu gọi dân chúng Pháp cương quyết chống trả quân thù. Những lời thơ của chàng vang lên, xoáy vào những tầng lớp dân chúng.

Cũng như Breton, Eluard ca ngợi sự tự do, cho rằng chính nó là cái giá trị duy nhất của con người. Đã từ lâu, con người bị lệ thuộc quá nhiều: lệ thuộc tư tưởng, lệ thuộc chính trị, lệ thuộc tập quán, lệ thuộc tôn giáo, biết bao nhiêu cái đã xiềng xích con người, đã giết hại nhân phẩm, đã đim con người xuống tận đất khiến nó không sao ngóc đầu lên được. Phải phá bỏ tất cả những cái lệ thuộc có tính chất bất công, phải để con người phát huy nhân phẩm bằng sự tự do. Cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi nào nó có sự tự do mà thôi.

Chính vì yêu chuộng tự do nên Eluard đã đứng vào hàng ngũ các nhà thơ siêu thực, đã đứng vào hàng ngũ những người kháng chiến chống

Đức để giải phóng cho nước Pháp. Chính cái lòng yêu Tự-Do đã phát huy thiên tài của Eluard, khiến chàng biết tạo cho thi ca một nhịp điệu tân kỳ, một sức hấp dẫn mới, một hình thức phóng khoáng không lệ thuộc vào những nguyên tắc cũ. Chúng ta hãy nghe Eluard ca ngợi tự do:

TỰ DO

Trên những cuốn vở học của ta
Trên giá sách của ta và những cây
Trên cát trên tuyết
Ta viết tên em

Trên tất cả những trang đã đọc
Trên tất cả những trang giấy trắng
Đã màu giấy hay tro
Ta viết tên em

Trên những ảnh tượng thiếp vàng
Trên khi giới của những chiến sĩ
Trên triều thiên các vua chúa
Ta viết tên em

Trên rừng rậm và sa mạc
Trên những tổ chim trên những cây nhúoc nhảo
Trên tiếng vang thời ấu thơ của ta
Ta viết tên em

Trên những sự kỳ ảo của những đêm
Trên bánh trắng của những ngày
Trên những mùa đình hôn với nhau
Ta viết tên em

Trên tất cả những miếng giẻ thanh thiên của ta
Trên ao mặt trời mọc meo
Trên hồ mặt trăng sống động
Ta viết tên em

Trên những cánh đồng trên chân trời
Trên những cánh chim
Trên cối xay của bóng tối
Ta viết tên em

Trên mỗi làn hơi của bình minh
Trên biển trên những con lầy thủy
Trên hòn núi điên rồ
Ta viết tên em

Thi Ếu trang 72

Thi Ếu trang 73

giấc mơ xưa

ngồi lên thấy khẽ bàng hoàng
xe đi dưới chợ đôi hàng vắng xa
đêm dài chiếu cọn lò xó
môi kẻ mấy nếp da khô buồn rầu
tiếng còn vọng suốt canh thâu
vui đi chậm rãi hồi lâu rồi về
mạng sầu thừa thốt mấy khe
trong tâm buồn nhất một bề quanh hiu
gan tay sẵn nổi dằng chiêu
ngày tro vơ nặng ít nhiều bóng cây
ngồi lên với dáng hao gầy
viên linh con, đã giải bấy hã chưa

thời kỳ lãng mạn

tuổi từ thương tiếc máu xương
biên căn phần trợ núi thường xuyên canh
cuộc đời tâm gửi thân anh
da khô củi mục lá xanh ngón rầu
thôi về quy thuận thương đau
trao tay chân lại củi dầu chạy luôn

tim ở chi lăng

lời này từ biển xanh từ núi xa vọng về
thành phố thấp xuống buồn gỗ đá
cây cao với bóng rù mệnh mỏng

lấp tiếng biển khuya là lời của em
là đốt tay anh lòng hồ hẹn
là quả cầu bay tim chiều cao

chẳng có gì đau buồn thấp xuống
hốc núi mười năm càng chon von
mặt trời đỏ trên cành

bây giờ chuỗi theo là tiếng vang
có những nốt trầm rơi xuống đỏ
bóng kẻ tù đầy

trên tiếng ca mình con súc sắc
đi hoài đi hoài tìm
sầu rớt bằng chiếc lá khô

chẳng thấy sông nào mùa nước lên
giòng trở về cùng lời ca hoang
đù đã bao lần chìm xuống núi

với em rầu rĩ trong tủ áo
vừa cất mình đi
là ngày mai anh rời phủ nhuận

nhà thờ người nam buồn quá lắm
đi lễ không nhìn thấy chúa dẫu
con đường em

vân anh vân anh
lời vọng núi cao và biển xanh
mười năm sau tìm gì ở chi lăng

vân anh vân anh
còn gì đâu tìm em ngày mai
với tiếng vang miều rừng

hào hiên vira rơi trong thành phố
tiếng vọng paris de gaulle thua
cùng nỗi lo âu mình bay cao

cánh chim không thoát vì lòng lá
rơi theo thời gian cùng chiều sâu
là lòng anh run sợ hãi hùng

biển đã cao dần cao dần lên
tiếng sóng giọt lệ xanh của em
vừa rút

hãy giờ tìm gì ở chi lằng
chiều cao thành phố ba mươi thước
bóng em vô cùng

ĐOÀN NGỌC QUỲNH

II

lời tỉnh giấc ngủ trưa
hai tay ghim con mộng
tường gỗ và mái tôn
căn nhà đang bốc nóng
đời bắt đầu tiếng súng
và thú dữ rình mò
yêu bắt đầu đau khổ
và nguyên rửa thật lo
lời dăm qua tám hiệp
không một trái « nốc ao »
người võ sĩ luống tuổi

nghe thân thể hắt hiu
chiếc máy nước bốn vòi
đứng tí ti khóc than
cây vông mùa nắng lửa
trở đầy hoa đứng đưng
chiếc cửa sổ hé mở
hai cánh tay để trần
em đứng buồn lệ nhỏ
buổi chiều tím bâng khuâng
bãi cát miền viễn Tây
như diu anh ngã xuống
cánh đồng cỏ bao la
và tình yêu cũng khốn
con ngựa chạy lồng lên
giữa đàn bò ngu xuẩn
anh khùng trong điệu nhạc
và bắt đầu gây hấn

VƯƠNG TÂN

thơ tình nhĩa ca

Kỷ diệu thay khi nghĩ đến anh
biển lũng sâu thấp xuống, thấp xuống dần
rồi thì núi dưới mình cao lớn
và trời đất bao la
trên tất cả thân phận em bé hồng.

Từ những niềm bí mật đang hợp nhau thành chợ
lời bước ra một mình
những người khác cũng bước ra một mình
chúng ta kể tại nơi nhỏ với vô biên
niềm bí mật ấy, những tình yêu khó hiểu.

Kỷ diệu thay khi nghĩ đến anh

lối nào đây, biết lối nào gần
mọi sự lối lui em làm sao từ chối.

Không còn là con chim
(con chim gian xảo mùa đông dưới cánh)
lượn những vòng nghi ngờ
tôi hát vui tươi khi già từ
tuổi trẻ

Kỷ diệu thay khi nghĩ đến anh
những thời gian vừa mọc lá non
những lá non
tư tưởng em đang bắt đầu từng nhánh.

TRẦN THY NHÃ CA

hành khúc trên trái đất

Trên trái đất này mà tháng năm là những chùm trái măng
Ngày đầy hoa cỏ đêm đầy sao trắng
Mỗi người là
Một mặt trời rực rỡ

Trên trái đất này mà tháng năm là những miệng trẻ thơ
Ngày bằng tiếng hát đêm bằng tiếng ru
Mỗi người là
Một hạnh phúc riêng tư

Trên trái đất này mà tháng năm là những bước chân mau
Ngày đỏ mờ hơi đêm ngủ chấp chờn
Mỗi người là
Nỗi âu lo dang dăng

Trên trái đất này mà tháng năm là những giọt nước mắt
Ngày không một mầm cơm đêm không một ngọn đèn
Mỗi người là
Tiếng nấc khô cơ cực

Trên trái đất này mà tháng năm là những chiều im lặng
Chúng ta đi giữa cánh đồng hoang già buốt
Không ai nhìn ai không ai nói với ai
Mỗi người là
Nỗi thăm kín một mình.

ĐỖ QUÝ TOÀN

ôc đảo

1

với diều thuốc nâu em nhìn thấy
nỗi buồn kẻ độc hành trên sa mạc
đó là xâu tiền xanh của con nợ

mùn hơi như đất, đá và mặt trời

2

hành lý chiu nặng ghi lấy xác lạc đà
hay anh hay em khi buông xuôi

kia mục đích, bụi mù và gió lốc
đã hơn một lần anh ngồi khóc
rồi cười điên như tiếng nói đó

3

đêm sâu hơn đôi vực thẳm trắng hếu
anh lọt vào và nhắm nghiền mắt
ngủ say trong mảnh vải đen.

định mệnh

lưỡi hái và mặt trời đen
lẽ thị mộng h.

những mảnh vụn của trăng
hoang vu như ngực em

hai con mắt rất thông minh
anh chạy trốn và ngồi xuống
ngủ quên với dĩ vãng

lê thị mộng h.
tiếng nói trùng trùng dội lại
luôi trẻ lững cặm

c cuối cùng là bãi biển
trắng xanh và một người không tên
lê thị mộng h.

là dấu chân của bầy thỏ rừng
anh đuổi theo mất hút

SAO TRÊN RỪNG

ĐOẢN VĂN

NHỮNG ĐIỀU THẬT VỚI SAIGON

Khi từ Văn-Nghệ đã phát hành xong được số ba, có một buổi trưa Nguyễn-Nghiệp-Nhượng, Dương-Nghiêm-Mậu và tôi đã ở lại dùng cơm với anh chị Lý-Hoàng-Phong, nhân có một vài dự định nhỏ mang bàn cho tờ báo. Xong bữa cơm, xong câu chuyện, lúc đó vào khoảng hai giờ chiều, Nghiêm đáp buýt với anh Lý-Hoàng-Phong lên nhà in. Nhượng lấy xe đạp chở tôi tới chợ Trương-Minh-Giang, ở đó chúng tôi chia tay nhau, Nhượng tới nhà Nguyễn-Trung và tôi tới thăm Tân ở gần đó để xin một ít giấy viết, đó chính là những tờ giấy mà tôi dùng dùng để viết câu chuyện này.

Khi từ già Tân xong, tôi cầm xấp giấy Tân vừa cho cho đầu và đi lang thang trong nắng lớn. Khoảng hai giờ rưỡi, khi tôi đứng chờ xe về Sài-gòn ở trạm buýt bên này cầu, có một đứa trẻ gái da đen, tóc ngắn, mắt đen, mặc chiếc sơ mi đàn ông rộng thùng thình, vai mang một chiếc cà mên lớn, chừng tám tuổi, đã tiến tới phía tôi. Nó nói, hai ba lần tôi mới nghe rõ ý : ông dắt tôi qua đường. Và tôi dắt đứa trẻ đó qua đường, nó đi chân trần trên mặt nhựa bỏng cháy, cổ tay nắm chặt lấy tôi,

Khi đã qua đường rồi, đứa trẻ đen dúi yếu ớt ấy vẫn nắm chặt lấy tôi, nó đưa tôi vào trong chiếc sân nhỏ của khu nhà thương nhi đồng nằm áp ngay mặt lộ được bao bởi một hàng rào cây. Đứa trẻ ấy mang cơm cho mẹ và em nó.

Trên một khu đất nhỏ, không chút bóng mát của cây cối, có đến hàng ba bốn chục người hầu hết là đàn bà, mỗi người đàn bà ấy lại mang theo một hay vài đứa nhỏ, họ nằm ngồi chen chúc nhau trên mặt đất đợi giờ làm việc của nhà thương. Chúng tôi phải khó khăn lắm mới có thể len lỏi qua đám người hỗn độn ấy để tới được nơi mà đứa trẻ đó muốn.

Nơi đứa trẻ muốn dẫn tôi tới, bằng sự sung sướng hãnh diện đương kể lể trong nó, là một khoảng nền xi măng của khu trước nhà thương, sát cửa phòng phát thuốc, đó là chỗ đương được may mắn hưởng sự bao dung của mặt trời : nửa vĩa thêm bóng mát. Mẹ đứa trẻ gái da đen ấy là một người đàn bà Việt, nói tiếng Bắc, bà ta đương ngồi dựa lưng vào tường đuổi hai chân ra ngoài nắng cho đứa con trai chừng bốn tuổi

mặt mũi vàng bủng gối đầu lên đùi, thằng nhỏ đó là em đưa trẻ gái da đen đã đưa tôi tới đó, nó hoàn toàn là đứa trẻ thơ Việt-Nam, đương nằm trên một tờ nhật báo sùi gòn mới rách nát, mắt ngủ kín những ước mơ yên tĩnh.

Người đàn bà nhìn đứa con gái đen của bà ta đương rửa cà mèn cơm, nói với tôi một vài câu cảm ơn không nghe rõ, tôi đáp : có gì đâu, có gì đâu bà, rồi lấy ra mấy tờ giấy trắng lót xuống nền xi măng cho cô bạn mới dọn bữa cơm của họ lên trên. Đó là một bữa cơm gồm có rau muống, nước rau muống và ba con tôm còn nguyên cả râu ria và đồ tươi vì muối. Người đàn bà có vẻ ngượng nghịu vì sự có mặt của tôi, vì thế, tôi buộc lòng phải nhìn đi nơi khác.

Nhìn đi nơi khác : xung quanh tôi, nhiều đứa trẻ thơ xong giấc ngủ trưa vừa thức dậy, chúng khóc lóc la hét và những bà mẹ dỗ dành chúng, có một vài người dỗ con bằng cách hát ru, điệu ru của họ khiến tôi mỗi lòng muốn hát theo, đồng thời cũng ngẫm nghĩ muốn nhớ.

Giữa khung cảnh ồn ào một môi ấy, trí nhớ tôi bỗng như phản chiếu lại bằng một vẻ ảm ả lạ lùng : Mấy năm trước đây, tôi cũng từng được dự một bữa cơm trưa đáng kể ra. Hồi đó, Nghiêm vừa từ Nha-Trang vào Sài Gòn để cúng Linh, Toàn và tôi trông coi phần văn nghệ cho một tờ tuần báo. Buổi sáng hôm ấy, trời mưa nhỏ, hai đứa đi dạo phố, lúc từ đường Tự Do băng ngang vườn bông trước cửa nhà hát lớn bây giờ là trụ sở quốc hội để sang cửa hàng lang Eden thì gặp anh Văn ngồi trong tiệm kem Thiên Thai dơ tay vẫy. Anh Văn là chủ bút tờ tuần báo chúng tôi làm đạo đó.

Uống nước xong, cả ba chúng tôi tiếp tục đi dạo phố, ngó vào những tủ kính ướt át, Nghiêm nói đến phải làm một số đặc biệt về Hà Nội mất thời, nhớ quá. Tôi gọi anh Văn và chiếc áo hoa sặc sỡ của anh, là chàng cao bồi phi-líp-pin. Khi trời đã ngớt mưa, chàng cao bồi bốn mươi tuổi ấy kêu một chiếc tắc xi, chúng tôi rủ nhau xuống thăm nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, nhân tiện để cảm ơn anh đã gửi tặng mấy cuốn « Ai có qua cầu » của anh vừa xuất bản. Đạo đó, thành phố chưa được sửa sang ngăn nắp như bây giờ, ngồi trong căn nhà nhỏ của anh Quỳnh ở cuối ngõ hẻm đường hai mươi, hút thuốc lá, nhìn ra trời u ám, buổi nói chuyện hôm ấy (nhắc đến cái chết của Hồ Hán Sơn, nỗi khốn khổ nhục nhã của Trương Tửu khi phải ở lại vùng Cộng sản, những đêm kịch hậu phương), thật đã làm chúng tôi cảm động, tuy buổi ấy có một vài chính trị gia đối lập tỏ ý khó chịu về sự hiện diện của những người trẻ tuổi là Nghiêm và tôi.

Khi từ già anh Quỳnh, đi bộ ra phố, dưới trời mưa, anh Văn và tôi nhất định kéo cho được Nghiêm về ăn cơm với anh, tình Nghiêm vốn thận trọng, hơi rút rít, nhưng hẳn đã bằng lòng. Nhà anh ở thuê đạo ấy còn là một căn gác gỗ ọp ọp ở đường Phan đình Phùng, mùa mưa tôi cũng những cống dẫn nước chưa được khơi làm con ngõ lấy lợi, chúng tôi phải vén quần, kiễng chân, dắt tay nhau, men theo những mặt nhà, đu qua từng vũng nước mới vào được tới nơi. Tuy vậy, hồi quá vui

chúng tôi không nhìn thấy những cảnh nghèo khó ấy. Cả ba người, một già hai trẻ, ngồi phòng ngoài, nơi bàn làm việc của anh Văn, say mê ba hoa về tương lai dự định, như thế cho tới lúc Nghiễm chợt nắm tay tôi, bữa cơm được dọn ra: rau muống, nước rau muống, một đĩa tôm cùng ve rượu đế nhỏ. Chị Văn mắt quầng sâu vì thức đêm, tươi cười nói với chồng: «Trời mưa quá, không đi chợ được, còn ít đồ nhắm của ông thì con mèo bên bà Hai làm hết». Chị Văn vốn là một kịch sỹ nổi danh, không hiểu sao mãi đến khi ăn xong bữa cơm trời mưa ầy tôi và Nghiễm mới nhớ ra điều đó. Chúng tôi ăn tại phòng ngoài, chị Văn cho các cháu ăn ở phòng trong (anh chị Văn có đến bảy đứa con) chỉ cách một vách gỗ, nhưng chúng tôi đã không để ý nghe những chuyện gì đã xảy ra trong đó. Có lẽ vì rượu đế và vì giọng ngâm thơ to lớn của anh ấy.

Xong bữa cơm, khi chị Văn đã đưa những cháu nhỏ lên gác ngủ, chúng tôi vẫn say mê nói chuyện đồng tâm nam bắc, nhưng rồi sau cùng có một chuyện đã xảy ra mà từ lâu tôi vẫn cố tình dấu, không nói ra với ai. Chuyện này xảy ra khi tôi một mình vào nhà trong rửa mặt, giữa tiếng cười quá khích của Nghiễm và tiếng đập bàn trợ lực của anh Văn, về một chuyện thời sự. Tôi đứng trên một chiếc bục gỗ cao nơi đội nước nói chuyện với đứa cháu mười hai tuổi con anh Văn, trên đầu hai chú cháu, tiếng mưa vẫn rồ đều đều xuống máng nước, đứa cháu gầy gò mặc chiếc áo hoa rộng thùng thình của ông bố suốt đời đi làm báo tranh đấu, dùng vịn hai tay vào chum nước nghe tôi nói, tôi không thể nhớ ra hai chú cháu đã nói với nhau những gì, chỉ biết cuối cùng, thu hai vạt chiếc khăn mặt lên sợi dây thép trên đầu thì đứa cháu ấy, tôi tỉnh tay vào trong áo, nói: «chú cho cháu xin một đồng». Một đồng. Tôi tỉnh rượu, nghẹn ngào, không biết nói sao với đứa cháu: tôi cũng chỉ như cháu, không có được lấy một đồng bạc nào cả, thật tình vậy.

Tất cả câu chuyện một buổi sáng, rồi một buổi trưa, rồi cả một bữa cơm của buổi trưa ấy và sau đó trời mưa, chúng tôi bước đi ra sao dưới trời mưa thế nào không hiểu đã hiện ra nhanh chóng bằng cách gì, trên một mặt gương mờ mịt là trí nhớ mà tôi đương xir dụng, giữa khung cảnh ồn ào của khu sân nhà thương nhi đồng này, tôi cũng không biết nữa, có lẽ vì trời nắng, nắng tôi một độ ghê gớm quá, và vì cái nắng ấy đã thốt lời đe dọa với tôi rằng mùa mưa sắp tới.

Khi tôi quay lại, người đàn bà đang dỗ dành đứa con trai (đã thức dậy ngồi trong lòng bà ta) nuốt thêm một miếng cơm. Đứa trẻ khóc, không chịu nuốt, hai cánh tay gầy yếu của nó vùng vẫy dữ dội, khiến chị nó — đứa trẻ đen — phải dùng sức giữ hai cánh tay ấy lại. Bà mẹ nói với tôi: «cháu nó đau từ hơn tuần nay, không chịu ăn». Trông đứa bé, tôi hiểu nó không thể ăn nổi lấy thêm một miếng cơm nào nữa, tuy vậy, tôi không dám nói ra điều ấy với bà mẹ, và đứa trẻ lại vẫn tiếp tục khóc. Bà mẹ bảo con gái «mày giữ nó kéo rách mất tờ báo». Đứa con gái ôm chặt lấy em nó hơn nữa, nhìn tôi. Chừng một phút sau, bà mẹ đề chén cơm xuống, kéo vạt áo lau mặt cho đứa con trai rồi vuốt ve nó: «Thôi không ăn nữa, nín đi con, nín đi con, ầu, mẹ thương.» và đứa trẻ bỗng nín,

nó mở choàng hai con mắt trót sáng ra, lo sợ nhìn xung quanh. Đồi mồi nó làm tôi thất vọng nhờ tôi cháu Đoàn Mỹ, cậu cả của anh chị Đoàn Tường vừa ra đời được mấy tháng, cũng lúc với tờ Văn-Nghệ số một được phát hành. Nhờ tôi cháu Mỹ, rồi nhờ tôi những đứa cháu khác nữa, cậu Tâm ba tuổi của anh chị Nguyễn-Hữu-Dũng đương tập đi quanh quần khắp nhà, suốt ngày nhìn ông bố cặm cụi ngồi gõ chiếc máy chữ cà rì để viết những cuốn sách giáo khoa ký tên người khác mà vẫn không đủ sống. Cậu Nhi ba tuổi rưỡi của vợ chồng Hảo suốt tháng phải theo bà nội đi phiên lưu từ Saigon ra Nha Trang, từ Nha Trang vào Saigon vì cuộc sống của cha mẹ nó, thật quả sức buồn bã. Những đứa cháu ấy đang lớn lên, ở khắp nơi, trên căn gác ngoại ô chật đầy xác bảo chết, trong một xô nhà âm thấp và tròn những tờ giấy ném bỏ, trên lầu hỏa dầy rầy những khối than, lại nạn, và ngay trong chiếc sân nhỏ của khu nhà thương nhi đồng dưới trưa nắng lớn này.

Nghĩ tới chúng, tôi bỗng thấy xấu hổ vì chợt nhớ ra, trong bữa cơm trưa vừa qua, cũng với vài ba người bạn, tôi đã nói quá nhiều, quá háng hái về một vài vấn đề nghệ thuật — mà lúc ấy với lòng nhiệt thành — tôi cho là vô cùng cần thiết. Bây giờ nhớ lại những điều đã nói, nào là phải làm mới kỹ-thuật, tăng trang cho tờ Văn-Nghệ số bốn, tổ chức lại bài vở, trình bày lại cái bìa, viết thư gửi độc giả vân vân, tất cả những điều ấy lúc này đối với tôi bỗng trở nên xa lạ hết sức, nó hoàn toàn không ăn nhằm chút gì tới cái hiện tại là những đứa trẻ thơ đang chịu đầy đau này, nó cũng hoàn toàn không ích lợi chút gì cho tương lai của chúng. Nhớ lại lúc mấy anh em hàng hái bầu luận với nhau, đứa nào cũng mồm hôi nồm mặt, và chị Đoàn-Tường đứng đưa đây chiếc nôi của cháu Mỹ, thỉnh thoảng lại cười xuống nhìn cười. Bây giờ nhớ lại những cảnh êm ái ấy tôi thấy ngỡ ngàng hết sức. Lại càng ngỡ ngàng hơn mỗi khi nhớ tới ba số báo đã được phát hành, ba số báo dùng hết sức trang là một chặng khó khăn chúng tôi đã phải vượt qua được nó. Chịu đựng của mình để nương dựa vào nhau mới vượt qua những người Ba số báo ấy, đã phải vượt khỏi sự nghèo đói cùng cực của những người làm nó mới ném nổi ra ngoài, vậy mà bây giờ nhìn lại, tôi bỗng thấy chúng vô giá trị ngay với cả chính tôi : tất cả những thứ chúng tôi đã viết ra hoàn toàn không ăn nhập gì với cái giống sống bị thảm này đang cuộn tròn quanh chúng. Điều ấy thật đáng nhục nhã và hổ thẹn.

Bên cạnh tôi, đứa trẻ gái đen đang xếp lại chiếc cà mền com, nó cần thận gấp những tờ giấy trắng tôi đã trải xuống đó bỏ vào túi áo, người đàn bà đã trở lại thế ngồi cũ và đưa con trai của bà ta lại nằm trên tờ báo, gối đầu lên đùi mẹ, tuy vậy nó không ngủ nữa : đã sắp đến giờ nghỉ trưa mà chúng tôi đã làm, không giúp ích được chút gì cho đứa trẻ Việt Nam bệnh tật này, trong khi nó phải nằm trên tờ saigon mới rách nát, gối đầu lên đùi người mẹ nghèo khổ kia, để chờ giờ nhà thương thì mở cửa.

Tôi đã từ giữ khu nhà thương nhi đồng, từ giữ người đàn bà đưa trẻ thơ bệnh tật và chị nó : đưa con gái da đen đã đưa tôi tới đó và khu sân hỗn độn của nhà thương nhi đồng. Tôi cũng đã vẽ lại trên những trang giấy nhỏ hẹp này: một trong trăm ngàn những đứa cháu khốn khổ của lứa tuổi chúng tôi. Tất cả những đứa trẻ ấy, hoặc là nỗi đơn đau rơi rớt từ bảy tám năm chiến tranh vừa qua, hoặc là nỗi khó khăn chật vật của những năm dưng nước mòi đây, đương thức dậy, đương lớn lên, đương bước đi ở cùng khắp mọi hang cùng ngõ hẻm đồng lũy xóm nằng trên xơ xở chúng ta, với tuổi thơ vất vả mà chúng đang mặc nhiên hứng chịu. Tôi và bạn bè tôi phần lớn cũng chỉ mới trên dưới hai mươi tuổi, phần lớn cũng đều chỉ có chung với nhau một tương lai chẳng lấy gì hay hoàng cho lắm năm chung trong cái vận mệnh tổ quốc chúng ta. Chúng tôi phải là kẻ nhìn thấy rõ nhất, nghe thấy rõ nhất, những anh chị chúng tôi — lớp người trên dưới ba mươi — đã chết, đã tàn tật, đã mệt mỏi, đã mất, vì những năm đen tối vừa qua của lịch sử. Lớp tuổi chúng tôi, vì thế, là lớp tuổi phải hứng chịu trách nhiệm trực tiếp với dân cháu gần như cội cút đó, ngay từ bây giờ, sự kỳ thác ấy đã bắt đầu. Và chúng tôi đã bắt đầu tự vấn : lớp tuổi chúng tôi sẽ làm được, sẽ gây dựng được những gì cho các cháu đây, trong cái hoàn cảnh mất trái tim, mất cánh tay, mất khối óc, mất hơi thở của một phần thân thể đất nước còn lại này, trong cái thế trên đe, dưới búa của cộng sản, độc tài mà lớp tuổi chúng tôi đang phải chịu. Vậy thì bằng cách nào đây, vừa chúng tôi có thể vừa đỡ những nhát búa, vừa gỡ những xiềng xích, vừa dắt theo đàn cháu. Và rồi bằng những lời nào đây, chúng tôi sẽ có thể thẳng thắn đề đối thoại với đàn cháu của mình, hay lại đành giả vờ cảm điếc như lớp tuổi bất lực của cha chú chúng tôi đã đối với chúng tôi.

Những ngày gần đây, khi tìm gặp bạn bè, hoặc đi rong ngoài phố với Đỗ Ngọc Yến, Nguyễn Trung, ở Chi Hòa với Viên Linh, Hảo, Uyên, những đêm lang thang cùng với Đỗ Quý Toàn qua con ngõ từ đoạn đường mới Trần Quý Cáp ăn sang quán cà phê Gió Bắc nhìn lên đèn còn sáng, ngồi nhà những lần đi xin tiền Mai Thảo với Sao trên Rừng, Nguyễn in với Dương Nghiễm Mậu, Ngọc Dũng, Đoàn Ngọc Quỳnh, Nguyễn Nghiệp Nhượng, chiều gọi điện thoại cho chị Lưu Huyền Châu, đêm viết thư ra Huế cho Nhã Ca, hoặc cùng với những anh bạn sinh viên miền Nam mới tới gặp, đứng trên sân Everest Building, nhìn xuống khu nhà ga Phạm ngũ Lão bàn tính về một công việc xuất bản, là những người ở cùng một lớp tuổi tương đối ít ngày thơ ơ nói chuyện với nhau, khi nhắc tới những trách nhiệm ngoài tầm tay của mình, chúng tôi cũng đều nhận ra một sự thực đau đớn, hoặc dưới hình thức này, hoặc dưới hình thức khác : lớp tuổi chúng tôi không còn thể thu xếp lấy một cánh tay nào để đu dắt cho đàn cháu thơ dại ấy. Chúng tôi chỉ còn một ý thức đương gắng tự soi sáng, một tấm lòng đương gắng tự thực hiện, và một tình yêu thành thật luôn luôn được bảo vệ

bằng những kinh nghiệm quá đau đớn tự mình phải tìm lấy, vì không một bậc cha chú nào thêm hé mồm chỉ dẫn. Chúng tôi chỉ còn có thể đề nghị cho những đứa cháu nhỏ đợi hôm nay, khi chúng lớn lên. Vậy chúng tôi, bằng tất cả mọi cách, phải gửi cho bằng được, tất cả những thứ mà chúng tôi có ấy cho đàn cháu, phải thủ thật hết với chúng những bệnh tật di truyền, những bất lực yếu đuối, những ngu dốt biếng nhác còn ẩn nấp trong bản thân chúng tôi, đồng thời phải chỉ bảo cho chúng những hăm hở chông gai bủa ngãi còn đầy rẫy trên mọi ngã đường vận mệnh thời đại này. Đó là mục đích chính mà lứa tuổi chúng tôi đang cố gắng thực hiện từ bây giờ, đó là con đường chính, mà bạn bè tôi và tôi đương cố gắng theo đuổi.

Tôi đã kể lể một lổ những chuyện không lấy gì làm vui về cái xã hội nhỏ bé tôi đang sống, tôi cũng đã kể lể cả một chuỗi những cảm tưởng, ý nghĩ chẳng lấy gì làm tươi mà nhàn đấy, những bạn bè ít ỏi của tôi cùng với tôi đã có.

Qua những trang đã viết, tôi đã nói về những đứa cháu khốn khổ của chúng ta với một tuổi thơ bất hạnh không dấu điểm, tôi cũng đã nói ra điều tôi nghĩ : hoàn cảnh và bổn phận của lứa tuổi chúng tôi là phải thủ thật với chúng tất cả những gì mà chúng tôi đã sống, đã suy nghĩ và kinh nghiệm. Như thế, tôi sẽ là một thằng rất tồi, tồi lắm, nếu tôi lại không tiếp tục kể thêm ra đây nữa những điều mà chính tôi đã sống, chính tôi đã suy nghĩ, những điều tâm thường ấy, tuy chẳng lấy gì làm lạ lòng nhưng chắc cũng cảm động.

Vậy thì nhất định tôi sẽ phải kể ra những điều ấy, nhất định tôi sẽ phải dùng hết đời tôi để kể ra những điều ấy, bằng tất cả những phương tiện mà tôi có thể có, như sự sống và cái chết chẳng hạn.

Những đứa cháu mà tôi hằng nhớ đến sẽ có dịp cầm những trang báo chúng tôi đã viết và in này, và sẽ đọc : đứa cháu gái da đen mà tôi không biết tên đã cùng tôi băng ngang đường Trương-Minh-Giang sang nhà thương nhi đồng, và đứa cháu trai Việt-Nam em nó nữa. Rồi đứa cháu mười hai tuổi mấy năm trước đây mà mới tới bây giờ, cháu đã lớn, chứ vẫn chưa có dịp đề cho cháu một đồng. Và cháu Đoàn-Mỹ với những số báo ế, cũ, của cha chú, cháu Tâm với đám giấy vụn của ông bố, cháu Nhi với những chuyến tàu hỏa của bà nội. Và cả tôi những đứa cháu mà suốt đời của mày có lẽ mày cũng chẳng bao giờ nghe tới tên chú cả : chú và bạn bè chú gửi các cháu ở đây tất cả sự ân cần cho một lời thăm hỏi.

TRẦN DẠ TỬ

VỀ BUỒN BÃ

Lâu nay tôi thấy mất đi nhiều thói quen tốt, nhất là thói quen thở than khóc lóc. Đáng lẽ tôi phải viết cho một người thân ở xa, kể lể dài dòng những nỗi buồn rầu mệt mỏi. Xen với những đoạn tả lại hình ảnh của những dãy cây dài, những phố xá, những cơn mưa chiều, tôi sẽ nhắc đi nhắc lại những lời than thở suốt bức thư; rồi cuối cùng tôi sẽ nói cho người thân yêu biết rằng kể cả bức thư này, tất cả mọi chuyện đối với tôi thực sự không có gì đáng quan tâm đến nữa. Tôi cũng có thể đến thăm một người bạn thân thiết ở gần nhà, tôi vẫn có thể tự do vừa đứng, vừa đi lại trong phòng và cũng như mọi lần chúng tôi sẽ nói to tiếng với nhau vì sự hào hứng và vẻ cảm thông hoàn toàn giữa hai người làm cho chúng tôi không cảm được mà không có thái độ hùng hồn như diễn thuyết cho nhau nghe; chúng tôi cũng như mọi lần, sẽ chộp cướp lời nhau tranh lấy phần nói, rồi lại chột im bất nhường lời cho nhau, rồi sau đó không cần nói gì cả chúng tôi cũng thấy hả hê như đã nói hết được ý mình rồi. Tôi sẽ đứng, với dáng điệu cũ, dơ hai tay như thuyết giáo, mắt tôi sẽ nhìn ngang về phía trước như vọng tới một đích ở xa, tôi sẽ áp ứng hết sức khó khăn để nói được rằng: Tại sao, tại sao có một điều mà tôi đã nghiệm thấy là không còn gì đáng nghĩ ngờ nữa, mà tôi lại biết nếu có nói ra với bất cứ ai thì cũng không sao, sẽ chẳng làm mất lòng ai hết, và cũng chẳng khiến họ phải bận tâm gì đến tôi hết, mà tại sao tôi không nói được cái điều giản dị này, là tôi thấy tôi đang buồn rầu, quả thật là đang buồn rầu lắm, nhưng mà đừng ai nên để ý gì đến điều đó cả.

Buổi sáng, lúc mười giờ, tôi trông thấy bóng nắng qua khung cửa sổ soi vào những viên gạch ở dưới chân tôi. Lúc đó tôi đang ngồi trong phòng thi, căn phòng rộng và yên tĩnh, mỗi thí sinh ngồi trong một ghế có một bàn riêng đặt cách xa nhau. Tôi xin thú thực là khi tôi đã nhận được đầu bài thi rồi, tôi để một khoảng thời gian rất lâu để cho trí não làm quen với một không khí mới mẻ do đầu bài gọi ra, rồi sau đó, dần dần, tôi càng thấy ham thích và say sưa với bài làm của mình, cứ như thế tôi vừa gọi lại những ý kiến cũ, vừa sắp xếp lý luận say mê, như đang dự một trò chơi thích thú của lý trí, đến nỗi tôi có thể quên cả rằng mình đang dự một kỳ thi nữa.

Cho đến một lúc mệt mỏi tôi nhìn thấy mảnh nắng sáng trên những viên gạch ở dưới chân. Mầu nắng trắng nổi lên những đốm xanh mờ, những đốm xanh là cây thắm lại dần, những vòng tròn mầu đỏ, những khoảng vàng chói cử động. Nắng cứ thu nhỏ dần và lùi dần vào sát chân tường. Không, chẳng phải vì tôi trông thấy ánh nắng soi trên những viên gạch mà tôi buồn thế đâu, cũng chẳng phải vì tôi vốn cho rằng đời

sống có nhiều nỗi khổ ải đang buồn, thực tình tôi vẫn thấy đời sống đã tru dài chúng ta nhiều lắm. Nhưng đó là một điều sâu kín, một nỗi thốn thức tự đầu đầu, một tiếng vang từ xa tôi mình không bắt kịp, nỗi thúc dục khiến cho tôi bỗng nhiên thấy rằng mình đang buồn bã. Bỗng nhiên tay chân bải hoải và nặng nề, bỗng nhiên mặt mình trở nên ngó ngốc thẳm thương quá đỗi. Tôi nhớ lại hôm qua tôi có dự định làm một vài việc, có cả những dự định lâu dài từ hôm kia, hôm nọ, với một vài sự bực rọc nhỏ nhen, với những bộ mặt thân mến sao mà chán khổ, và vân vân. Tôi không muốn khóc đâu, nhưng mà đôi khi nước mắt cũng ứa ra tôi phải đứng dậy và bước đi, phải trông thấy một vài hình ảnh mới, vài màu sắc khác, tôi như con đường rộng lộ ra khung trời cao xanh lơ và hai hàng cây tươi mát ở ngoài kia.

Cây cối luôn luôn diễn tả đúng được những ước vọng của mình. Từ khi tôi được nghe một người con gái nhận xét rằng bao giờ cây cối cũng đẹp, kể từ những màu mới mọc, những cây đang bắt đầu lớn lên, cho đến những cây già nua, những cây trơ trọi ; tôi thấy có thể đi tìm những dáng cây để diễn tả các cảm xúc của mình. Một lần tôi đứng trên một chiếc xe buýt chạy trong đô thành, nhìn qua khung cửa xe tôi trông thấy một khu vườn cây xếp hàng đều đặn, đứng trên bãi cỏ phẳng phiu. Thân cây mảnh và cao, đưa cành gầy trên khoảng trời rộng, khiến cho tôi thấy nhớ nàng. Rồi từ hôm đó tôi vẫn định đi tìm khắp trong thành phố một ngọn cây nào có hình dáng giống nàng hơn cả, tôi tin rằng mỗi người đều có thể tìm thấy một cây, diễn tả toàn thể dáng dấp và cá tính của mình, chắc rằng tôi sẽ thấy.

Tôi đi ra ngoài đường, tôi không định đi đâu bây giờ. Tôi đã thấy không còn nhớ được mình vừa mới làm gì, không thể nhớ được tại sao bỗng lại thấy xao xuyến day dứt, tại sao lại đứng dậy bỏ đi ra. Một người quen đứng ở đầu đường vẫy tôi đứng lại. Đó là Trục, một người bạn học cũ, mấy năm trước. Trục hỏi : Thế nào xong cả chưa ? Xong cả rồi, tôi trả lời. Đã lâu lắm tôi không gặp hân, khi còn học cùng nhau tôi ngồi bên cạnh và cũng thân với hân một cách chừng mực. Hân hỏi : Thi cả hai nơi chứ ? Không, tôi chỉ thi một nơi thôi. Hân trách tôi tại sao lại bỏ uổng thế, hân lấy làm tiếc rằng nếu tôi thi có thể đỗ được cả hai, và như vậy mới xứng vừa khả năng của tôi. Hai mắt của hân nhăn lại và cái giọng nói gọn và thật của một anh chàng quê ở miền Nam làm cho tôi thấy mũi lòng. Lâu lắm tôi mới lại gặp một người bạn cũ, và lâu lắm mới lại thấy một người bạn săn sóc đến mình một cách thực tình như vậy, thật cảm động quá. Tôi hỏi Trục có thể đưa tôi về qua nhà chơi được không ? Được, hân chở tôi bằng chiếc xe gẫu máy.

Tôi ngồi ở nhà Trục cho đến gần mười hai giờ, tôi hỏi thăm về mấy anh em bạn học cũ. Mỗi người đi một ngã, có những người vẫn lặn lội chưa thi đỗ được, có người đã vào quân đội hiện sắp ra trường, tôi có gặp Minh một lần ở đường Lê Lợi, bộ đồng phục của sinh viên sĩ quan làm cho hân bắt tay tôi chặt quá và tôi không biết nên nói chuyện ra sao. Còn Thắng, sau khi hân bị hội đồng kỷ luật đuổi vì lật ngựa cái bàn

của giáo sư trước khi ông này vào lớp, hẳn lang thang chẳng ai gặp, rồi nghe nói hẳn vào làm huấn luyện viên thể dục cho nhà thanh niên đó thành. Một bữa chiều thứ ba, tôi có gặp Thắng, cũng ở đường Lê Lợi, hẳn bắt tay và gọi tôi bằng anh, hẳn nhất định hỏi địa chỉ của tôi mấy lần làm tôi ngạc nhiên hết sức, sau cùng hẳn dẫn tôi có đi qua Nhà Thanh niên đó thành thì hãy vào chơi, hẳn ngồi bàn giấy ở đấy, cũng rảnh lắm. À còn Hằng thế nào, tôi hỏi Trục. Hằng học cùng với Trục và nghe nói ở trong trường năng là một nhân viên ban đại diện, hoạt động lắm. Trục cho biết là độ một tháng nay Hằng bỗng biến đầu mất, không thấy đi học nữa, hỏi ở những người gần năng thì họ cứ nói quanh co dấu diếm. Năm chúng tôi cùng học với nhau, Hằng là một nữ sinh khá đến lớp vào khoảng nửa niên khóa. Được ít buổi tôi bắt đầu khám phá ra rằng năng rất có duyên, với khuôn mặt, cử chỉ, giọng nói của một cô gái đặc biệt miền Nam. Một hôm tôi cố tìm dịp được nói chuyện với Hằng, tôi có phát biểu ý kiến là tôi thấy năng làm cho tôi hơi khó chịu chắc là tôi nói thật, và về có duyên của năng làm cho tôi hơi khó chịu vì tính tôi rất dễ bị cảm động, tuy vậy cái đó không phải lỗi ở năng. Về sau này tôi xem trong Thông tin bà nên biết được nơi sinh của Hằng ở đâu một làng nào trong tỉnh Cần Thơ. Tôi có dò trên tấm bản đồ Cần Thơ do bà chủ một nhật báo ở Sài Gòn phát không cho đọc giả, tìm mãi mới thấy tên làng đó, nhưng không thấy tên Hằng đâu cả, lâu dần tôi lại quên đi.

Một vài kỷ niệm ấy chiến cho tôi thấy mũi lòng khi được tin Hằng bỏ học đột nhiên như vậy. Tôi chào Trục đề về, tôi đi ra bến xe buýt, trong óc tôi vẫn nghe nhắc lại, nhắc lại, tha thiết trừu mến cái tên năng, và hình ảnh của năng vừa mẫn mà vừa cương nghị vẫn duyên dáng hiện lên. Năng buổi trưa, bến xe đông nghịt, hơi dầu xăng làm rức đến tên Hằng và có ý nghĩ rằng chắc đây là lần cuối cùng tôi nghe nhắc đến tên Hằng và chắc năng không bao giờ trở lại đời sống bình thường này nữa.

Chuyến xe lớn đi qua những phố đông. Đến những ngã tư và những trạm, cổ mặt những người đi trên đường. Đến những ngã tư và những trạm, cổ xe dừng lại hấp tấp và một nhọc rồi lại nặng nề, vội vã mà đi. Khi tôi bước trên xe xuống để đi bộ về nhà thì ở dưới bộ quần áo nóng bỏng vì mặt trời và đầy bụi than, thân thể tôi ướt đầm những mồ hôi.

Buổi trưa tôi không ngủ được vì trời nóng quá. Nóng quá. Tưởng như không khí đã khô bỏng rồi và có thể dập vỡ thành mảnh vụn. Trong một giấc chập chờn như vậy, trí óc tôi phải liên tiếp nghĩ đến nhiều chuyện khác nhau. Bao ý tưởng, bao hình ảnh đuổi nhau trong đầu, sợ rằng để trống một lát là tôi sẽ cảm thấy rõ ràng cái nóng bức ở ngực, ở lưng và khắp tay chân mình, và thấy cái mệt nhọc buồn nản kéo dài vì phải đợi giấc ngủ quá lâu.

Đó là một kỷ niệm ở sân ga. Con tàu đỗ dài bên cạnh thêm ga, dưới mái hiên cao. Trời mưa, tôi đứng ở cuối thêm xi măng, chỗ lộ thiên, ở trên cửa sổ có người con gái đứng. Có một đôi khi mình cũng sẽ nhận ra rằng ở trên cao có một vòm trời đêm u tối và những giọt nước mưa

nhỏ rơi từ trên đó xuống. Tuy vậy, sự ngầy ngất trống trải làm cho mình đứng lặng yên không thể nói gì và chờ đợi một điều sắp xảy ra, một điều đáng tiếc nào đó. Tôi đã chạy qua những toa xe lửa thấp đèn vàng, có đầy người và đồ đạc chần lối. Tuy vậy khi trông thấy Hương, tôi cũng ngạc nhiên kỳ lạ. Nhìn tôi rất lâu, Hương mới đứng dậy bước ra ngoài hành lang toa xe. Đó là lần đầu tiên tôi đưa tiễn một người ở nhà ga, lại là đêm mưa. Đạo đó tôi còn trẻ lắm, Hương còn bé hơn, cuối niên học nàng về Huế để thăm gia đình. Hương dơ bàn tay ra hứng nước mưa rơi xuống, đó là một hình ảnh tôi đã thấy trong một cuốn phim chúng tôi nói nhiều chuyện băng quơ quá và rõ ràng là sắp đến giờ tàu chạy. Tôi phải xuống khỏi toa xe và đứng dưới mưa nói chuyện với nàng ở trên ô cửa sổ xe. Chuyến xe lửa dài quá và buồn quá. Trời lất phất mưa và bầu trời thấp, tôi im lặng mãi không nói. Tôi chợt hỏi Hương có biết Anna Karénine? Không biết. Tôi nhớ đến chuyến xe lửa, trong sân ga đầy tuyết và bầu trời đen tuyệt vọng. Suốt đêm đó tôi tưởng tượng Hương ở trong con tàu đi giữa rừng núi, tiếng bánh xe đều mạnh như một nhịp luân vũ. Hương chắc sẽ buồn ngủ. Tôi ân hận đã không lợi dụng lúc tiễn đưa đó để nắm lấy tay nàng. Tuy vậy có lẽ vì thế mà tôi dễ quên nàng hơn.

Tại sao về sau tôi lại không viết thư cho nàng để cho nàng sớm qua đi như vậy, tôi không nhớ rõ. Một vài việc tế nhị quá không thể tìm rõ nguyên do cho nên cũng không thể nhớ được. Không thể nhớ được hết mọi chuyện liên tiếp nhau. Nhất là trí óc một mỗi vì buổi sáng phải làm việc nhiều quá. Tôi liên tưởng từ chuyện này sang chuyện kia. Trời nóng quá làm cho tôi phải ngồi dậy. Tại sao đã lâu lắm tôi chẳng viết thư cho một ai? Chắc rằng những người thân thiết đề tôi viết thư than những chuyện vật vãnh bây giờ không còn ai nữa. Hoặc giả càng ngày càng tôi cảm thấy đời sống hàng ngày cứ nhợt nhạt như một miếng kẹo « Suynh gôm » đã hết vị rồi còn cứ bị nhai hoài. Cho nên không có gì đáng kể ra nữa. Đã lâu lắm tôi không bị ngầy ngất trước một sự mới lạ nào. Cả những hình ảnh chợt hiện đến rồi cũng chợt biến đi và khó mà hồi tưởng lại. Mấy hôm trước đây có lúc tôi chợt thấy Yến đẹp lạ lùng. Yến sáng lên như một bông huệ nở dưới ánh đèn trước bàn thờ. Tôi chợt nhìn thấy màu xanh da trời cao ở trong mắt nàng; tôi có cảm tưởng như vẽ thăm thẳm mơ hồ của đôi mắt đó vừa khiến tôi nhận ra chính mình, thấy tất cả những hy vọng của mình, những hoài bão của mình, cả những bồn phẫn rõ ràng của mình. Tôi hứng khởi sắp muốn nói một điều gì để ca ngợi một cách thành thật và vô tư về đẹp đó. Nhưng tôi không thể tìm thấy được. Phần nhiều mỗi người đều cho là mình phải chịu một mối thiệt thòi nếu không chắc mình sẽ còn làm nên nhiều chuyện to tát lắm. Riêng tôi tôi biết mình cũng chịu một sự thiệt thòi là hay bị mất ngủ. Vì thế mà chưa đi đến cùng một chuyện gì được.

Mấy bữa nay trời hay mưa vào buổi trưa khoảng 2 giờ. Ánh sáng đi từ lúc nào tôi không biết, một cơn gió đầy hơi lạnh thổi phồng cả

căn phòng trống trải đánh thủng lớp da tẻ tái mỗi mặt của tôi đây. Ngoài cửa sổ mây đã xoa phủ khắp cả bầu trời, màu trắng uể oải sắp trở thành xám đen. Những giọt nước đầu làm ướt những mái nhà đang khô nóng.

Tôi ngồi trước bàn, tôi muốn viết thư cho bạn tôi kể về thời. Sao tôi không thể bắt đầu viết một câu nào dễ dàng đi. Giấc mơ đêm hôm qua trở lại trong trí nhớ của tôi. Tôi thấy mình ở ngoài phi trường, đưa tiễn một người nào đó, chuyển phi cơ sắp cất cánh. Rồi tôi trông thấy Lan, cô gái được coi là đẹp nhất ở trường tôi, mỗi tuần lễ tôi vẫn gặp cô ta bốn buổi. Tôi cũng biết là cô ta đẹp lắm, và rất dễ thương, nhưng chưa có dịp nào để tôi bày tỏ điều đó một cách rõ ràng. Hình như tôi ngồi ở trước một bàn ăn, Lan ngồi trước mặt. Hình như tôi có nói cho cô ấy biết là trời độ này mưa nhiều quá, mưa ướt hết cả quần áo ướt hết cả mặt mũi tôi tôi thấy nước ẩm chảy dòng trên má. Hình như tôi đã khóc thì phải. Rồi chuyển phi cơ cất cánh, mang đi không biết bao nhiêu là người. Tôi không kịp vẫy tay chào ai cả.

Khi còn bé tôi cũng ước mơ biết bao nhiêu điều. Tôi tìm hiểu sự nghiệp của rất nhiều bậc vĩ nhân, tôi thờ kính họ như những đấng thánh của riêng mình. Đến giờ càng ngày tôi càng thấy họ xa tôi, họ không còn liên can gì đến đời sống của tôi nữa. Còn có mình tôi thôi, còn có mình tôi phải lo liệu tất cả cho riêng mình. Lo liệu tất cả cho riêng mình liệu không? Hình như cứ như thế cũng dư buồn lắm. Buồn lắm là vì mọi thứ đều không đạt được, vì mọi vật đều qua đi như không, vì mọi nỗi lưu luyến tiếc nhớ phải nhin mãi trong lòng.

ĐỖ QUÝ TOÀN

MẤY NGƯỜI BẠN

Cuộc triển lãm mùa Xuân vừa khai mạc và sắp đóng cửa, chúng ta nghĩ gì về tương lai Hội họa ở đây? Tương lai Hội họa, danh từ có vẻ đao to búa lớn quá, nhưng nếu chúng ta, những người thanh niên 20 không nghĩ đến thì ai vào thay thế chúng ta? Cái giấc ngủ triền miên, hay nói thẳng ra, cái mê muội và vô trách nhiệm của những người đi trước, trừ một vài người đáng kính, đã kéo dẹt lui bước tiến của chúng ta mà đáng lẽ trong giai đoạn này, trong giai đoạn mà tất cả mọi người, không riêng gì giới Hội họa, ý thức được sự cần thiết vươn lên

của xã hội Việt Nam, sự cần thiết dẹp tan mọi thứ nhục nhã của một dĩ vãng bị trị, một hiện tại bị chia cắt mà không được một lời đối kháng, chúng ta phải trút tất cả nguồn sinh lực của mình, nguồn sinh lực của tuổi hai mươi ra để làm sáng sửa lại cái dĩ vãng yếu kém, một dĩ vãng mù mờ bởi sự che lấp của ich kỷ và tham lam, sự che lấp của mê muội và ngoan cố. Chúng ta phải bừng tỉnh dậy, sớm càng hay; thôi đừng nhìn tương lai bằng con mắt bàng quan nữa.

Trong phòng triển lãm mùa Xuân, tất cả những họa sĩ đã sống gì, nghĩ gì? Có thể những người già thì nghĩ tới vợ con, những người trẻ thì nghĩ tới một chút danh tiếng, thứ danh tiếng rất tốt cho tính nhân từ những huy chương vàng bạc sáng ngời. Vài người nghĩ tới nghệ thuật. Một niềm vui cho tương lai là hầu hết những họa sĩ khá đều là những bạn hai mươi. Tôi nói khá có nghĩa là có thể tiếp tục nữa để đi tìm cái đẹp. Tuổi hai mươi, trong nghệ thuật hội họa, không phải là tuổi của bậc thầy. Chúng ta phải hủy bỏ tất cả để làm lại, đừng bao giờ bằng lòng mình... Nhưng mà có lẽ tôi nói hơi dư đối với những nghệ sĩ này. Có điều, chúng ta đã ý thức về trách nhiệm chưa, đã ý thức về tương lai nó tùy thuộc chúng ta ra sao chưa? Trong cái ý thức trách nhiệm, chúng ta tự bài xích và xây dựng. Và chối nhận tất cả những sự nòng cọt; chúng chỉ lờ phỉnh được quần chúng bằng cái vỏ sặc sỡ bề ngoài trong thời gian nào thôi. Điều hệ trọng trong lúc này, không phải là vẽ để triển lãm làm tác phẩm. Chúng ta chưa có tác phẩm. Điều gì cho phép tôi nói như vậy? Qua mấy cuộc triển lãm hằng năm, số lượng của mỗi cá nhân quá nhiều, nhưng chưa thấy một họa phẩm nào được săn sóc. Các bạn say mê nghệ thuật — tuổi 20 của các họa sĩ thì bắt định phải có sự say mê không thể nào hoàn tất trong sự bông bột. Chỉ có sỏi nổi ở nội tâm chứ bức tranh, do đó có một tác phẩm đúng nghĩa.

Nhưng, điều tôi muốn nói ở đây không phải là vấn đề chuyên môn đó. Chúng ta ai cũng có một bí mật nhà nghề (secret d'atelier) phải không các bạn? Điều tôi muốn nói ở đây chính là thử ngó lại điều kiện của chúng ta và dẹp tan mọi điều kiện bất lợi cho công việc sáng tác, để làm quang đãng cái dĩ vãng mờ ám.

Thường, theo các nhà nghệ sĩ « chính thống » thì cái tinh thần trách nhiệm là một thứ giả đạo đức, một thứ lũng mạn nghiêm nghị, một thứ hủn nói tới chuyện trách nhiệm. Nhưng chúng ta, những người làm nghệ thuật 20 tuổi, nói tới chuyện trách nhiệm. Nói một cách trang trọng hết. Bởi vì, như trên tôi đã đề cập tới, chúng ta ý thức được vai trò của mình trong hoàn cảnh hiện tại chúng ta không nhận lãnh trách nhiệm thì còn ai vào đây?

Tới đây thì tất cả đều quay về phía mình và hỏi : « Liệu mình có đủ tư

cách không?». Tôi xin trả lời chung cho tất cả các bạn: «Thưa, chúng ta đều có đủ tư cách, với bầu nhiệt huyết này». Tuy nhiên, từ lúc lọt lòng, chúng ta đã bị đặt vào một điều kiện không thuận lợi lắm. Hầu hết chúng ta đều ở trong cái thế không thuận lợi ấy. Thêm vào đó, vài tật xấu của xã hội nung đúc chúng ta thành công thức như sau:

họa sĩ = nghèo khổ + dốt nát + lười biếng?

Sự nghèo khổ, chúng ta không thể nào tránh được, nếu chúng ta bị định mệnh đặt vào đó. Có người cho đó là thân phận con người. Và uất ức: Tại sao mình lại bị sanh ra ở cái xứ này, tại sao mình lại sanh ra trong cái gia đình này. Tôi không đồng ý với sự than trách đó, nó không có tính cách nhân bản: Bản chất của nhân loại là tranh đấu chứ không than thở. Chúng ta cũng vậy, phải tranh đấu, càng yếu hèn bao nhiêu càng phải cố gắng vận dụng ý chí bấy nhiêu. Sự tranh đấu, không phải để thoát khỏi cái hoàn cảnh mà là giải thoát cho hoàn cảnh. Có điều, liệu cái tình thần trách nhiệm có thắng nổi cái chủ quan đôn hèn và ích kỷ không? Các bạn biết không, phần đông là sự dẫu hàng của điều trước với điều sau. Nhưng chuyện đó không thành vấn đề. Quan trọng là, trong điều kiện vật chất như thế, chúng ta làm họa sĩ để được sống mà làm nghệ thuật. Cái ý chí của một người ý thức trách nhiệm giúp ta chịu được tất cả những cực nhọc của cuộc sống. Có nhiều người trông xấu đi vì điều kiện vật chất nhưng lúc làm việc trong xưởng vẽ thì quả đó là một ông Trời con, vẻ bình thản lẫn tình thần. Chúng ta phải chịu đựng hai cuộc tranh đấu trong con người mình: cuộc tranh đấu trước cuộc sống, và cuộc tranh đấu trước khung bố. Cả hai cùng có ý nghĩa như nhau, cùng có giá trị về thực tế cũng như về tinh thần. Cuộc sống ngoài xã hội cũng gay go bao nhiêu thì cuộc sống trước khung vải khó khăn bấy nhiêu. Đời sống tinh thần trước họa phẩm cao đẹp bao nhiêu thì ngoài xã hội cũng cao đẹp như thế. Điều quan trọng là sự cố gắng vươn lên, là sự phá tan tất cả mọi chướng ngại, mọi đàn áp làm chìm đắm mọi giá trị đáng lẽ từ lâu đã được bật sáng. Và, thưa các bạn, sự nghèo khổ mà tôi đã nêu ra ở công thức trên, không chỉ dẫn đi ở các điều kiện vật chất mà chúng ta chịu hứng lấy đâu. Nếu chỉ có vậy thì với ý chí, chúng ta có thể tự giải thoát một cách dễ dàng. Tôi muốn nói tới sự nghèo khổ nhiều như trong thần Sáng tạo. Chính cái ý chí của chúng ta thể hiện nhiều như trong sự vật lộn giữa mình với nội tâm mình, sự vật lộn làm tổn môn sinh lực. Và người ta đã nhìn thấy gì về chúng ta? Người ta đã thấy cái chật hẹp của tinh thần chúng ta, nó nhất chúng ta lúng túng trong những hình thức cũ, những công thức được soạn đi soạn lại. Cuộc tranh đấu giữa tinh thần sáng tạo với những hình thức cũ, những hình thức rất quyến rũ của các bậc thầy, hẳn là gay go lắm, nhưng nó sẽ mang lại sự giàu có cho chúng ta. Việc đó đòi hỏi chúng ta một tinh thần độc lập và tự tin, ngoài tài năng ra.

Nhưng vì sao lại có sự nghèo khổ đó? Ngoài cái thiên bẩm ra, ngoài cái cố gắng ra, chúng ta thiếu sót cái gì? Chúng ta hãy tự nhìn mình và

chúng ta hãy đem cái chủ quan chối lòa của mình đặt bên cạnh những khách quan tiền tiến. Và chúng ta thấy gì, nếu không là sự lu mờ, sự yếu ớt của chủ quan mà ta tưởng là sáng láng kia. Chúng ta phải làm cuộc so sánh như vậy, mỗi người chúng ta phải thử làm ít nhất một lần. Kết quả có thể khiến cho ta ngã lòng, nhưng tự hỏi tại sao? Xin nói ngay, tại sự dốt nát và lười biếng. Thêm vào hai thói xấu ấy, sự kiêu ngạo ăn trong mỗi người chúng ta như một thứ rượu độc, nó làm cho chúng ta quên chính mình đi, lập cho ta một thói kênh kiệu rất đáng tởm đối với những người ý thức được vai trò mình, đối với những người đã biểu rõ cái chân giá trị của mình. Hiện tượng mù quáng đó chỉ vì chúng ta dốt nát nên mới dám đến làm nhục chúng ta, chỉ vì chúng ta lười biếng nên mới dám đến hạ phẩm cách của chúng ta. Phẩm cách của chúng ta thì không có gì hết ngoài nhân vị của một công dân nhược tiểu. Nhưng chúng ta phải biết giữ cái phẩm cách đó vì không còn ai có thể thay thế chúng ta đủ làm công việc này, công việc của những người nghệ sĩ trẻ tuổi ý thức được sự cần thiết vươn lên của một xã hội từng bị lãng quên. Ý thức tranh đấu ấy xúi giục chúng ta tự giác và từ bỏ mọi phong cách của sự kiêu ngạo. Chúng ta chưa có gì đáng đề kiêu ngạo hết. Chúng ta cần phải làm việc nhiều để bù lại những năm đã mất. Chưa phải lúc mơ mộng của những tâm hồn phong phú như các bạn. Nghệ thuật thì dài đằng đẳng mà chúng ta chưa bắt kịp được những người đi trước.

Tôi đã đến xem phòng tranh của những người quen thuộc ở đây : Thuận Hồ, Nguyễn trí Minh... Thấy họ vẽ nhiều, có người bày tranh của mình hằng năm. Số lượng tác phẩm của họ không phải là nhỏ. Nhưng đối với tôi, đó là những người lười biếng nhất trong chúng ta. Hai người trên thì chính là máy sản xuất từng loạt tranh chớ không phải là họa sĩ nữa. Họ đã đề lòng tâm hồn trong một sự lười biếng chưa từng thấy. Trong mấy năm mà chưa có sự tiến bộ nào. Nhưng chính vì sự chưa ý thức nghệ thuật mà họ đã nằm yên một chỗ như vậy. Vả chăng họ đã già rồi, không thể nào sống sôi nổi như chúng ta, không thể nào làm công việc mà chính chúng ta đã tự ràng buộc lấy cho mình, không thể nào đủ sức lôi kéo cái trẻ nải của cái thế hội họa hiện tại. Chính các bạn, những người ở trong phòng tranh mùa Xuân năm nay, những người đã mang cho chúng tôi một yải tia hy vọng, những người đã cho thấy mạnh mẽ một tương lai sáng sủa. Máy anh Cù Nguyễn, Nghiêu Đờ, Hiếu ở Trần Kim Hùng, chắc mấy anh cũng đã hãnh diện về sự thành công của mình chắc mấy anh cũng đã lấy làm sung sướng về những tán thưởng của người xem, của những nhà phê bình. Ở các bạn, cái ý thức tiến bộ về hội họa đã đánh bại hẳn những xu hướng lỗi thời đã từng làm giàu cho những kẻ bất tài vô dụng. Nhưng mà chúng ta cần phải cố gắng nữa, cố gắng mãi cho tới khi nào sự vô ý thức chịu thua, những con buôn nghệ thuật hay đúng hơn, những họn người lương gạt nghệ thuật chịu thua. Những họn đó đã thất bại trong những chuyến cuối cùng. Nhưng mà còn sót, mấy họn biết không? Tôi nghe một người kể lại, ở Balê, những họn

làm hội họa không tới nơi tới chốn như những người nói trên chỉ được phép bày tranh ở bờ sông Seine. Ở đây, những người hạng đó hãy còn được ưu đãi, hãy còn được giàu có. Hội đồng chấm giải thưởng năm nay đã có một quyết định sáng suốt. Tuy nhiên trường hợp Nguyễn trí Minh được huy chương đồng đã làm cho nhiều người khó chịu... Nhưng thôi, chắc chuyện huy chương không làm bận tâm các bạn lắm đâu. Điều làm các bạn bận tâm là cái chân giá trị của mình. Tôi đã xét các bạn qua phòng triển lãm mùa Xuân, tôi đã tự xét mình trong xưởng vẽ này. Và tôi đã thấy gì? Thừa các bạn, chúng ta hãy còn nghèo nàn, dốt nát và lười biếng. Chúng ta đang lúng túng trong ba điều đó. Kết quả là không có một khám phá nào mới lạ ở chúng ta, không một bước tiến nào quan trọng ở chúng ta. Đáng lẽ trong vòng một năm và với ý thức trách nhiệm, chúng ta phải sáng tạo những gì mới mẻ hơn, vượt bậc hơn. Tôi cũng không khỏi ngạc nhiên về sự có mặt của Duy Thanh với một bức chân dung tầm thường và Ngọc Dũng với một dessin không ra gì, vì chúng ta biết chắc là Duy Thanh, Ngọc Dũng đã làm hơn như thế nhiều và tôi tự hỏi: phải chăng đó là một thái độ không chân thành?

Trong giai đoạn này, chính sự xây dựng chân thành mới giải thoát được chúng ta. Tôi kính mến anh Thái Tuấn một họa-sĩ có tuổi nhưng tâm hồn rất trẻ, rất chân thành. Tôi tìm ở anh sự hăng say làm việc lại khi thấy ngã lòng. Trong tình cảnh của chúng ta, không có hội đồng phê bình đứng đắn để bênh vực quyền lợi cũng như khuyến khích tinh thần, không còn gì bằng chúng ta hãy chân thành với nhau. Chúng ta hãy lẫn cỏi cho nhau sự dốt nát đang nặng trĩu trên đầu, chúng ta hãy lẫn cỏi cho nhau những thói xấu do cái dĩ vãng bị trị gây ra. Ở Saigon này, khi ra đường chúng ta gặp gì nhiều nhất? — Chúng ta gặp sự hống hách của những nghệ sĩ các ké!

Tôi đã đến thăm nơi vẽ của anh Cù-Nguyễn, dơ dáy bẩn thỉu, những bức tranh úp mặt vào vách. Tất cả nói lên sự làm biếng, sự uể oải. Sự chán chường khiến chúng tôi phải « ăn tục nói phét » (chữ Nguyễn-Đức-Quỳnh) để phá cái không khí đó đi. Và cái huy chương vàng đã đem lại cho anh cái gì? Phải chăng một chút vui với cô bạn gái nào đó. Nhưng mà con người chúng ta không coi cái đó là danh vọng. (Nếu anh Cù-Nguyễn coi như vậy, thì con người anh sẽ thối xỉnh lên). Công việc của chúng ta là hãy tự giải thoát cho mình khỏi cái tối tăm khốn kiếp, cái tối tăm vây kín cuộc đời, cuộc đời có những điều kiện chó đẻ. Nhưng cũng bởi cái chó đẻ đó mà chúng ta thấy phải cố gắng hơn, song song với chánh quyền và tất mọi ngành khác. Trong cái ý thức vươn lên để giải thoát, để tân tạo và xây dựng.

Các bạn thân cũng như mấy bạn chưa được quen biết — nhưng rồi chúng ta sẽ quen nhau và sẽ chửi thề, văng tục với nhau — tôi đã đến phòng triển lãm mùa Xuân không biết bao nhiêu lần, các bạn hỏi cô Trúc Liên thì rõ (cái cô xinh xinh ngồi trong phòng tranh, từng là nguồn hứng của anh Thái Tuấn cũng như Duy Thanh). Trước kia tôi định nhân đồng tranh mà nói tới những vấn đề có liên quan tới thẩm mỹ,

nhân danh một người vẽ tranh nói chuyện thẩm mỹ, loại thẩm mỹ thực nghiệm, chứ không phải loại thẩm mỹ thuần túy của mấy ông triết gia (tôi thán phục mấy ông này và, đã học nhiều ở mấy ông này, nhưng khi nói về hội họa, tôi thích nghe Thái Tuấn hơn). Nhưng tôi thấy vô ích. Khi tôi nói những chuyện trên trời dưới đất về hội họa thì các người đồng lứa với tôi đang học hành chăm chỉ để trở thành bác-sĩ, kỹ sư hoặc già mấy người khác đang đi cô vũ nữ ở bar-dancing hay ngồi trên ngoáy ở phòng trà là lỗi rất là anh hùng.

Vô ích lắm. Và tôi chỉ còn có mấy bạn, phần đông thô lỗ và buồn rầu. Chúng mình sẽ thông cảm với nhau và thử giành lấy cái trách nhiệm nâng cao nền hội họa ở đây mà mấy người lớn tuổi hơn chúng ta đã vứt bỏ. Mấy bạn sinh viên khác, các bạn thử song song với chúng tôi làm sáng hơn ngành của các bạn. Và chúng ta hãy tưởng tượng một tương lai với bằng ấy cố gắng. Chúng ta hãy bắt đầu đi. Hai mươi tuổi không có gì là trễ đâu.

Chùa Phú-Thạnh

NGUYỄN TRUNG

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

NHÌN LẠI GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG TOÀN QUỐC

Gải thưởng văn chương toàn quốc cho năm 1959 đã được công bố trước đây ít tháng, nhưng lễ trao « văn bằng » vừa mới được tổ chức, đặt dưới quyền chủ tọa của Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa. Đây là năm thứ hai của giải thưởng sau khi được chính phủ mở ra — năm đầu 1957-1958 — nhằm mục đích trao tặng cho những tác phẩm tương đối giá trị hiện thời, công việc đó người làm văn nghệ thấy được nâng đỡ, khuyến khích đôi phần, nhưng công việc tổ chức trao tặng giải thưởng giữa hai năm đã có sự thay đổi khiến chúng ta phải nhắc đến, nhân đó cũng muốn được góp một vài ý kiến mạn cho một giải thưởng đổi ra rất quan trọng và cần thiết.

Năm trước đây khi giải thưởng được nói đến, bên đó có ngay một ban giám khảo được mời tham dự như : Vũ-Hoàng-Chương, Vi-Huyền-Đắc, Vũ-Khắc-Khoan, Phú-Đức, Bà Tùng-Long, Nghiêm-Toản, Đỗ-Đức-Thu, và một nhà văn đã quá cố mới đây là cụ Hồ-Biểu-Chánh. Các tác phẩm dự thi do tác phẩm gửi hoặc đã in trong năm, hoặc chưa. Như vậy ban tổ chức có ý muốn nâng đỡ cả những tác giả kém may mắn, ít phương tiện trong việc ấn loát. Và đồng thời công nhận giá trị của ban giám khảo đủ điều kiện để xét đến tác phẩm của mình. Kết quả năm đầu những tác giả sau đây đã được trao tặng giải thưởng: Thanh-Lãng, Trần-dình-Khải, Nguyễn-kien-Trung, Kỳ-văn-Nguyễn, Bửu-Kế, Phạm-mạnh-Viện, Trần-lê-Nguyễn, Minh-dăng-Khánh, Thạch-Bích. . . những tác phẩm được trao tặng giải thưởng đã gây dư luận một hồi, nhất là về giá trị và tiêu chuẩn làm việc của ban giám khảo.

Năm thứ hai của giải thưởng đổi khác : chỉ những tác phẩm đã ấn hành mới được chấm, tác giả không phải dự thi mà ban giám khảo được quyền chấm tất cả các sách đã xuất bản dù tác giả muốn hay không và ban chấm thi mãi đến khi tuyên bố kết quả mới được nói đến. Giải thưởng năm nay với ban giám khảo gồm có Trương-công-Cửu, Hà

như-Chi, Vi-Huyền-Đắc, Đông-Hồ, Hà-Thượng-Nhân, Trần-Hữu-Thanh, Đỗ-Đức-Thu và Đái-Đức-Tiến. Nghĩa là còn lại Vi-Huyền-Đắc và Đỗ-Đức-Thu là thành phần của ban giám khảo cũ.

Kết quả của giải thưởng năm nay được trao cho Bình-Nguyên-Lộc với Đồ-Dọc, Vũ-Khắc-Khoan với Thần-Tháp-Rùa, Võ-Phiến với Mưa đêm cuối năm, Toàn-Phong với Đời phi công, Dịch Kinh Tân Khảo của Nguyễn-Mạnh-Bảo, Việt-Nam Văn-Học Toàn-Thư của Hoàng-Trọng-Miền, về thơ là Hoa-Đăng của Vũ-Hoàng-Chương.

Như vậy là ngành sân khấu năm nay không có. Trong thành phần được trao giải thưởng không ai của năm trước, nhưng có hai giám khảo của năm trước được giải thưởng là Vũ-Khắc-Khoan—kịch gia và Vũ-Hoàng-Chương—làm thơ.

Bây giờ chúng ta hãy nhìn vào vài nhận xét về văn hóa V. N. hiện thời và giải thưởng văn chương toàn quốc 1959 của ông Trương công Cửu, chủ tịch ban giám khảo. Trước hết ông bày tỏ ý kiến về sự khiếm khuyết không có một hàn lâm viện hay hội nhà văn để đảm nhiệm việc phê phán văn chương, sau đó ông nói đến cách thức làm việc của ban giám khảo «... một nhóm người yêu chuộng văn hóa, văn nghệ được chính quyền ủy nhiệm cho cái công việc mà mục đích tốt đẹp nhằm khuyến khích, phát huy văn hóa nước nhà... Suốt trong 5 tháng, hội đồng giải thưởng văn chương toàn quốc đã làm việc với những quan niệm nói trên và kết quả, trong các bộ môn, đã chọn ra được 7 tác phẩm... » Ông Trương công Cửu lên tiếng giải bày về việc ban tổ chức dành quyền chấm tất cả các tác phẩm dù tác giả muốn hay không muốn : — « Sự kiện này ở các nước tiến tiến trên thế giới không có gì lạ lùng, nhưng ở đây tưởng cũng nên có vài lời vì có sự khác biệt giữa giải thưởng văn chương 1957 và giải thưởng này.

Xuất bản một tác phẩm chắc rằng tác giả đã trao cho công luận cái quyền được phẩm bình : khen, chê, ưa chuộng hay không ưa chuộng. Chính quyền, tư nhân, một đoàn thể muốn trao tặng phần thưởng cho những tác phẩm xuất sắc tưởng không phạm gì đến quyền tự do, quyền hưởng thụ và tình thần sáng tác mà ngược lại và kể cả tác giả không được trao tặng cũng vậy ».

Về điều trên đây, mới nghe chúng ta thấy nó rõ ràng lắm, nhất là ở nơi ông chủ tịch ban giám khảo đã được chính quyền ủy nhiệm, nhưng từ đó cũng phải nói rằng chưa đủ. Như ông đã nói là chúng ta chưa có hàn lâm viện, chưa có hội nhà văn, và ban giám khảo chỉ có tính cách tạm bợ được ủy quyền. Chúng tôi không muốn nói về sự làm việc của ban giám khảo — Nhưng nếu có những tác giả không chịu thừa nhận ban giám khảo có đủ tư thế để xét lời tác phẩm của họ thì sao ? Hoặc không đồng ý với chính sách văn hóa hiện thời của chính quyền thì làm thế nào ? Nếu ở những chính thể độc tài, cộng sản, chính trị một chiều thì người văn nghệ còn biết nói vào đâu. Nhưng chúng ta sống trong chính thể tự do dân chủ thì quyền tự do của mọi cá nhân được tôn trọng, như vậy cách thức lựa chọn tác phẩm đã phạm vào quyền tự

do đó. Sự khen, chê, ưa chuộng hay không ưa chuộng là quyền tất nhiên của quần chúng. Nhưng không phải bất cứ một chính quyền nào, một tư nhân nào, một đoàn thể nào cũng được quyền trao giải thưởng, trao văn bằng hay không trao cho người làm văn nghệ khi họ không tự ý.

Tiêu chuẩn chọn lựa của hội đồng giám khảo như thế nào? Ông chủ tịch cho biết là không có dựa trên tiêu chuẩn chính trị mà ban tổ chức cũng như Hội đồng « mặc nhiên công nhận cái tiêu chuẩn rất trừu tượng và siêu việt là chân, thiện, mỹ ». Như thế là hội đồng năm nay làm việc có tiêu chuẩn hẳn hoi, khác hẳn với năm trước. Nhìn vào những tác phẩm năm nay đã không thấy có những tác phẩm giai đoạn như năm trước, nhưng việc trao tặng giải nhất cho cuốn *Đỏ Dục* của Bình-nguyên-Lộc đã gây nhiều dư luận, đó là câu chuyện: văn nghệ và chính trị; văn nghệ « cười tường » và một câu hỏi: phải chăng cuốn tiểu thuyết « gái ế chồng » là văn chương thuần túy — phi chánh-trị gần với tiêu chuẩn Chân-Thiên-Mỹ nên được trao giải?

Ông chủ tịch hội đồng giám khảo, có nói đến tiêu chuẩn, dù nó mơ hồ, nhưng người ta không thấy ban giám khảo nói gì về những tác phẩm được trao giải, nó hay ở chỗ nào? mới ở chỗ nào? tại sao nó đã được trao giải? và sắp xếp thứ bậc cho nó như thế là sao? Công việc này ngoài sự minh xác cần thiết, còn là điều giúp cho quần chúng những nhận thức đúng đắn khi đón nhận các tác phẩm.

Trong phần được trao giải gồm 2 cuốn do V. H. Văn hành là Hoàng-Đảng của Vũ-Hoàng-Chương và Việt-Nam Văn-Học Toàn-Thư của Hoàng-trọng-Miễn, cuốn sau này đã từng có người tố cáo là một cuốn sách mà tác giả đã « đạo » của một người khác hiện không có mặt ở đây.

Về tình trạng văn hóa, theo ông chủ tịch cho biết số tác phẩm đã ra đời có 51 cuốn biên khảo gồm đủ loại « đã đánh dấu một cố gắng lớn lao của các nhà khảo cứu VN », « về thơ gồm có 50 tập kể ra chưa phải là con số kỷ lục, nhưng thực tế mà nhìn nhận, trên thị trường tiêu thụ. Thơ là môn ăn tỉnh thần được nhiều người nhắc nhở nhưng ít người mua dùng... vì nên 50 tập thơ ra đời, sự kiện đó đủ biểu dương cái năng lực sáng tác của thi ca Việt-Nam », về tiểu thuyết có 34 cuốn « đã mang lại bổ ích và thích thú cho người đọc, vì kỹ thuật và nội dung đạt được mức cao ». Về ngành sân khấu không có giải thưởng.

Qua những nhận định của ông chủ tịch hội đồng giám khảo về hiện tình của văn hóa — qua giải thưởng văn chương 1959 thì những nhận định đó là ở nơi một người ngoài cuộc, ông không phải là con người văn nghệ cho nên sự thiếu sót đó không đáng trách; nhìn vào những giải thưởng đã trao tặng phải nói thực thà rằng nền văn chương hiện đại của chúng ta không mấy lạc quan — Sự kiện này chúng tôi dành lại cho một loạt bài viết cận kề ở một số tới.

Giải văn chương toàn quốc năm thứ hai đã qua bỏ ngoài những khiếm khuyết không thể tránh, chúng ta đều có thể công nhận ý muốn tốt đẹp của chính phủ cùng những người nắm giữ những cơ quan văn hóa ở đây. Và từ đó chúng tôi xin được góp một ít ý kiến.

Chúng tôi đồng ý ở chỗ chúng ta còn thiếu nhiều phương tiện, chưa có hoàn cảnh để tiến tới một hàn lâm viện hay hội nhà văn, như vậy hội đồng giám khảo cần phải công bố trước. Danh quyền tham dự hay không cho người cầm bút. Ngày tuyên bố giải thưởng, và trao tặng phải gần nhau, để lâu không còn thời gian tính, bây giờ là năm 1961 mà giải 1959 mới được tuyên bố. Thật đã quá chậm trễ, (dù có còn hơn không) Điều nữa, chúng tôi đề nghị mở rộng giải thưởng, nên dành cho phần dịch thuật một địa vị — vì trong hiện tình văn chương chúng ta dịch thuật giữ một vai trò rất quan trọng cần được khuyến khích nâng đỡ.

Chúng ta, mọi người thành khẩn nghĩ rằng, từ những khó khăn, từ những nghèo nàn hiện nay, văn chương chúng ta trong những ngày tới đây sẽ tươi sáng hơn.

P.I.N.

VIẾT VÀ ĐỌC TIỂU THUYẾT CỦA NHẤT LINH

Người ta dễ nhận thấy là những ông già hay cần thận, giản dị và thường lạc quan. Cả ba tính đó tôi đều nhận thấy ở Nhất-Linh, trong cuốn «Viết và đọc tiểu thuyết», với cái vẻ đáng quý cũng như đáng ghét mà nhà văn lão thành này đã có. Trước hết ta cũng nên chú ý, đây là cuốn sách đầu tiên ông Nhất-Linh đem xuất bản sau nhiều năm chỉ tái bản các truyện cũ. Sự góp mặt của một nhà văn đã già đời trong nghề vào cuộc sinh hoạt nghệ thuật ở đất này, cũng có giá trị một sự khích lệ với anh em còn trẻ. Nhất là giọng ân cần, đơn giản mà Nhất-Linh luôn luôn bày tỏ trong cuốn VVĐTTH đối với các độc giả, gồm cả những người muốn tập viết tiểu thuyết hay muốn đọc tiểu thuyết.

Mở đầu cuốn sách, ông Nhất-Linh nói rằng đây là những kinh nghiệm sau gần bốn mươi năm tìm tòi trong nghề, cảm thấy có trách nhiệm mang giúp đỡ anh chị em có chí muốn tiến trên đường văn nghệ. Ông khuyến người ta viết văn thì phải cốt viết cho hay, đừng có quan tâm xem «viết về thứ gì — viết để làm gì?». Có lẽ chính cái tiền đề này của Nhất-Linh đã khiến ông xa cách các nhà văn trẻ hiện nay. Đọc qua các tập chỉ, sách xuất bản trong mấy năm gần đây, ta đều thấy các nhà văn mới đều mang nỗi quan tâm thứ nhất là «viết để tạo nên một tác động nào?» vào lòng độc giả, nghĩa là vào xã hội; mà tác động đó có tính cách định đoạt cho một thái độ trước đời sống. Nỗi quan tâm này có thể nói là do ảnh hưởng của trào lưu văn nghệ thế giới hiện nay, trong đó các nhà văn nghệ đều «nhập cuộc», đều tự đứng làm «nhân chứng» cho đời sống. đều muốn tranh đấu cho một thái độ. Các nhà văn mới ở Việt-Nam cũng nặng những băn khoăn muốn phát biểu được sự biến chuyển và nổi khao khát trong lòng họ cũng như trong xã hội nhân loại, đất nước ở giai đoạn này. Vì vậy, họ không thể chịu đựng được một thái độ khách

quan đứng đứng của một thứ « văn nghệ phong lan » cao siêu lơ lửng, không dính dáng chi đến những biến động rộng lớn mãnh liệt trong xã hội. Sự đối lập giữa một thái độ già và một thái độ trẻ thường vẫn có tính cách hình thức. Nhưng ở đây, sự đối lập đó đã đưa đến một cuộc chia rẽ đáng tiếc giữa các nhóm nhà văn và không khí nghệ thuật có thể trở nên đầy thù nghịch, phe đảng.

Tuy nhiên, tôi thiết nghĩ sự dị biệt giữa các quan điểm nghệ thuật vốn thông thường, vì chính nó đã thúc đẩy cho văn nghệ được phát triển phong phú và hào hứng. Một trào lưu nghệ thuật có tính cách khai phá, sáng tạo bắt buộc phải tự mang sẵn những mầm mống của một trào lưu mới trong tương lai đối nghịch với chính nó, có như vậy thì tính chất khai phá, sáng tạo mới được thể hiện hoàn toàn. Vậy mặc cảm cần phải hạ bệ quá khứ mới làm nảy mầm được tương lai chỉ là tạm thời. Tính cách hợp lý hoặc không của một quan điểm, trong một thời gian và một hoàn cảnh, sẽ được thẩm định do công chúng, kể cả những người viết lẫn người đọc và nhất là thời gian.

Vậy sau đây tôi trở lại với VVĐTTh, cuốn sách dạy viết văn hay, đọc văn cho thấy thú.

Viết quyển sách này Nhất Linh nhằm vào lớp độc giả bình dân, nên ông dùng một giọng văn giản dị, cần thận, nhiên khi quá đáng. Ông lại tin tưởng một cách lạc quan rằng bất cứ ai, nếu có chút khiếu riêng, thì chỉ cần biết qua chữ « quốc ngữ » cũng viết tiểu thuyết hay được rồi.

Phải viết hay, cần nhất là hay, ông Nhất Linh nhấn mạnh thế. Ông bèn mách bảo cách viết thế nào cho hay được : « Những cuốn tiểu thuyết hay là những cuốn tả đúng sự thực ca bề trong lẫn bề ngoài, diễn được một cách linh động các trạng thái phức tạp của cuộc đời, đi thật sâu vào sự sống với tất cả những chuyển biến mong manh, tế nhị của tâm hồn bằng cách dùng những chi tiết về người và việc để làm hoạt động những nhân vật cùng hành vi, cảm giác, ý nghĩ của họ. — Những cuốn đó cần phải do sự thành thực của tác giả cấu tạo nên, viết bằng một lối văn giản dị, không giảng giải nhiều, và không phải hay chỉ vì cốt chuyện » (trang 45).

Nhưng mà viết tiểu thuyết hay như thế để làm gì ? Thì đã bảo rằng ông Nhất Linh không thích đặt câu hỏi ấy ! Ông nói thêm : « ... viết gì cũng được miễn là viết hay và vì viết hay thì mới giúp ích cho loài người nhiều hơn » (trang 47). À, như vậy là ông Nhất Linh cũng định viết tiểu thuyết để giúp ích cho loài người. Ông vì sự giúp ích đó cũng giống như là các ô tô, tàu bay, buồng tắm, nước lạnh, nước nóng v...v...

Trong phần thứ hai ông Nhất Linh dạy độc giả cách xây dựng một cuốn tiểu thuyết. Đại khái ông bảo đừng sắp đặt câu chuyện chặt chẽ từ trước ; phải tạo những nhân vật thật, sống ; phải viết văn cho nó giản dị, đừng có giảng giải lời thôi, mình thích hợp với loại văn nào thì cứ viết, đừng đại núp bắt chước người khác (ông N. L. tự ví ông viết cuốn Đợi Tây cũng như là đã làm trò leo giây vậy) còn về luân lý thì điều hệ trọng là không được có tà tâm.

Khi nói về « văn trong tiểu thuyết », ông Nhất Linh có nhân tiện nói

vài nhận xét về mấy nhà văn đương thời là Đỗ Đức Thu, Vũ Khắc Khoan, Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Duy Lam. Tiêu chuẩn của ông là xem văn viết có hay không. Ông nhận thấy Vũ Khắc Khoan thì có giọng nhanh nhẹn, trong sáng, thận trọng, rất Việt Nam; toàn tả những nhân vật thông minh, thi sĩ, hay mơ mộng cao siêu vơ vẩn. Đỗ Đức Thu hơi giống giọng Bình Nguyên Lộc (ông chỉ kể những truyện ngắn hay của B. N. L. nghĩa là bỏ đi những truyện không hay khác). Võ Phiến là một nhà văn có tài, có lối nhìn lạ, tuy vẫn mắc phải lỗi văn phạm đầy rẫy (tội nghiệp!) lại hay viết lập dị, kỳ quặc, dốt chữ Nho. Duy Lam thì khá hơn, không mắc lỗi văn phạm, đã biết viết giản dị, và cũng biết sâu sắc.

Phần thứ ba, Nhất Linh bàn về cách đọc tiểu thuyết, phần này chỉ gồm 1 phần 10 cuốn sách. Ông khuyên đọc sách phải đọc thầm trong bụng không nên nói to thành tiếng. Ông lại khuyên « phải luôn luôn cố gắng tìm cái hay ở những truyện hay ». Đọc sách để làm gì? Để được hưởng những thú thanh cao, tâm hồn sẽ đẹp hơn, sẽ là những người văn minh hơn » (trang 105).

Ở trên kia tôi có nhận xét rằng ông Nhất Linh đã cần thận và giản dị hơi quá đáng. Đây, tôi xin chứng minh.

Trang 25, VVĐTTh, Nhất Linh trích ĐTM rằng: « Một áng danh văn bao giờ cũng hỗn hợp được hai phần tử: bổ ích và làm vui ». Nhất Linh chú thích rằng: « Không cứ; có khi áng văn hay lại làm cho ta buồn hoặc cảm thấy là lối chia tình cảm con người làm 4 loại: vui, buồn, không vui không buồn, và nửa vui nửa buồn của tác giả hơi giản dị quá, tuy có nghĩ vật chất: « như đèn điện, máy vô tuyến điện, xe hơi, tàu thủy, xe lửa, máy tính, người máy và các khi cụ dùng nguyên tử lực ». Ông nói người ta sáng chế cốt cho sung sướng dễ chịu, nhưng lại chú thích: « Có khi người ta chế những quả bom đủ các loại không làm ai sung sướng cả (trai lai thế) nhưng đó là vì cái xấu xa của người đời ». Tôi không biết có độc giả nào đọc tới đó phải vỗ đùi khen là gọn, cụ Nhất Linh phân biệt tình thật! Riêng tôi, tôi thấy nó lẫn lộn lẫn lộn, nó lẫn lộn y như một ông cụ già nào đó vậy.

Đây là tôi mới trích có 2 thí dụ. Độc giả có thể thấy nhiều nữa. Còn chuyện Nhất Linh lạc quan? Tôi tưởng tượng rằng sau khi đọc quyển VVĐTTh, sẽ có những người từng trót viết văn và từng trót có đôi chút ý thức mới mẻ về văn chương mất rồi, sẽ phải than lên rằng: « Than nhiều người khác xưa nay chưa bao giờ định viết lách gì, đến lúc đọc VVĐTTh của Nhất Linh, sẽ hốt hoảng mà rằng: « Trời, thử chi chờ tiểu thuyết thì dễ quá ha! Mình phải bắt đầu viết chớ! ».

Vậy nếu bạn đã trót viết văn ít lâu nay rồi, có lẽ chẳng cần đọc cuốn sách này. Còn ai chưa thử viết, thì cứ mua một cuốn mà đọc. Sách này do Đời Nay xuất bản, dày 108 trang giá 35\$.

TRẦN QUÝ CAO

TÀU NGỰA CŨ

9 TRUYỆN NGẮN CỦA LINH BẢO

Đọc xong tập truyện, độc giả vẫn phải nhận thấy là cá tính của Linh Bảo hiện ra rõ ràng. Gần suốt các truyện, chỗ nào cũng thấy tác giả, khi thì hiện hẳn ra đóng trò trên sân khấu, khi thì ngấp ngó sau hậu trường để nhắc vở. Cá tính nổi bật này là một ưu điểm của tác giả Linh Bảo, nhưng lại là một nhược điểm của tập truyện : *Tàu ngựa cũ*.

Tôi xin kể ra các nhân vật nữ.

Cô Thơ, một người tình cũ, đa cảm, tế nhị, đã sống một đời lưu lạc, ở truyện *Tàu Ngựa Cũ*. Cô gái Ấn độ Sheroo trong *Biên Giới* và cô gái Nhật Bản Michiko trong *Một Chuyến Lên Bờ* đều thông minh, tinh quái, có tướng đàn ông, và cùng ở trên 2 chuyến tàu biển đi Âu châu. Hai cô bạn gái Quế và Minh trong truyện *Quả Tết* là hai cô gái Việt sống ở ngoại quốc, cũng biểu lộ một tinh tình nồng nàn, tha thiết, nhưng lại chưa chín, đùa cợt. Cô Dung trong truyện *Người Quân Tử*, cô gái lưu lạc, nhẹ dạ, yếu đuối, gặp cô bạn là Loan thì tinh khôn, thẳng thắn, đốp chát. Hoa trong *Áo Mới*, suốt đời toàn bị hụt những ước mơ nhỏ bé là có một chiếc áo dài đẹp, với một bà mẹ nhẹ dạ, một đồng anh chị em, cuối truyện vẫn còn nói chưa : « Hoa này vẫn mơ, cho dầu là chỉ mơ áo ». Truyện « Một truyện ngắn hay nhất » trình bày một cô nữ văn sĩ định viết một truyện ngắn hay nhất, sau thấy khó khăn quá, định đành viết một truyện ngắn hay nhì, rồi nghĩ chẳng lẽ lại đi viết một truyện ngắn hay ba. Truyện *Đông Sơn Kỳ giới* thiêu bốn cô gái lỡ thời ở bốn căn lầu vây quanh một khu sân trống, với những tình cảnh nếp sống, ước ao riêng. Truyện sau cùng, *Ngày Giỗ Mẹ*, nhân vật Minh là một cô gái cùng hai em cũng ở ngoại quốc. Từng ấy cô gái đều khiến cho chúng ta có cảm tưởng mỗi cô chỉ là một bản sao thiếu sót của một cô gái đầy đủ là Linh Bảo, đã từng được diễn tả trong vai cô Trang, cuốn *Gió Bắc* trước đây. Họ đều không ít thì nhiều có một trong những tính chất thông minh, tinh nghịch, đa cảm, chưa ngoa, lưu lạc, có lúc cứng rắn như đàn ông. Có một điều là trong từng ấy truyện, nhân vật nữ nào cũng có một người bạn gái, một người tình, hay một đám bạn, hay cha mẹ, anh chị em, nhưng luôn luôn vẫn đứng riêng rẽ lẻ loi, luôn luôn vẫn mang một nỗi lòng u ất. Họ chỉ có thể coi những người thân thiết ở bên mình là một nơi để nhờ cậy, ao ước, hay giao thiệp giải buồn, hay dùm bực ầu yếm. Nhưng nhân vật nào cũng đành là cô độc, đành chịu hy sinh, hay đành đứng tách biệt ra khỏi thế giới quanh mình.

Ở cả những nhân vật nam, chúng ta vẫn thấy bóng dáng cô Linh Bảo ám ảnh, vờn vờ (có một nhà văn đứng tuổi đã nhận xét rằng các phụ nữ có tài thường lại có tướng đàn ông, phải chăng trường hợp Linh Bảo là một ?).

Nhân vật nam có vẻ Linh-Bảo nhất là Tùng trong *Biên Giới*. Tùng gặp

Sheroo trên 1 chuyến tàu thủy rời Yokohama sang Âu-Châu. Trong cuộc hành trình này, hai bên được dịp nói đùa, trêu ghẹo, đối đáp với nhau. Nhưng tôi vẫn có cảm tưởng đó là 1 màn kịch mà cô Linh-Bảo đóng cả hai vai, lúc cô đứng chỗ này, lúc cô lại nhảy sang chỗ đối diện. Kể ra cô đóng cũng tự nhiên lắm, nhưng mà hai nhân vật giống nhau quá.

Những nhân vật mờ hơn là Kỳ trong Tàu Ngựa Cũ, Lâm trong một chuyến lên bờ và Vệt, thanh niên Đức, trong truyện cuối cùng Ngày Giỗ Mẹ.

Như tôi đã nói, vì Linh-Bảo thao túng các nhân vật nhiều quá nên độc giả nào đọc xong tập truyện cũng phải tưởng tượng được hình ảnh độc đáo của tác giả, nhưng cũng vì thế mà những nhân vật ấy bị đem « tế thần thánh ». Bên cạnh những nhân vật thật sống, thật đặc sắc, hình ảnh gần chính xác của tác giả, người ta lại gặp phải những nhân vật thật tầm thường, lú mù, thiếu sinh khí !

Tôi ưa nhất truyện Áo Mới. Hai truyện mà tôi cũng ưa là Quà Tết và Đông Sơn Ký, Còn sáu truyện kia thì làm thường nếu khát khe có thể bảo là dở.

Nhưng nói chung thì không thể nào lại không ưa cô Linh-Bảo.

Đ.Q.T

PHÒNG TRANH « COMPARAISONS »

Phòng triển lãm « Comparaisons » được trình bày một cách sống động các tác phẩm của những họa sĩ và điêu khắc gia hiện đại ở Pháp. Sự sống động của phòng tranh này gây nên bởi tính cách thay đổi, đổi lập nhau của các nghệ-sĩ thuộc đủ môn phái. (Cái thành công của một tổ-chức triển lãm là ở sự linh động đó, chứ không ở cái giá trị nghệ-thuật. Sự kiện sau này thuộc về cá nhân nghệ-sĩ). Đó là một phòng tranh đầy tính cách luận chiến như ông Jean Cassou đã nói. Người ta bắt gặp ở đó những bức tranh trừu tượng, siêu thực, tân hiện-thực hỗn nhiên, v.v... nghĩa là những sinh hoạt trung thực của nền hội họa hiện đại. Mỗi họa-sĩ dù là thành công hay không cũng có sắc thái riêng biệt, có khi sự khác biệt đến độ mâu thuẫn, đến độ choáng nhau.

Chưa nói đến nghệ thuật, hầu hết tất cả họa sĩ và điêu khắc gia ở đây đều có một kỹ-thuật vững chắc. Tôi muốn nói cách xử dụng sơn chứ không phải cách diễn đạt. Nhìn bộ mặt từng tác phẩm ta thấy tất cả cùng yêu nghệ, nghĩa là cùng tăng-tiêu bức tranh, dù là ở những bức tranh vẽ rất hoạt; hoạt chứ không ảo. Thường những họa sĩ trẻ tuổi, vì sự háng say bông bột đã làm hơi hợt, nông cạn tác phẩm mình. Ở đây, tất cả cùng

bình tĩnh, tất cả cùng thận trọng, thận trọng chứ không trịnh trọng, cầu nệ.

Tuy nhiên, điều chúng ta lấy làm tiếc, theo sự chọn lựa của trí phán đoán không tệ lắm, là ít tác phẩm làm ta thích thú. Ở trên, cái toàn thể linh động của phòng tranh làm ta khoái chí một chốc, thì cái chi tiết, (do sự quan sát, chiêm niệm — thường thức thì phải chiêm-niệm, rồi phán đoán và lựa chọn ở từng bức tranh), không làm ta thanh thản với cái khoái lạc của sự thưởng thức nữa. Nguyên do là phán đồng những bức tranh đều nặng nề lý trí, cái tặt của những nhà nghệ-sĩ hiện đại, làm mất cái vẻ thanh thoát của nghệ thuật thuần túy đi. Nghĩa là phán đồng đều muốn lợi dụng hội họa để diễn tả tư-tưởng, thiết lập một *kịch trường* với hình thức mới. Cái đó thiết là lãng mạn và già-nua. Nó làm cho hội họa mất bản chất. Thí dụ «La Sorcière» của Dado, vẽ mụ phù thủy với mấy con thú; «Jeux interdits» của Cadiou Henri, một tinh-vật với đầu poupée và cây đao tây, v.v... «Hiroshima»; của Henry Pierre nói về hậu quả tàn khốc của bom nguyên tử v.v...

Phán đồng những bức tranh tân-hiện-thực và siêu-thực thì mắc vào cái bịnh trên, cái bịnh trí-thức hão.

Chúng ta cũng có thể tìm những thích thú trong các họa phẩm siêu thực của Chagalle một trường hợp rất hiếm. Ở đó, ta không thấy các nặng nề của lý trí mà thấy cái thi vị của sự mơ mộng.

Tôi khoái nhất — (một lần nữa, tôi xin nhấn mạnh cái chữ khoái không có gì bi ối đâu; nó là một hiện tượng của cái phản ứng tâm hồn mình khi có một vật gì — ở đây là hình ảnh của những bức tranh — có tính chất của một sự khoái lạc, theo sự trung gian của nhữn giới đem đến cho nó. Sự khoái lạc mà bức tranh, hay rộng hơn một chút, mà nghệ phẩm mang đến cho ta cũng có thể mang cái chất của dục vọng). Vậy thì tôi khoái nhất những bức tranh trừu-tượng trong đó có «Chiffon d'usine» của Anouj Raphael, «Pastoral XI» của Chaminade, «Porte d'Enfer» của Kito Akira, «Samourai» của Smadja Alex... và bức «Arrosoirs et fleurs», của Lersy Roger (Tôi cho là việc phân biệt môn phái không cần thiết hơn). Cái môn phái của cá nhân anh chàng họa sĩ mới cần thiết hơn). Mặc dù dùng lời vẽ trừu tượng — một lời vẽ dễ xí gạt khách thưởng ngoạn nhất, nhưng các họa sĩ kể trên đã sáng tác một cách thành thật, bằng chân tài. Những đường nét và thể chất của họ, nhất là Chaminade và Kito Akira, thì thanh thoát, vững chắc và ngon mắt vô cùng. Hội họa trừu tượng, nếu làm với một tinh thần, một ý thức đứng đắn và một tài năng vững vàng thì đó là một thứ hội họa thuần túy và nhẹ nhàng hơn hết. Tuy nhiên, chúng ta thấy cũng cần nên xét lại một vài bậc thầy của môn

phái này, một Mondrian, một Kandinsky chẳng hạn.

Nhưng song song với sự thích thú đó, một thích thú rất mau qua, tôi nhìn thấy sự nghèo nàn của hội họa trừu tượng. Các họa sĩ đã lúng túng trong cái chật hẹp của hình thức sáng tác trên nên không phát triển được tốt độ cá tính. Từ Hartung đến giờ vẫn bày nhiều phương thức cộng thêm một bản sắc cá nhân yếu ớt ở từng tác phẩm.

Riêng về bức « Arrosoirs et fleurs » mà tác giả đã vẽ với một bút pháp có pha một vài chất tượng hình, rất dễ mang đến việc làm nổi bật cá tính.

Và đặc biệt nhất có một bức họa không thấy đề tên tuổi, với bút pháp tương tự thời tiền sử, đã được xây dựng một cách phóng khoáng. Bức họa được thực hiện trên hai viên ngói với những thể chất lạ lùng và ngoạn mục. Ở đó ta thấy biểu hiện rõ ràng nhất cái tinh thần khai phóng của hội họa ngay hôm nay.

Cảm tưởng sau cùng: một tổ chức khéo léo và một sinh hoạt náo nhiệt. Không nói tới điều khác.

ANH OANH

ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ CỦA KỊCH ĐOÀN CHUYÊN HƯƠNG

Hồi 21 giờ ngày 6-1-1961, tại rạp Hưng Hạo, Kịch Đoàn Chuyên Hương đã trình diễn một đêm đại hội văn nghệ. Đêm đại hội được đặt dưới sự bảo trợ của Hội nạn nhân cộng sản. Tôi dự gồm một số quan khách quen thuộc đủ mọi thành phần, tuy không được đông đảo, nhưng không khí của đêm đại hội cũng thân mật và hào hứng.

Phần trình diễn, ngoài sự giúp sức của một số các nghệ sĩ thủ đồ để thật chặt mối cảm tình với ban kịch — đây là một kịch đoàn hơi đặc biệt: nó không phải là một kịch đoàn chuyên nghiệp mà là những cán bộ kháng chiến ý thức thấy cần phải cùng nhau dùng văn nghệ để tranh đấu cho lập trường quốc gia, phát huy một phần nào đường lối văn nghệ dân tộc lành mạnh — và tự lấy phê bình và tự phê bình để tiến bộ. Ngoài những màn hợp ca, song ca, đơn ca, vũ, phần chính của đêm đại hội là trình diễn hai vở kịch « Loạn Gia Đình » và « Bóng trắng trên đời ma ». Nội dung của nó là phơi bày, tố cáo những tội ác của Cộng Sản hiện đang chế ngự một nửa phần đất đai của chúng ta.

Chúng tôi không lấy mắt của người phê bình nghệ thuật nhìn đêm đại hội này (vì sự khiêm nhường của kịch đoàn đã ngổ lỏi), chúng tôi chỉ ghi lại một cảm tình mà thiện chí của Kịch Đoàn Chuyên Hương đã để lại.

TRIỂN LÃM HỘI HOA MÙA XUÂN 1961

Phòng triển lãm hội họa mùa xuân 1961 đã khai mạc ngày 17-4 tại phòng thông tin Đồ Thành. Cuộc triển lãm năm nay có hơn 150 họa sĩ tham dự với 450 bức tranh — đó là một điều đáng kể. Những người tham dự đủ mọi khuynh hướng, mọi lứa tuổi, người ít tuổi nhất là họa sĩ Phương Mai mới 10 tuổi. Phòng triển lãm được chia làm hai đợt vì phòng thông tin quá nhỏ.

Hội đồng giám khảo năm nay gồm có : Ngô viết Thu, Văn Đen, Lưu Đình Khải, Lê văn Lâm. Huy chương vàng về Cù Nguyễn, huy chương bạc về Nghiêu Đề và Trần kim Hùng, huy chương đồng về Đỗ thị Tố Phượng, Nguyễn tri Minh, Nguyễn Hiếu Đệ, Nguyễn văn Phương, Ngọc Dũng. Bên cạnh đó còn nhiều tượng lệ danh dự nữa.

Vì phòng tranh bày chưa hết nên bạn Anh Oanh chưa thể viết phê bình cho phòng tranh vào kỳ này, nhưng bạn đọc có thể đọc một ít ý kiến của Nguyễn Trung trong «*Mấy người bạn*» — và bài phê bình cũ của Anh Oanh trong số lời.

PHIM VIỆT NAM Ở NGOẠI QUỐC

Trong Đại hội Điện Ảnh Á-châu tại thủ đô Phi luật Tân có hai cuốn phim Việt Nam vừa được đại hội khen tặng, đó là : *Em bé chăn trâu* và *Đứa con của biển cả*. Đây là những khen ngợi đã từng được nói đến cho một vài phim khác nữa ở Bà Linh, hay nơi khác.

Có điều lạ lùng là những phim được nói đến đó chưa được chiếu ở Việt Nam (hay chỉ để chiếu cho một vài người nào đó coi thôi chăng?), khiến cho nhiều người chẳng hiểu những phim đó như thế nào, giá trị ra sao? Đồng thời người ta có cảm tưởng phim ảnh biện thời của chúng ta chỉ để đem ra ngoại quốc khoe khoang cho đỡ nhục cái xứ sở này. (Hay chúng ta không đủ trình độ thưởng thức?). Điều này tưởng cũng cần phải nói ra với những người đang làm điện ảnh.

NHẠC VIỆT NAM THẬU THANH

Cơ quan văn hóa Đức quốc ở Việt Nam đã giúp đỡ phương tiện thu một ít bản nhạc Việt Nam vào đĩa nhựa để góp tiếng với thế giới. Công việc này thật đáng cho chúng ta lưu tâm và hoan hỉ.

Hai ca đoàn đã được mời giúp sức là ca đoàn Hồn Nước của Hải Linh và Chim Việt của Ngô Duy Linh. Công việc thu thanh vào đĩa nhựa đang thực hiện. Đĩa nhựa đầu tiên dành cho mỗi ca đoàn một mặt. Ca đoàn

Hồn Nước trình bày hai bản : Đà Lạt trắng mờ, thơ Hàn Mặc Tử, và Chính Phụ ngâm, thơ Đoàn thị Điểm, đều do Hải Linh phổ nhạc và điều khiển ban hợp ca, điều này làm mọi người tin cậy và chẳng thể nghi ngờ về giá trị và sự làm việc của Hải Linh cùng tài năng của ông. Còn ca đoàn Chim Việt sẽ trình bày hai bản : Một trời sao của Ngô duy Linh và Hò đỏ ta của Thăng Ca (?). Ca Đoàn Chim Việt với một ít lần ra mắt, và thành phần của nó, khiến cho những người có thẩm quyền về âm nhạc ở đây hơi nghi ngờ và ít tin tưởng ở sự góp tiếng ấy.

TRIỂN LÃM NGỌC DŨNG

Vào tháng 6 tới phòng tranh của Ngọc Dũng sẽ mở cửa ở phòng Thông Tin Đô thành đường Tự Do. Một phòng triển lãm mà Ngọc Dũng ôm ấp từ lâu và đã được làm việc từ ba bốn năm nay. Sau phòng tranh Duy Thanh, phòng tranh Ngọc Dũng chắc chắn mang lại nhiều bất ngờ hứng thú cho người thưởng ngoạn.

Sau lần triển lãm tại thủ đô, Ngọc Dũng sẽ bày tranh tại Huế và Đà Nẵng. Đây là một việc làm mang ý muốn phổ biến hội họa mới một cách rộng rãi trong quần chúng, điều mà lâu nay mọi người quên lãng. Những lần bày tranh này do tạp chí Văn Nghệ tổ chức.

NATHALIE TÁC GIẢ ALEXANDRA ORME

Văn nhân trước hết phải là một kẻ tham dự vào cuộc đời, và những gì hiện lên trong sách thì trước hết cũng đã được sống trong cuộc đời thực của tác giả. Câu chuyện của Nathalie phần nào là câu chuyện tác giả của nó, một thiếu nữ sống xa quê hương, một tâm hồn và một cuộc đời bé bỏng bị ném vào giữa những biến động hoàn vũ hôm nay, đang tìm hết phương thế để vượt lên, để tồn tại, để đem đến cho sự có mặt của mình trên trần thế một ý nghĩa. Nguyên gốc người xứ Pologne sang Mỹ từ 1950, và đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên được viết bằng tiếng Anh. Nội dung của nó là tất cả đời sống của tác giả, người thiếu nữ 14 tuổi trong thời ly loạn, đất nước chịu hai lần xâm lăng, mà kẻ xâm lăng nào cũng tự xưng mình là kẻ giải phóng, rút cục dân tộc và đất nước điêu linh.

Nathalie, người con gái nhỏ nhà nghèo, theo mẹ và bà đến trú ẩn trong kinh thành Budapest vào giữa thời đại chiến này. Nàng vừa mười bốn

tuổi tám mắt mở rộng bờ ngõ, pha chút ít sông tượng, để nhìn tất cả những cảnh bản thù diễn ra quanh nàng. Người con gái nhiều mộng, sống với mộng này vẫn không bỏ sót một khía cạnh nào của thực tại; nhưng bao giờ nàng cũng chỉ biết có mình, cái mình duy nhất, trung tâm vũ trụ.

Chiến tranh, những cuộc xâm lăng, những thù nghịch lớn cũng ảnh hưởng nhiều lên cuộc đời thơ bé của nàng con gái nghèo khổ này. Cái nghèo càng thêm quá quất; cha bị người Nga bắt đi trại tập trung; xung quanh nàng là những người dân Do-Thái nơm nớp chờ từng giây phút, cái lúc quân Đức tràn vào và đem hỏa thiêu.

Nhưng Nathalie không chú ý gì đến những vấn đề lớn này, trừ phi khi tác động của nó có ảnh hưởng trực tiếp và tức khắc đến nàng? Tất cả mặt trước sân khấu đã dành cho những câu chuyện nhỏ nhen bản thù xoay quanh việc kiếm đủ miếng ăn hằng ngày. Tất cả mọi phương tiện đều tốt, miễn dạ dày no. Trong gian phòng tối tăm, và nhỏ hẹp ba cuộc đời tự giam vào đó, lấy những giấc mơ về quá khứ huy hoàng, pha với chút ít hy vọng mong manh ở tương lai để chịu đựng những ngày khốn khổ. Nathalie cũng như ai, lăn xả vào cuộc đời bản chất, đem tất cả những mảnh khóc nhỏ và những phương tiện sẵn có để chinh phục miếng ăn. Tuy nhiên bên cạnh vẫn còn những phút dành cho mơ mộng, tình yêu, tình nghịch, nô giỡn, và hy vọng. Kết quả là Nathalie già trước tuổi; với tất cả những chấn thương, mệt mỏi tâm hồn và thể xác của người già nua.

Lỗi do ai? giữa thế kỷ hai mươi này, mà nhiều kẻ cho là một thế kỷ văn minh của nhân loại, một số lớn những con người sống cuộc đời như cuộc đời của Nathalie, nghĩa là tất cả ý nghĩ và việc làm bị thôi miên bởi miếng ăn, một miếng ăn rất khó kiếm, rất bản thù, rất hấp hút; ngoài ra những con người vô phúc này ít khi biết đến những thứ gọi là những tiện nghi của văn minh. Một thế giới kinh hoàng, của thời hồng hoang, nếu không phải là của thời tận thế, hiện lên trước mắt chúng ta, và dù có muốn bênh vực nền văn minh này, chúng ta cũng không thể nào phủ nhận sự hiện diện trắng trợn và khắp nơi của nó được. Cái nghèo khổ đến một độ mà con người không còn là con người, tất cả những giá trị gọi là giá trị nhân bản, văn minh, hay dân chủ vô nghĩa trước miếng mồi cơm áo. Tất cả những gì có thể xem là thiêng liêng nhất: tình yêu, gia đình, thiên chúa, có thể đánh đổi lấy miếng ăn, nếu có cơ hội. Những danh từ lớn, những ngu niên kẻ vĩ đại, những chương trình ghê gớm thật không thay đổi gì trong cuộc sống bản chất của một lớp người cùng khổ. Những đe dọa cũng như những hứa hẹn không nghĩa lý gì nữa, kể cả những hứa hẹn cao xa của tôn giáo. Cái nghèo quanh Nathalie là cái nghèo rất sống động, trắng trợn, chân

thật; cái nghèo không những chỉ ở trên tấm miếng ăn, mà đã thấm vào tâm trạng con người, ảnh hưởng đến linh hồn. Nó đem lại sự mất tin tưởng, mất khả năng thương yêu, lạc quan và hy vọng. Con người sống vô vọng, cuộc đời vô nghĩa lý. Nghèo đến cả giấc mộng, những kỷ niệm, cũng dần dà bị phá sản trước thực tại.

Tà cái nghèo khổ thì đã có rất nhiều tác giả tiếng tăm. Nhưng tà cái nghèo khổ với một giọng phẫn uất chân thành, với những nét thực đau đớn đến thế này, có lẽ chỉ có Alexandra Orme thôi sao? Và cái nghèo khổ này dần dần sẽ xóa mờ biên giới quốc gia để trở thành cái nghèo khổ chung của nhân loại hay đúng và thực hơn, của một đa số nhân loại. Nathalie không hề so sánh cuộc sống tồi tăm của người dân nghèo tồi, ở chuột với cuộc sống huy hoàng, huênh hoác của những tay lái buôn lưu manh làm tiền bằng đủ mảnh khỏe kẻ cả buôn bán dân tộc, và con người. Do đó cái nghèo khổ càng thấm thía hơn.

TRIỂN LÃM JEAN DUBUFFET

Ở Paris tháng 2 vừa rồi. Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Trang Trí đã tổ chức 1 cuộc trưng bày tranh của Jean Dubuffet, một họa sĩ độc đáo, đây là vinh dự cao nhất cho một họa sĩ còn sống. Trước Dubuffet, chỉ có Picasso và Chagall đã được từng bày tranh trong phòng triển lãm này. «Hãy vẽ cho quần chúng, cho thợ thuyền, cho người đi đường, cho trẻ em, cho thiên hạ», đại khái đó là quan niệm về mục đích và phương pháp diễn tả của Dubuffet.

«Không có lý do gì mà khi xem tranh, quần chúng lại cứ yên trí rằng mình đang phải đương đầu với 1 ngôn ngữ mới, một ngoại ngữ mà vô phúc mình chưa được học đến bao giờ nên chỉ «kinh nhi viễn chi». Để cho họ đi thưởng thức tranh «bình dân», thử tranh đôi khi vẫn có thể do những cây cọ sơn tầm thường và «ngờ ngạc nhiên, rồi thì cổ vũ rằng đó là sự ngây thơ, sự thành thực. sự sống, là trí thức của đám đông là ý thức của đám đông, v.v...»

Dubuffet chủ trương rằng hãy vẽ đơn giản, thành thực và không bị chi phối bởi một quan niệm cổ điển nào về nghệ thuật. Những tác phẩm được trưng bày chứng tỏ điều đó. Đó là những bức tranh mà trẻ con có thể đã vẽ ở ngoài đường bằng cục phấn, bằng cục đá đỏ, mà những kẻ nghịch ngợm đã tô lên bức tường ngoại ô, lên cạnh tấm «áp phích» xi nê hay tờ truyền đơn chính trị rách đôi trên cột đèn. Đó là ở quần chúng, với sự thành thực, vô tâm mà nhà nghệ thuật đã học hỏi được, đã phác họa được. Bây giờ chỉ còn việc trình bày với họ, với tất cả những kẻ đã là nguồn gốc, tiềm thức mỹ thuật của họa-sĩ.

Nhà xuất bản **BÔNG LAU**

34, đường Cô Bắc — SAIGON

- **Việt - Sử đệ thệt**

của Thanh-Giang

- **Việt - Sử đệ lục**

của Thanh-Giang

- **Việt - Sử đệ ngũ**

của Thanh-Giang

- **Việt - Sử đệ tứ**

của Thanh-Giang—Thái-Lăng-Nghiêm

- **Thế giới-Sử đệ tứ**

của Thanh-Giang—Thái-Lăng-Nghiêm

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

Mưa đêm cuối năm

Truyện ngắn thời đại của Võ-Phấn — 22đ

Quan điểm về mấy vấn đề văn hóa

Tiểu luận của Phạm-Việt-Truyền — 30đ.

Hoàng là nhất thống chí

Nguyên tác của Ngô-Thời-Chí, bản dịch của Ngô-Tất-Tố — 55đ.

Dị mơ

Truyện dài của Đỗ-Thức-Vĩnh — 40đ.

Trước vành móng ngựa

Phóng sự của Hoàng-Đạo — 30đ.

Liều trai chí dị

Nguyên tác của Bồ-Tông-Linh, bản dịch của Nguyễn-Hoạt — 40đ.

Luân lý chức nghiệp

Biên khảo của cụ Nguyễn-gia-Tường — 20đ.

Dòng sông định mệnh

Truyện dài của Đoàn-Quốc-Sỹ — 22đ.

Người xưa

của Trần-Đình-Khôi, giải thưởng Văn chương 1957 — 40đ.

Biểu nhất lãm văn học cận đại

Biên khảo của Thanh-Lăng — 40đ.

Mười điều tâm niệm

Tiểu luận của Hoàng-Đạo — 12đ.

Kim Tiền

Kịch của Vi-Huyền-Đắc, giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn — 20đ.

Phương Đông dư địa chí

Nguyên tác của Nguyễn-Siêu bản dịch của Ngô-mạnh-Nghinh 55đ.

Ác Mộng

của Ngô-xuân-Phụng 25đ.

Nhật Bản Sử Lược

của Châu-Vũ Nguyễn-văn-Tân 60đ.

Thuật Viết Văn

của Nguyễn-văn-Hầu 40đ.

Bùn lầy nước đọng

của Hoàng-Đạo, cuốn sách đã bị tịch thu khi xuất bản lần thứ nhất — 20đ.

Nhạc sỹ danh tiếng hiện đại

của Lê-Hoàng-Long, cuốn sách phê bình âm nhạc đầu tiên tại V.N. — 40đ.

Cơ sở báo chí và xuất bản tự do—giám đốc: Phạm-việt-Truyền